

CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 30 /CV-DLG

Gia Lai, ngày 19 tháng 4 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM.

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai

- Mã chứng khoán: DLG
- Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, P. Phù Đổng, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai
- Điện thoại liên hệ: (84-269) 3748 367 Fax: (84-269) 3747 366
- E-mail: duclong@duclonggroup.com
- Website: <http://duclonggroup.com/>

2. Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo thường niên năm 2023

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày ..19../4/2024 tại đường dẫn: <http://www.duclonggroup.com/bao-cao-thuong-nien.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2023

CTCP TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI
NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN TUỜNG CỘT

2
0
2
3

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



Đi là đến!



**TẬP ĐOÀN
ĐỨC LONG GIA LAI**

I. Thông tin chung

1. *Thông tin khái quát*

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5900415863
- Vốn điều lệ: 2.993.097.200.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 2.993.097.200.000 đồng
- Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, P.Phù Đồng, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai
- Số điện thoại: 0269 3748 367
- Số fax: 0269 3747 366
- Website: <http://www.duclonggroup.com/>
- Email: duclong@duclonggroup.com
- Mã cổ phiếu: DLG
- **Quá trình hình thành và phát triển**

+ **Năm 2023**

- + Kết thúc năm 2023, nền kinh tế thế giới tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức, diễn biến khó lường và ẩn chứa nhiều bất ổn. Chiến sự Nga - Ukraine diễn biến phức tạp hơn và chưa có hồi kết; bất ổn địa chính trị, an ninh lương thực, thiên tai, biến đổi khí hậu... ngày càng gia tăng. Lạm phát tuy hạ nhiệt, nhưng vẫn neo ở mức cao, nhiều nền kinh tế lớn duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt, lãi suất cao; thương mại, tiêu dùng và đầu tư toàn cầu tiếp tục suy giảm; hàng rào bảo hộ, phòng vệ thương mại gia tăng... ảnh hưởng đến hoạt động xuất, nhập khẩu.
- + Đối với Việt Nam, dù còn nhiều khó khăn song kinh tế năm 2023 đạt được nhiều kết quả tích cực, đáng ghi nhận và được các tổ chức quốc tế đánh giá cao. Tuy nhiên, thách thức từ bối cảnh quốc tế cũng như hạn chế nội tại đang trở thành rào cản cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam năm 2024.
- + Nền kinh tế nước ta trong năm qua đã có sự phục hồi mạnh mẽ, kinh tế vĩ mô khá ổn định, các cân đối lớn được bảo đảm. Quy mô GDP của Việt Nam đạt 10.221,8 nghìn tỷ đồng, tương đương 430 tỷ USD, tăng 5,05% so với năm trước, cao hơn tốc độ tăng trưởng của các năm 2020 và 2021. Tuy vậy, kinh tế Việt Nam vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức bởi thiên tai, dịch bệnh, chính sách thắt chặt tiền tệ, lạm phát, lãi suất tăng cao, thị trường bất động sản đóng băng, thị trường chứng khoán lao dốc, khiến nhiều doanh nghiệp trong cả nước đang phải đối mặt với muôn vàn khó khăn và Tập đoàn Đức Long Gia Lai cũng không phải là ngoại lệ.
- + ĐLGL đã không ngừng đổi mới hệ thống quản trị, thay đổi phương án kinh doanh cho phù hợp với bối cảnh, tình hình mới; tiếp tục đẩy mạnh công tác cấu trúc doanh nghiệp

và các công ty thành viên theo hướng ổn định, tiến hành chuyển nhượng các dự án, thoái vốn khỏi các công ty hoạt động kém hiệu quả. Các công ty thành viên đều nỗ lực trong việc thực hiện các mục tiêu, duy trì và phát triển sản xuất kinh doanh. Mặc dù kết quả kinh doanh năm 2023 chưa đạt như kỳ vọng nhưng những gì đã đạt được thì có thể xem đây là thành công của DLG GROUP trong bối cảnh phức tạp như hiện nay.

+ **Năm 2018**

ĐLGL tăng vốn điều lệ lên 2.993.097.200.000 đồng sau khi phát hành 14.251.905 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017.

+ **Năm 2017**

ĐLGL tăng vốn điều lệ lên 2.850.578.150.000 đồng sau khi thực hiện chào bán thành công 54.913.473 cổ phiếu ra công chúng.

+ **Năm 2016**

ĐLGL tăng vốn điều lệ lên 2.301.443.420.000 đồng sau khi thực hiện chuyển đổi trước hạn 5.000.000 trái phiếu chuyển đổi thành 50.000.000 cổ phiếu và tăng 10.958.225 cổ phiếu từ việc trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cho các cổ đông hiện hữu.

+ **Tháng 06/2010**

Tập đoàn Đức Long Gia Lai chính thức niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Tp.HCM (HOSE), mã chứng khoán DLG

+ **Tháng 06/2007**

Thành lập Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai và sau đó lần lượt thành lập 20 công ty thành viên, mở và liên kết thành lập 13 chi nhánh, cửa hàng trong và ngoài nước hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư đa ngành nghề.

- **Các sự kiện khác**

+ **Các hoạt động nổi bật trong năm 2023:**

✓ Chủ tịch Bùi Pháp chỉ đạo ngoài việc quán triệt tinh thần để ban Tổng Giám đốc, ban lãnh đạo các đơn vị thành viên tiếp tục duy trì và phát triển hoạt động SXKD, nhiệm vụ quan trọng trong năm 2023 là vẫn tiếp tục tập trung hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch 2023; tu sửa, chỉnh trang cơ sở hạ tầng và giải quyết tốt chế độ, chính sách cho người lao động. Các đơn vị phải chủ động triển khai kế hoạch từ những ngày đầu năm 2023, đảm bảo SXKD tuyệt đối an toàn, liên tục và hiệu quả, tiết giảm chi phí, tập trung giải quyết khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động.

✓ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023: Ngày 29/4/2023, Công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023. Đại hội đã thông qua các nội dung: Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị

năm 2022 và kế hoạch kinh doanh năm 2023; Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch SXKD 2023 của Ban Tổng Giám đốc; Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát, báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và Kiểm soát viên; thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán, kế hoạch doanh thu lợi nhuận năm 2023; thù lao, chi phí của HĐQT, BKS và tiền lương Ban Tổng Giám đốc năm 2022, kế hoạch thù lao và chi phí cho HĐQT, BKS Công ty năm 2023; lựa chọn công ty kiểm toán BCTC năm 2023; thông qua ủy quyền HĐQT quyết định một số vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

+ **Các thành tích đã đạt được:**

- ✓ 4 lần nhận giải “Sao vàng đất Việt” dành cho thương hiệu và sản phẩm đạt chất lượng cao.
- ✓ 3 lần nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ dành cho tập thể và cá nhân ông Bùi Pháp.
- ✓ 2 lần nhận Cờ thi đua của Chính phủ (năm 2008 và 2011).
- ✓ 3 lần nhận Cờ thi đua của UBND tỉnh Gia Lai (năm 2010, 2015 và 2016).
- ✓ Đạt Siêu cúp thương hiệu mạnh và phát triển bền vững, Cúp Sen vàng thương hiệu nổi tiếng Việt Nam và Quốc tế.
- ✓ Được trao tặng Huân chương lao động hạng Nhì, Ba cho Tập thể có thành tích xuất sắc.
- ✓ Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Bộ trưởng Bộ Công thương, Chủ tịch Phòng Thương Mại và Công nghiệp Việt Nam, Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Ủy ban Quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế trao tặng CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai
- ✓ Cá nhân ông Bùi Pháp được trao tặng Huân chương lao động hạng Ba; 2 lần nhận Danh hiệu Doanh nhân Việt Nam tiêu biểu; Cúp Thánh Gióng và Biểu tượng Bạch Thái Bưởi - Doanh nhân đất Việt thế kỷ 21; 7 năm liền (2014-2020) ông Bùi Pháp được bình chọn trong Top 200 người giàu nhất trên Sàn chứng khoán Việt Nam.
- ✓ Ngoài ra, Tập đoàn và cá nhân ông Bùi Pháp còn được các cơ quan Trung ương và các cơ quan ban ngành địa phương trao tặng nhiều phần thưởng cao quý khác.

2. ***Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:***

- Ngành nghề kinh doanh:

+ **Ngành nghề chiến lược:**

- ✓ Sản xuất điện tử và linh kiện điện tử
- ✓ Năng lượng tái tạo (thủy điện, điện gió, điện mặt trời)
- ✓ Cơ sở hạ tầng bằng hình thức BOT, BT, BOO;
- ✓ Đầu tư kinh doanh bất động sản đa sản phẩm;

+ **Ngành nghề truyền thống**

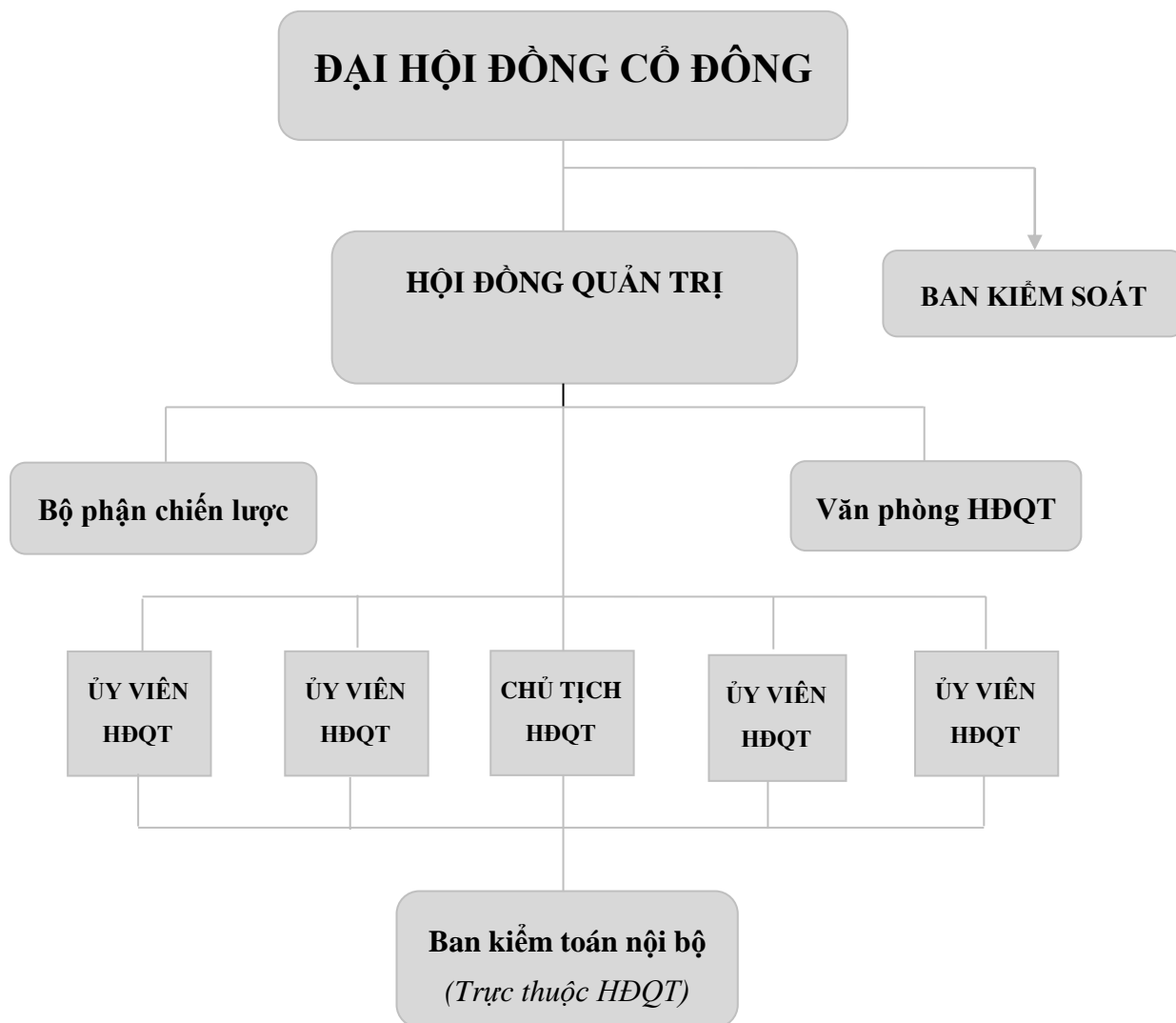
- ✓ Kinh doanh Nhà hàng, Khách sạn;
- ✓ Chế biến và kinh doanh đồ gỗ;
- ✓ Chế biến và kinh doanh đá granit;
- ✓ Bến xe và bãi đỗ;
- ✓ Dịch vụ bảo vệ.

- Địa bàn kinh doanh:

Là Tập đoàn kinh doanh đa ngành nghề, địa bàn kinh doanh của Đức Long Gia Lai không chỉ trong địa bản tỉnh Gia Lai mà trải rộng khắp các tỉnh thành trong cả nước. Bên cạnh đó, Tập đoàn còn mở rộng việc đầu tư kinh doanh bên ngoài lãnh thổ Việt Nam như Trung Quốc, Hồng Kông, Hàn Quốc và các nước Đông Nam Á khác. Các sản phẩm gỗ và sản phẩm linh kiện điện tử mang thương hiệu Đức Long Gia Lai xuất khẩu sang các nước Mỹ, Châu Âu, Châu Mỹ.

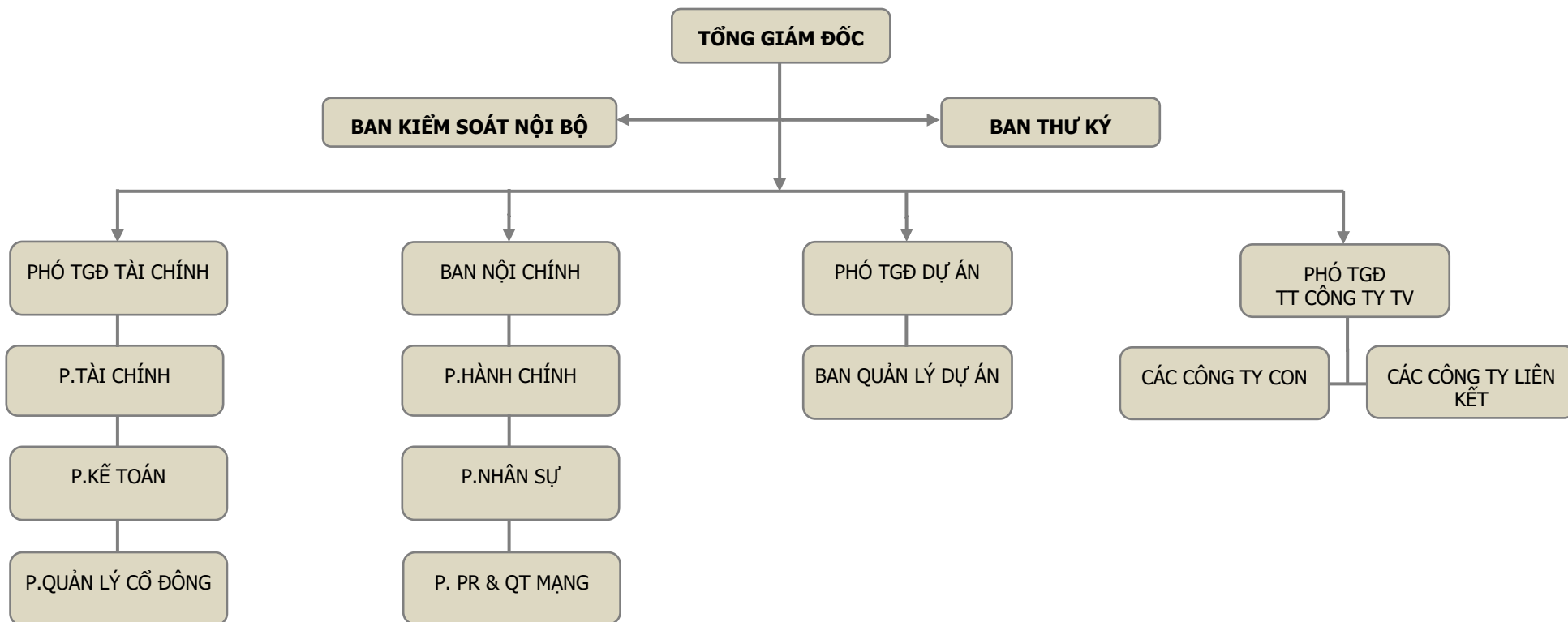
3. ***Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý***

- Mô hình quản trị: Sơ đồ tổ chức công ty



- Cơ cấu bộ máy quản lý:

SƠ ĐỒ BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY



- Các công ty con, công ty liên kết

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ nắm giữ có quyền biểu quyết
I. Công ty con					
1	CTCP BOT & BT Đức Long Đắk Nông	Số 4, Điện Biên Phủ, Phường Nghĩa Trung, Thị xã Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, đầu tư công trình xây dựng giao thông, ...	250	70,60%
2	CTCP BOT & BT Đức Long Gia Lai	782 Hùng Vương, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê, Gia Lai	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, đầu tư công trình xây dựng giao thông, ...	203,81	73,5%
3	Công ty Mass Noble Investments Limited	Hòm thư 957, Trung tâm doanh nghiệp nước ngoài Road Town, Tortola, quần đảo Virgin Islands thuộc Anh.	Sản xuất linh kiện thiết bị điện tử, viễn thông công nghệ cao, ...	320	97,73%
4	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện Năng Đức Long Gia Lai	43 Lý Nam Đế, Tp.Pleiku, Gia Lai	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, đầu tư xây dựng các công trình thủy điện, ...	122,5	93,35%
II. Công ty liên kết					
1	Công ty CP Tư vấn Xây dựng Giao thông Gia Lai	170 Trường Chinh, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Tư vấn đầu tư và xây dựng các công trình giao thông, hạ tầng đô thị, ...	2,96	20,00%

4. ***Định hướng phát triển***

- **Các mục tiêu chủ yếu của Công ty**

- + Phân đầu đến năm 2030, Đức Long Gia Lai sẽ trở thành một trong những công ty đa ngành hàng đầu của Việt Nam, có đủ năng lực để cạnh tranh với các Doanh nghiệp, Tập đoàn kinh tế trong nước và quốc tế.

✓ DLGL tiếp tục kiên định với các ngành nghề chiến lược giai đoạn 2023 - 2027 với quyết tâm: Sản xuất điện tử và thiết bị điện tử; Đầu tư cơ sở hạ tầng theo hình thức BOT, BT, BOO; Đầu tư kinh doanh bất động sản đa sản phẩm; Đầu tư năng lượng (Thủy điện, điện mặt trời, điện gió); Đồng thời đầu tư chuyên sâu một số lĩnh vực, ngành nghề truyền thống đang đem lại hiệu quả, bao gồm: Sản xuất, kinh doanh và chế biến gỗ, đá xây dựng, xây dựng kinh doanh bến xe, bãi đỗ xe, vệ sỹ, ...

✓ Về thị trường: Trong chiến lược phát triển, Đức Long Gia Lai sẽ tiếp tục củng cố vị thế tại thị trường nội địa, duy trì, tìm kiếm và mở rộng thị trường xuất khẩu nhằm tăng thị phần.

+ Đối với môi trường, xã hội, cộng đồng của Công ty

✓ Đối với môi trường: Tập đoàn Đức Long Gia Lai luôn xác định các hoạt động của mình sẽ góp phần bảo vệ và cải thiện môi trường, phù hợp với chính sách của nhà nước. Trong suốt quá trình hình thành và phát triển của mình, Đức Long Gia Lai luôn đề cao việc áp dụng kỹ thuật tiên bộ, phòng chống các tác nhân gây ô nhiễm môi trường và đẩy mạnh việc cải thiện môi trường như trồng rừng, chăm sóc rừng...

✓ Đối với xã hội: Tập đoàn luôn tích cực tập trung đầu tư phát triển những ngành phục vụ nhu cầu xã hội như ngành điện năng và xây dựng, đồng thời góp phần tạo ra việc làm, giải quyết các vấn đề của xã hội, tham gia tích cực các hoạt động từ thiện, nhân đạo, ...

✓ Đối với cộng đồng: Những dự án, công trình của Tập đoàn xây dựng góp phần vào phát triển kinh tế, xã hội tại địa phương, đảm bảo cân bằng lợi ích của Tập đoàn và lợi ích cộng đồng.

✓ Công ty tạo ra những đặc trưng riêng trong quản lý kinh doanh, điều hành sản xuất, thay đổi tư duy nhằm đột phá để phát triển và khẳng định giá trị bằng những dự án đầy thách thức và phát triển thông qua việc đáp ứng các nhu cầu của khách hàng kết hợp bằng phong cách làm việc tập thể, sự sáng tạo và khả năng triển khai chuyên nghiệp.

- **Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

+ Trên cơ sở kết quả đã đạt được của DLGL qua các năm trước đây, dự báo biến động tình hình kinh tế thế giới và những chính sách, cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp trong nước, HĐQT cân nhắc, thận trọng, đề nghị Đại hội thông qua định hướng và các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 và 03 năm (giai đoạn 2023 - 2025), như

sau:

+ Tiếp tục kiên định với các ngành nghề chiến lược giai đoạn 2023 - 2025: Sản xuất điện tử và thiết bị điện tử; Đầu tư cơ sở hạ tầng giao thông theo hình thức BOT; Đầu tư năng lượng (Thủy điện, điện mặt trời, điện gió); Đầu tư và kinh doanh bất động sản nhà ở, đô thị, nghỉ dưỡng; Đầu tư tài chính và mua bán - sáp nhập (M&A); đồng thời kiên định đầu tư chuyên sâu một số lĩnh vực, ngành nghề truyền thống, bao gồm: Khách sạn du lịch nghỉ dưỡng, sản xuất, kinh doanh và chế biến gỗ, chế biến đá granit, đá bazan, xây dựng kinh doanh bến xe, bãi đỗ xe.

+ Phát triển các ngành nghề cụ thể:

✓ **Lĩnh vực điện tử và linh kiện điện tử:** Tiếp tục đầu tư chuyên sâu, mở rộng thị trường các nhà máy, công ty tại Trung Quốc; Hồng Kông và Nhà máy tại Thành phố Thủ Đức, Tp. HCM, Việt Nam, đảm bảo cung cấp cho thị trường những sản phẩm với mẫu mã mới, chất lượng vượt trội, cung cấp cho thị trường Mỹ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc.... Bên cạnh đó, ĐLGL sẽ tiếp tục mở rộng các nhà máy sản xuất điện tử, linh kiện điện tử tại các tỉnh, thành phố: Bình Dương, Tp. Đà Nẵng nhằm gia tăng doanh thu, lợi nhuận các năm đến;

✓ **Lĩnh vực cơ sở hạ tầng:** Cùng với việc quản lý chuyên sâu, duy tu bảo dưỡng, đảm bảo chất lượng tốt cho các dự án Quốc lộ 14 từ Gia Lai đến Bình Phước nhằm ổn định hoạt động thu phí, đồng thời tiếp tục đề xuất cơ quan nhà nước có thẩm quyền tăng mức thu phí theo đúng lộ trình phương án tài chính đã ký, đề xuất cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phương án tài chính, kéo dài thời gian thu phí; Đây là nguồn thu và dòng tiền khá ổn định, góp phần tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận của Công ty;

✓ **Lĩnh vực năng lượng xanh, năng lượng tái tạo:** Bảo trì, bảo dưỡng các dự án thủy điện và điện mặt trời đã đầu tư và đưa vào khai thác. Theo dõi sát sao diễn biến, cập nhật thông tin các dự án năng lượng xanh, năng lượng tái tạo đã và đang được các địa phương và Bộ Công thương trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII để triển khai đầu tư giai đoạn 2024 - 2030.

✓ **Lĩnh vực bất động sản:** Mở rộng quy mô, hoàn thiện thủ tục pháp lý để triển khai các dự án bất động sản nhà ở, đô thị kết hợp khu du lịch nghỉ dưỡng tại các tỉnh, thành phố: Tp. HCM, Gia Lai, Kon Tum, Bình Định, Bình Thuận, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bến Tre...;

✓ **Lĩnh vực đầu tư tài chính, mua bán và sáp nhập (M&A):** Tăng cường

hợp tác, liên doanh, liên kết, liên minh, mua bán sáp nhập (M&A) và đầu tư tài chính nhằm gia tăng doanh thu, lợi nhuận;

✓ **Các lĩnh vực, ngành truyền thông:** Bao gồm: Khách sạn du lịch nghỉ dưỡng, chế biến sản phẩm đồ gỗ, chế biến đá granit, đá bazan và bến xe bãi đỗ, Tập đoàn sẽ đầu tư chuyên sâu, đảm bảo phục vụ tốt nhất cho khách hàng sử dụng dịch vụ khách sạn, bến xe, cung cấp sản phẩm đồ gỗ, đá phục vụ cho các công trình của Tập đoàn, giữ vững thương hiệu sản phẩm gỗ, đá mang thương hiệu ĐLGL đã được xây dựng từ ban đầu.

5. **Các rủi ro:**

- **Các yếu tố rủi ro**

+ **Rủi ro kinh tế**

✓ Nền kinh tế luôn tiềm ẩn nhiều rủi ro do chịu ảnh hưởng của các yếu tố trong và ngoài nước tác động, Đức Long Gia Lai là một chủ thể hoạt động của nền kinh tế nên cũng chịu ảnh hưởng nhất định trong hoạt động kinh doanh của mình.

✓ GDP năm 2023 ước tăng 5,05% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn tốc độ tăng GDP của những năm bùng phát đại dịch COVID-19 (2020-2021) và thấp hơn tốc độ tăng GDP những năm còn lại của giai đoạn 2011-2023.

✓ Trong năm 2023 với những bất ổn về chính trị, kinh tế thế giới gặp khó khăn, tổng cầu phục hồi yếu, lạm phát nhiều nước vẫn ở mức cao, chuỗi cung ứng thiếu ổn định, đã ảnh hưởng đến kinh tế trong nước. Hoạt động xuất, nhập khẩu phục hồi chậm do nhu cầu thế giới giảm, chính sách tiền tệ thắt chặt và lạm phát vẫn ở mức cao. Thị trường bất động sản tiếp tục ảm đạm, dòng tiền luân chuyển hạn chế, đặc biệt trong bối cảnh áp lực đáo hạn và trả nợ trái phiếu doanh nghiệp năm 2023 lớn. Thu hút đầu tư nước ngoài năm 2023 chưa phát huy hiệu quả khi các nhà đầu tư chưa mở rộng quy mô đầu tư vào các dự án đang hoạt động ở Việt Nam do những khó khăn chung của kinh tế thế giới nói chung và của cộng đồng doanh nghiệp.

+ **Rủi ro lãi suất**

✓ Rủi ro lãi suất là nguy cơ mà bất kỳ tổ chức nào cũng phải đối mặt, bao gồm doanh nghiệp, ngân hàng, nhà đầu tư,... có liên quan đến sự biến động của lãi suất gây áp lực lên chi phí tài chính, làm suy giảm lợi nhuận của doanh nghiệp hoặc làm giảm nguồn tiền cho vay của tổ chức tài chính.

✓ Với nhu cầu lớn về vốn để đáp ứng các mục đích đầu tư và hoạt động của

tập đoàn, nguồn vốn vay đóng vai trò quan trọng trong cơ cấu vốn của Tập đoàn đặc biệt các khoản lãi suất thả nổi. Ngành ngân hàng tiếp tục nâng cao chất lượng tín dụng và hướng dòng vốn vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh, thúc đẩy phát triển các dự án kết cấu hạ tầng; triển khai hiệu quả các chương trình tín dụng chính sách; đẩy mạnh phát triển tín dụng tiêu dùng; kiểm soát tín dụng vào lĩnh vực rủi ro cao như bất động sản, chứng khoán ...

+ **Rủi ro tỷ giá**

✓ Do phát sinh các giao dịch mua, bán hàng có gốc ngoại tệ, Tập đoàn sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Tập đoàn quản lý thông qua các biện pháp như: tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

+ **Rủi ro pháp luật**

✓ Với đặc điểm là tập đoàn đa ngành thì các hoạt động luôn chịu ảnh hưởng của nhiều quy định pháp luật khác nhau. Những thay đổi về luật pháp và cơ cấu tổ chức các cơ quan Nhà nước có thể ảnh hưởng đến các dự án đang triển khai và các dự án đang hoạt động của Tập đoàn. Vì vậy, Đức Long Gia Lai luôn quan tâm theo dõi cập nhật những thay đổi trong văn bản luật đảm bảo hoạt động của Tập đoàn luôn hợp pháp và minh bạch.

+ **Rủi ro môi trường**

✓ CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai với vai trò chủ yếu của công ty mẹ là hỗ trợ và kết nối, không tham gia trực tiếp vào hoạt động sản xuất, kinh doanh nên tác động trực tiếp đến lĩnh vực môi trường là không đáng kể. Tuy nhiên, xét về những tác động gián tiếp thông qua các công ty thành viên thì môi trường được xem là một trong những lĩnh vực cần được đánh giá tương xứng với tầm ảnh hưởng thực tế của tập đoàn. Để quản trị về vấn đề môi trường khi không tham gia vào các hoạt động trực tiếp của công ty thành viên, Tập đoàn hướng vào việc hỗ trợ thực hiện, kiểm soát kết quả hoạt động thông qua các thông tin về điều hành, các báo cáo để đánh giá mức độ tuân thủ và tính hiệu quả của các hoạt động. Trong các biện pháp kiểm soát thông tin, cơ chế đánh giá môi trường xã hội của Tập đoàn là giải pháp hiệu quả và chủ động để có được các thông tin tin cậy để đảm bảo kết quả hoạt động nhất quán với tầm nhìn, sứ mệnh và chiến lược phát triển bền vững của Tập đoàn.

Rủi ro đặc thù ngành

+ Rủi ro đối với lĩnh vực cơ sở hạ tầng:

✓ Các dự án xây dựng cầu đường chủ yếu của Tập đoàn là các dự án BOT, các dự án này đều là con đường quan trọng nối liền các tỉnh khu vực Tây Nguyên với các tỉnh thành phía Nam nên có mật độ xe lưu thông cao đem lại nguồn thu cho Tập đoàn. Tuy nhiên, trong tương lai, Tập đoàn sẽ phải cạnh tranh với nhiều doanh nghiệp khác trong nước và cả các công ty nước ngoài do Nhà nước chủ trương đầu tư mở mới các tuyến đường cao tốc tại các tỉnh Tây Nguyên, tạo nên sự chia sẻ doanh thu thu phí với các công ty thành viên của Tập đoàn. Để khắc phục, Tập đoàn đã chủ động tìm kiếm, tích cực hợp tác với các đối tác nước ngoài để áp dụng kỹ thuật hiện đại, tăng tính cạnh tranh, giảm thiểu chi phí, hoạt động chuyên nghiệp.

+ Rủi ro đối với ngành dịch vụ du lịch, khách sạn, resort:

✓ Là ngành dịch vụ chủ yếu phục vụ du khách nên hoạt động của ngành này bị ảnh hưởng bởi tình hình chung của nền kinh tế thế giới. Để giảm thiểu rủi ro, Tập đoàn không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ, nâng cấp hệ thống khách sạn và resort, Bên cạnh đó, còn có các chương trình ưu đãi hấp dẫn để thu hút du khách.

+ Rủi ro về lĩnh vực linh kiện điện tử:

✓ Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất linh kiện điện tử tại Việt Nam, Trung Quốc và Hàn Quốc. Trong bối cảnh thế giới hiện đang có rất nhiều Công ty, tập đoàn lớn được coi là người khổng lồ trong lĩnh vực điện tử, công nghệ như Samsung, LG... thì áp lực đối với các công ty sản xuất điện tử, linh kiện điện tử như Mass Noble, ... là rất lớn. Để có thể tồn tại và phát triển, các công ty nhỏ không thể trực tiếp cạnh tranh với các đối thủ sừng sỏ trên thị trường chính thức mà các doanh nghiệp này buộc phải khai thác các thị trường ngách, nơi mà các công ty lớn chưa quan tâm đến. Sự khéo léo định hướng đúng mục tiêu và lựa chọn đúng phân khúc đã giúp ĐLGL dần xây dựng được hình ảnh và uy tín trên thị trường.

+ Rủi ro đối với ngành năng lượng tái tạo:

✓ Đức Long Gia Lai chú trọng đầu tư hoạt động khai thác năng lượng sạch, năng lượng tái tạo bao gồm: Thủy điện, điện gió, điện mặt trời. Mặc dù năng lượng tái tạo mang lại nhiều lợi ích kinh tế, xã hội, môi trường, tuy nhiên, cơ chế chính sách đối với ngành điện còn thiếu đồng bộ, chậm được đổi mới; nguồn lực

đầu tư còn hạn chế và dàn trải. Để đẩy nhanh phát triển nhanh nguồn năng lượng sạch của Việt Nam cần phải vượt qua rất nhiều rào cản về: thể chế, pháp lý, thị trường, Rủi ro về giải pháp tại các dự án, do phát triển một cách ồ ạt nhưng cơ sở hạ tầng của nguồn điện còn nhiều hạn chế.

III. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Một số chỉ tiêu kết quả kinh doanh trong năm 2023:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2021	2022	2023	% tăng giảm 2023 với 2022
1	Doanh thu thuần	Triệu đồng	1.544.442	1.347.872	1.122.334	-16,73%
2	Giá vốn hàng bán	Triệu đồng	1.255.643	1.020.597	899.484	-11,87%
3	Lợi nhuận gộp	Triệu đồng	288.799	327.275	222.850	-31,91%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu đồng	359.198	236.856	237.577	0,30%
5	Chi phí hoạt động tài chính	Triệu đồng	494.693	427.844	353.452	-17,39%
6	Chi phí bán hàng	Triệu đồng	18.035	11.113	6.825	-38,59%
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Triệu đồng	120.227	1.289.317	658.989	-48,89%
8	Lợi nhuận thuần từ HĐ SXKD	Triệu đồng	14.713	-1.164.034	-558.790	-52,00%
9	Lợi nhuận khác	Triệu đồng	-10.001	-19.695	-3.027	-84,63%
10	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	4.711	-1.183.729	-561.817	-52,54%
11	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	11.793	-1.197.177	-578.740	-51,66%

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	Tỷ lệ hoàn thành
1	Doanh thu	Tỷ đồng	1.800	1.122,3	62%
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	100	-578,7	-

Tại báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2023, doanh thu đã thực hiện của DLG đạt 1.122,3 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế TNDN âm 578,7 tỷ đồng, nguyên nhân chính là

trích lập dự phòng phải thu khó đòi dẫn đến chi phí quản lý doanh nghiệp tăng cao. Trong điều kiện kinh tế trong và ngoài nước gặp nhiều khó khăn, tiềm ẩn nhiều rủi ro, vì vậy doanh thu và lợi nhuận đạt được vẫn chưa đạt mức kỳ vọng của ĐHCĐ thường niên năm 2023.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành tại ngày 31/12/2023:

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Ghi chú
1	Nguyễn Tường Cột	Tổng Giám đốc	14.382	0,005%	-
2	Trần Văn Phương	Phó Tổng Giám đốc	68.389	0,023%	-
3	Vũ Thị Hải	Phó Tổng Giám đốc	1.535.479	0,513%	-
4	Phạm Minh Việt	Phó Tổng Giám đốc	0	0%	-
5	Đỗ Thành Nhân	Trưởng Phòng Tài chính - Kế toán	84	0%	-

+ Nguyễn Tường Cột - Tổng Giám đốc

Trình độ: Cử nhân quản trị kinh doanh.

Quá trình công tác:

- ✓ Từ 2016 đến 6/2021: Giám đốc Công ty CP Tập đoàn năng lượng tái tạo Việt Nam;
- ✓ Từ 2017 đến 6/2021: Thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn năng lượng tái tạo Việt Nam;
- ✓ Từ 8/2021 đến 9/2021: Phó Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai;
- ✓ Từ 01/10/2021 - nay: Tổng Giám đốc – Người đại diện pháp luật Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai
- ✓ Từ 30/6/2022 - nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai

+ Trần Văn Phương - Phó Tổng Giám đốc

Trình độ: Cử nhân xây dựng

Quá trình công tác:

- ✓ 2007 - 01/2009: Công ty THHH XDCT Hùng Vương.
- ✓ 02/2009 - 04/2012: Công ty Cổ phần ĐT & PT Điện năng Đức Long Gia Lai;

- ✓ 05/2012 - 08/2013: Giám đốc công ty Cổ Phần ĐT & Xây dựng Đức Long Gia Lai;
- ✓ 09/2013 đến nay: Giám đốc Công ty Cổ phần ĐT & PT Điện năng Đức Long Gia Lai;
- ✓ 06/2017 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

+ **Vũ Thị Hải - Phó Tổng Giám đốc**

Trình độ: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- ✓ 1987 - 2007 : Kế toán công ty dịch vụ du lịch Gia Lai;
- ✓ 1/2008 - 02/2008 : Kế toán tổng hợp CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai;
- ✓ 3/2008 - 04/2011 : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai;
- ✓ 5/2011 - 6/2013 : Trưởng Ban Tài chính, trưởng Ban Quan hệ nhà đầu tư Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai;
- ✓ 07/2013 - 3/2018: Kế toán trưởng, Trưởng Ban Tài chính Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai;
- ✓ 07/2013 - nay: Trưởng Ban Quan hệ nhà đầu tư Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai;
- ✓ 4/2018 - nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

+ **Phạm Minh Việt - Phó Tổng giám đốc**

Trình độ: Kỹ sư xây dựng cầu đường

Quá trình công tác:

- ✓ 2003 - 06/2006: Trưởng phòng kỹ thuật Công ty TNHH Tư vấn Công trình Sài Gòn;
- ✓ 7/2006 - 4/2009: Trưởng phòng kỹ thuật Công ty CP Tư vấn Phương Nam;
- ✓ 4/2009 - 03/2010: Giám đốc điều hành dự án Công ty CP ĐTXD và Thương mại Thăng Long;
- ✓ 3/2010 - 10/2010: Trưởng Ban BOT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai;
- ✓ 10/2010 - nay: Phó Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai;
- ✓ 2/2017 - nay: Tổng Giám đốc CTCP BOT & BT Đức Long Gia Lai.

+ **Đỗ Thành Nhân: Trưởng Phòng Tài chính - Kế toán**

Trình độ: Kỹ sư quản trị Doanh nghiệp

Quá trình công tác:

✓ 01/9/2004 đến 9/2019: làm việc tại Ban Tài chính Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai;

✓ 9/2019 đến nay: Trưởng Phòng Tài chính – Kế toán Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

- **Những thay đổi trong ban điều hành:**

Không có

- **Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.**

+ **Thông kê nhân sự**

Tổng số lượng cán bộ nhân viên toàn Tập đoàn (bao gồm các công ty thành viên) tính đến 31/12/2023 là 5.750 người. Tập đoàn luôn quan tâm thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật. Mức lương bình quân của toàn thể cán bộ nhân viên Tập đoàn năm 2023 là 9 triệu đồng/người/tháng.

+ **Một số chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động**

✓ Chính sách tuyển dụng

Tập đoàn sử dụng khá linh hoạt với nhiều cách thức “tuyển” để “dụng” cùng những tiêu chí tuyển dụng công khai, minh bạch... Với thông điệp “ĐỨC LONG - nơi hội tụ nhân tài”, đảm bảo số lượng nhân sự đầu vào có chất lượng cao mặc dù thị trường nhân sự trong lĩnh vực Tập đoàn đang hoạt động ngày càng khan hiếm. Công tác tuyển dụng được thực hiện theo chiến lược phát triển của Tập đoàn, thực hiện theo kế hoạch hàng năm và trong từng giai đoạn dựa trên nguyên tắc tạo cơ hội bình đẳng cho mọi ứng cử viên, thực hiện theo quy trình tuyển dụng của Tập đoàn.

✓ Chính sách đào tạo

Đào tạo và phát triển nhân viên là ưu tiên hàng đầu và là chính sách quan trọng của Tập đoàn. Mỗi cán bộ - nhân viên đều được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các khóa đào tạo tại Công ty hoặc bên ngoài.

Dựa vào nội dung của từng khóa học, nhân viên sẽ được đào tạo thông qua các phương pháp phù hợp như: học lý thuyết, thảo luận, tiếp cận thực tế đưa ra các tình huống cụ thể, sát với thực tế để giải quyết, hoặc kết hợp ngoại khóa... Cuối mỗi khóa

đào tạo, nhân viên đều phải viết bài thu hoạch và báo cáo kết quả học tập về cho Ban Lãnh đạo Tập đoàn.

Cán bộ - nhân viên làm việc từ 6 tháng trở lên được tham gia đào tạo ngắn hạn trong nước theo kế hoạch đào tạo nghiệp vụ hàng năm, đào tạo đột xuất theo nhu cầu của Tập đoàn bằng các hình thức như đào tạo thông qua luân chuyển công tác, bố trí tham gia các ban dự án, chương trình để nhân viên có điều kiện phát huy khả năng và học hỏi kinh nghiệm tích lũy kiến thức, phát triển chuyên môn và nghề nghiệp theo định hướng của Công ty.

✓ Thăng tiến và phát triển nghề nghiệp

Tại Tập đoàn, cơ hội thăng tiến nghề nghiệp công bằng cho mọi đối tượng, được xác lập bằng kế hoạch sử dụng nguồn nhân lực với một quy trình rõ ràng. Tập đoàn có chính sách quy hoạch nguồn cán bộ lâu dài từ những cán bộ, nhân viên có tâm huyết, đủ trình độ, năng lực lãnh đạo, có thành tích trong lao động được lãnh đạo Tập đoàn đánh giá cao và đưa vào nguồn cán bộ quy hoạch dài hạn. Những cán bộ thuộc diện quy hoạch sẽ được bồi dưỡng, đào tạo, bổ sung kiến thức chuyên môn để điều hành các hoạt động của Tập đoàn trong những năm tiếp theo.

Tập đoàn luôn đánh giá năng lực và công việc định kỳ hàng tháng, qua đó đánh giá kết quả công việc và mục tiêu công việc, kế hoạch phát triển nghề nghiệp của mỗi cá nhân, đồng thời cũng là cơ sở nhằm quy hoạch nguồn nhân sự phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Tập đoàn.

✓ Chính sách tiền lương:

Với mục tiêu tạo mọi điều kiện cho người lao động an tâm, gắn bó dài lâu và đồng thời tiếp tục duy trì văn hóa doanh nghiệp, chính sách đãi ngộ lao động luôn được Tập đoàn xem trọng và liên tục hoàn thiện. Do đó, tại Tập đoàn, người lao động được hưởng các chế độ tiền lương, tiền thưởng theo quy chế rõ ràng. Hàng năm, người lao động có xếp loại lao động tốt đủ 12 tháng trở lên sẽ được xem xét điều chỉnh tăng lương sao cho phù hợp với trình độ, năng lực, hiệu quả công việc.

✓ Chính sách thưởng:

Tập đoàn thực hiện chế độ khen thưởng cho nhân viên căn cứ trên năng lực làm việc. Tập đoàn có chính sách thưởng bằng hiện kim thông qua việc đánh giá thi đua khen thưởng hàng năm, xem xét quá trình công tác, đạt hiệu quả cao, thành tích tiêu biểu. Đồng thời, Tập đoàn cũng có chính sách thưởng đột xuất đối với các cá nhân và tập thể có những đóng góp nổi bật trong việc triển khai thực hiện các chủ trương, chính

sách của Tập đoàn, có những ý tưởng và giải pháp sáng tạo mang lại hiệu quả trong việc phát triển Tập đoàn.

Ngoài ra, Tập đoàn cũng có chính sách đề xuất thưởng theo danh hiệu thi đua của nhà nước đối với những tập thể và cá nhân có những thành tích xuất sắc vượt bậc theo tiêu chuẩn chung của Luật thi đua khen thưởng và các văn bản hướng dẫn. Kết quả thi đua khen thưởng của cán bộ - nhân viên được sử dụng làm cơ sở để thực hiện các chính sách của Tập đoàn như: quy hoạch, đào tạo nguồn dự trữ kế thừa và nâng cao; nâng bậc lương trước thời hạn; đề bạt và bố trí chức vụ cao hơn.

✓ Chính sách phúc lợi:

Việc chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động luôn được Tập đoàn quan tâm hàng đầu. Tập đoàn đảm bảo các chế độ, chính sách được trả bằng hoặc cao hơn yêu cầu của luật lao động. Tất cả các cán bộ nhân viên chính thức của Tập đoàn đều được đảm bảo thụ hưởng các chế độ chính sách phù hợp với Luật lao động Việt Nam. Ngoài ra, cán bộ nhân viên còn được nhận các chế độ phúc lợi theo Thỏa ước lao động tập thể, được điều chỉnh hàng năm và có những chế độ như: thưởng các dịp Lễ, Tết, lương tháng 13, trợ cấp thâm niên, tham quan nghỉ mát, sinh nhật, kết hôn, chăm sóc sức khỏe, hỗ trợ khó khăn, được tham gia các hoạt động tổ chức Công đoàn, văn thể mỹ, thể dục thể thao.

Công đoàn Công ty được thành lập từ năm 2015 đã phát huy tốt vai trò động viên CBCNV làm tốt nhiệm vụ được phân công, tham gia cùng Ban điều hành Công ty giải quyết các vướng mắc nảy sinh từ việc tuyển dụng, đào tạo, phân công, bổ nhiệm và chi trả tiền lương cho CBCNV. Công đoàn cũng đã làm tốt việc thăm hỏi khi phát sinh các trường hợp tang chế, hiếu hỉ của CBCNV và người thân.

Môi trường - điều kiện làm việc:

Với phương châm “Con người là yếu tố cốt lõi của sự cạnh tranh”, Tập đoàn luôn hướng đến một môi trường làm việc hiện đại và chuyên nghiệp, nơi thật sự tôn vinh những tài năng và giá trị con người. Tập đoàn không ngừng xây dựng một môi trường làm việc:

- Giao tiếp cởi mở và tôn trọng.
- Công việc thách thức và sáng tạo.
- Thu nhập cạnh tranh và công bằng.
- Cơ hội học tập/thăng tiến rõ ràng và không giới hạn.

- Thành tích được đánh giá khách quan và khoa học.
- Công việc ổn định và được chăm sóc chu đáo.

Tập đoàn luôn chú tâm duy trì không khí thoải mái, vui vẻ khi làm việc. Các hoạt động thường xuyên được tổ chức như: các giải thể thao, văn nghệ, tổ chức sinh nhật cho cán bộ - nhân viên, các hoạt động sinh hoạt như dự các ngày lễ truyền thống của đất nước và Tập đoàn, các hoạt động chung vì cộng đồng v.v...

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn phát sinh trong năm:

Đầu tư ngắn hạn

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2022	2023	Chênh lệch
1	Đầu tư tài chính ngắn hạn	Tr.đồng	50.000	50.000	0
2	Cho vay, cho mượn ngắn hạn tổ chức	Tr.đồng	508.099	409.222	-98.877
3	Cho vay, cho mượn ngắn hạn các đối tượng khác	Tr.đồng	775.517	727.860	-47.657

Đầu tư dài hạn

STT	Chỉ tiêu	2022 (Tr.đồng)	2023 (Tr.đồng)	Chênh lệch
I	Đầu tư góp vốn	9.380	9.380	0
1	CTCP Tư vấn & Xây dựng Giao thông Gia Lai	8.900	8.900	0
2	CTCP Dịch vụ công cộng ĐL Bảo Lộc	480	480	0
II	Đầu tư vào đơn vị khác	40.540	41.670	1.130
1	CTCP Tập đoàn Alpha Seven	40.540	41.670	1.130
III	Cho vay dài hạn	973.364	1.124.175	150.811
1	Công ty CP Trồng rừng và Cây công nghiệp ĐLGL	374.407	377.565	3.158
2	Công ty CP Công nghiệp Khai thác Chế biến đá Tây Nguyên	14.214	313.765	299.551

STT	Chỉ tiêu	2022 (Tr.đồng)	2023 (Tr.đồng)	Chênh lệch
3	Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku	68.140	248.884	180.744
4	Các đối tượng khác	516.603	183.961	-332.642

b) *Tình hình thực hiện các dự án sử dụng nguồn tiền phát hành: Không có*

c) *Các công ty con:*

Chỉ tiêu tài chính của các công ty con:

CTCP BOT&BT Đức Long Đắk Nông

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023
1	Doanh thu	Tỷ đồng	251,5	269,4
2	LNTT	Tỷ đồng	92,5	74,2
3	Tài sản	Tỷ đồng	1.037,1	901,2
4	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	250	250

CTCP BOT&BT Đức Long Gia Lai

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023
1	Doanh thu	Tỷ đồng	169,4	179,6
2	LNTT	Tỷ đồng	-0,6	-4,3
3	Tài sản	Tỷ đồng	986,6	976,4
4	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	203,8	203,8

Công ty Mass Noble Investments Limited

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023
1	Doanh thu	Tỷ đồng	821,9	573,4
2	LNTT	Tỷ đồng	-113,4	-78,6
3	Tài sản	Tỷ đồng	456,7	412,2
4	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	320	320

Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện Năng Đức Long Gia Lai

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023
1	Doanh thu	Tỷ đồng	68,4	68,9
2	LNTT	Tỷ đồng	1,5	-14,3
3	Tài sản	Tỷ đồng	497,4	488,7
4	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	122,5	122,5

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	5.611.846	5.051.949	-10,0%
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	1.347.872	1.122.334	-16,7%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	(1.164.034)	(558.790)	-52,0%
4	Lợi nhuận khác	Triệu đồng	(19.695)	(3.027)	-84,6%
5	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	(1.183.729)	(561.817)	-52,5%
6	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	(1.197.177)	(578.740)	-51,7%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	0,64	0,41	-
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	Lần	0,54	0,34	-
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Tổng Nợ/Tổng tài sản	%	80,24%	89,56%	-
+ Tổng Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	4,06	8,58	-

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023	Ghi chú
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Vòng	3,33	4,26	-
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,24	0,22	-
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-88,82%	-51,57%	-
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	-107,95%	-109,71%	-
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	-21,33%	-11,46%	-
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	-86,36%	-49,79%	-

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- + Số cổ phiếu phổ thông: 299.309.720 cổ phiếu
- + Số cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu
- + Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 299.309.720 cổ phiếu
- + Số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- + Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

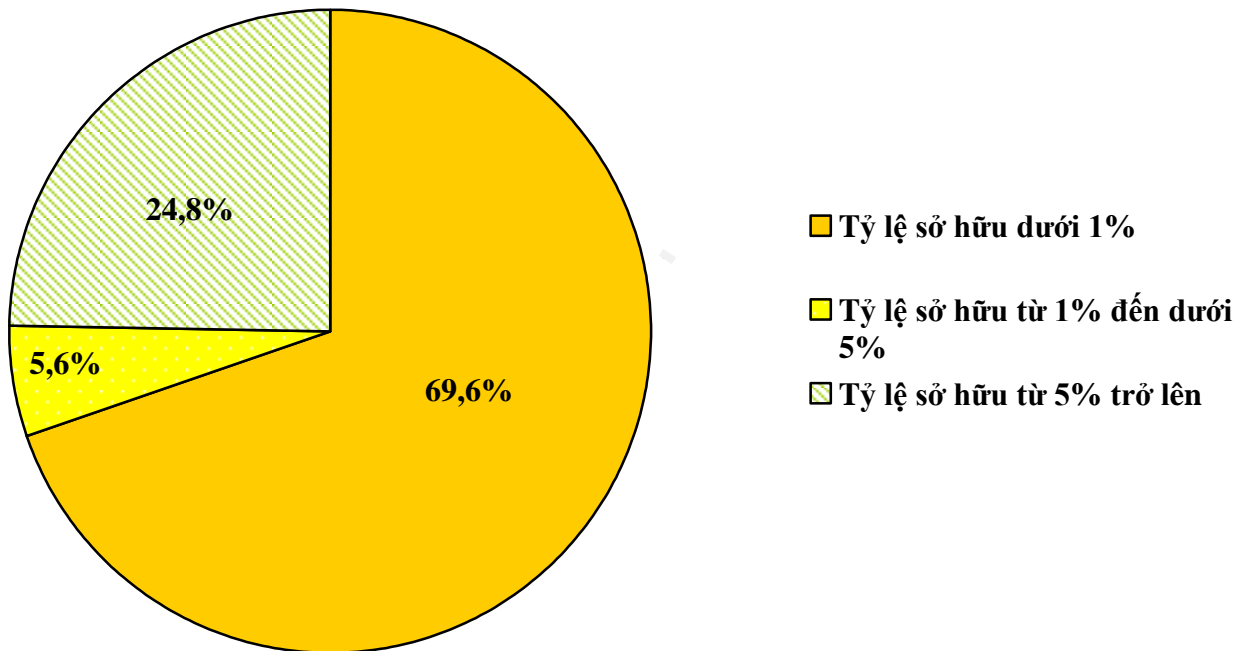
b) Cơ cấu cổ đông theo danh sách chốt ngày 29/3/2023

- + Cơ cấu cổ đông theo loại hình:

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ
1	Cổ đông trong nước	295.063.623	98,6%
<i>a</i>	<i>Cá nhân</i>	<i>294.770.674</i>	<i>98,5%</i>
<i>b</i>	<i>Tổ chức</i>	<i>292.949</i>	<i>0,1%</i>
2	Cổ đông nước ngoài	4.246.097	1,4%
<i>a</i>	<i>Cá nhân</i>	<i>1.977.762</i>	<i>0,6%</i>

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ
<i>b</i>	<i>Tổ chức</i>	2.268.335	0,8%
3	Tổng	299.309.720	100%

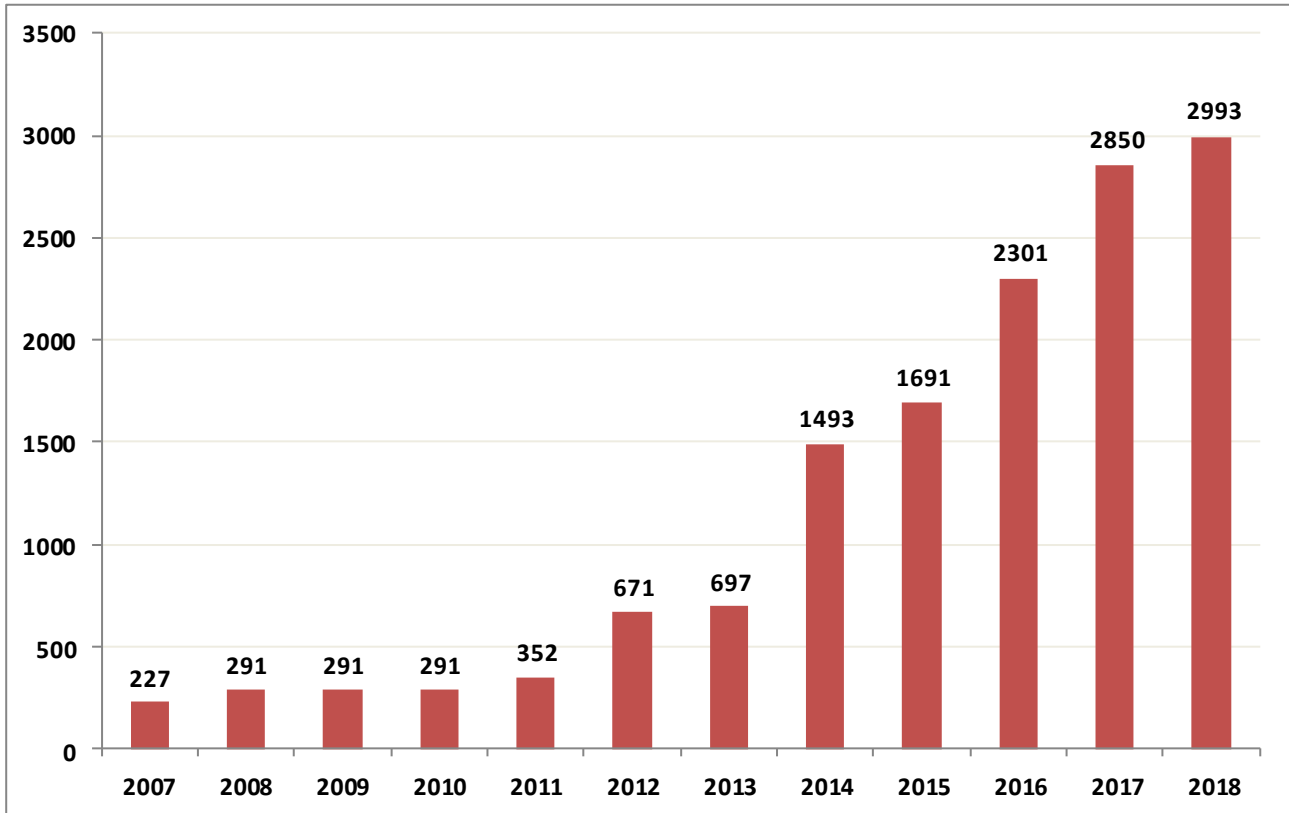
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THEO TỶ LỆ SỞ HỮU



+ Danh sách cổ đông lớn:

Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
Bùi Pháp	230512386	03 Trần Quang Khải, TP, Pleiku, Gia Lai	74.226.523	24,79%

+ **QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN 2007-2023 (TỶ ĐỒNG)**



c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm 2023, Đức Long Gia Lai không có sự thay đổi về vốn điều lệ.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất linh kiện điện tử, cơ sở hạ tầng thu phí theo hình thức BOT, năng lượng tái tạo và bất động sản đa sản phẩm.

- **Đối với lĩnh vực sản xuất linh kiện điện tử:** Hiện nay, Công ty đang sở hữu 2 nhà máy tại Việt Nam và Trung Quốc. Công ty luôn đáp ứng những yêu cầu khắt khe về môi trường ở các nước sở tại. Lựa chọn đơn vị thi công có thiết bị và phương tiện thi công cơ giới hiện đại để giảm thiểu ô nhiễm không khí - tiếng ồn; Lắp đặt hệ thống xử lý không khí và bộ lọc khí để đảm bảo không khí trong các xưởng sản xuất đạt độ sạch cao, nhà máy được thiết kế theo quy chuẩn xây dựng, có hệ thống gió, hệ thống làm thoáng không khí, các chất thải gây hại sẽ được thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định để giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường ở mức thấp nhất.

- **Lĩnh vực BOT, cơ sở hạ tầng:** Để giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, với vị thế là chủ đầu tư dự án. Công ty luôn ưu tiên lựa chọn nhà thầu xây dựng và cung cấp thiết bị có giải pháp tốt nhất về bảo vệ môi trường. Thiết bị trang bị cho dự án của Công ty đảm bảo tiết kiệm điện năng. Công ty ưu tiên sử dụng nguyên vật liệu thay thế ít sử dụng năng lượng nếu đáp ứng đủ tiêu chuẩn kỹ thuật. Trong tương lai, để giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường. Công ty đề ra giải pháp:
 - + Lựa chọn nhà thầu thi công và cung cấp trang thiết bị được đánh giá có giải pháp tốt nhất về môi trường.
 - + Trong hoạt động xây dựng của Công ty, Công ty áp dụng tối đa giải pháp bảo vệ môi trường như đầu tư trang thiết bị, xây dựng quy trình giám sát chặt chẽ, lập chỉ tiêu KPIs đánh giá về môi trường
- **Lĩnh vực năng lượng:** Công ty tập trung vào năng lượng tái tạo (thủy điện, điện mặt trời và điện gió). Sử dụng năng lượng tái sinh tác động tích cực đến môi trường và đời sống con người, giảm sử dụng nguồn năng lượng hóa thạch (than, dầu mỏ) hạn chế gây ô nhiễm không khí, bụi than, tiếng ồn, giảm được bãi rác thải đất đá, bảo vệ rừng ... làm cho môi trường không bị ô nhiễm và bảo vệ sức khỏe con người.
- **Lĩnh vực bất động sản đa sản phẩm:** Công ty luôn quan tâm đầu tư vào các biện pháp nhằm tăng hiệu quả các công trình bất động sản, giảm tiêu thụ năng lượng và khí thải. Các khu nhà thương mại sẽ tuân theo tiêu chuẩn của các chứng nhận xanh và hiệu quả năng lượng, áp dụng các sáng kiến tiết kiệm năng lượng thông qua việc lắp đặt các thiết bị hiện đại và tái chế, lắp đặt hệ thống gom nước mưa; sử dụng vật liệu ít tỏa khí thải, giảm nồng độ các chất ô nhiễm hóa học có thể gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng không khí, sức khỏe con người và môi trường.

6.1. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường. Bảo vệ môi trường là bảo vệ cuộc sống cho mọi người, vì vậy Ban lãnh đạo Công ty rất quan tâm đến vấn đề này.

Lĩnh vực sản xuất linh kiện điện tử:

- Các thiết bị điện và linh kiện điện tử trước khi được xuất ra ngoài thị trường phục vụ cuộc sống đều phải trải qua quá trình gia công sản xuất rất phức tạp, nhiều công đoạn và phát sinh nước thải gây ô nhiễm. Nguồn nước thải này chứa nhiều chất độc hại, kim loại nặng nên cần được xử lý nghiêm ngặt theo đúng quy trình và quy định về bảo vệ môi trường;
 - Thường xuyên theo dõi và bảo dưỡng máy móc thiết bị để máy luôn hoạt động tốt;
 - Nhà xưởng được thiết kế theo quy chuẩn xây dựng, có hệ thống gió, hệ thống làm thoáng đảm bảo môi trường làm việc cho công nhân;

- Trang bị bảo hộ lao động (nút tai chống ồn) cho công nhân làm việc tại những vị trí phát sinh tiếng ồn cao

Lĩnh vực BOT, cơ sở hạ tầng và bất động sản: Khi triển khai các dự án đầu tư, Công ty đều thuê những đơn vị tư vấn thực hiện việc đánh giá tác động đến môi trường tại địa bàn thực hiện dự án. Đồng thời, đưa ra các giải pháp thiết thực nhằm giảm tác động đến môi trường, hệ sinh thái ở mức thấp nhất. Đối với giai đoạn thực hiện dự án, Công ty đều đưa ra những cam kết và hành động cụ thể nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường.

- Biện pháp quản lý
 - + Lập kế hoạch, tiến độ thi công hợp lý, công trình xây dựng nhanh, hoàn thành sớm,
 - + Quy định cụ thể thời gian làm việc trong ngày,
 - + Phương tiện tham gia vận tải phải có giấy đăng kiểm, phải đạt các tiêu chuẩn lưu hành, lái xe phải có bằng lái, yêu cầu phải tuân thủ các quy định về an toàn khi tham gia giao thông,
- Biện pháp kỹ thuật
 - + Giảm thiểu bụi đất trong quá trình vận chuyển,
 - + Xe chở đất được che chắn cẩn thận bằng bạt,
 - + Không chở quá tải trọng cho phép nhằm hạn chế đất cát rơi vãi,
- Giảm thiểu ô nhiễm do nước thải
 - + Sử dụng lao động tại địa phương nhằm tránh lưu trú qua đêm do đó giảm lượng nước thải và hạn chế tình trạng gây ô nhiễm môi trường,
 - + Xây dựng các công trình vệ sinh tạm tại công trường xây dựng,
 - + Các nguyên liệu hại như xăng, dầu, nhựa đường... được lưu giữ trong kho chứa nhằm tránh việc làm đổ các chất độc hại trên,
- Giảm thiểu ô nhiễm do tiếng ồn, khí thải
 - + Không vận chuyển, vận hành máy móc thiết bị gây ra tiếng ồn lớn vào giữa trưa và ban đêm gây ồn cho khu vực xung quanh,
 - + Không sử dụng máy móc quá cũ để giảm mức gây ồn và các khí độc hại trong khói thải,
 - + Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân.

6.2. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trong quá trình hình thành và phát triển, ĐLGL không ngừng học hỏi, tìm tòi, phát huy và tiếp cận những công nghệ mới để giúp công ty hoàn thành những mục tiêu kinh doanh mà HĐQT đề ra. Từng bước đưa ĐLGL trở thành một Tập đoàn hàng đầu Việt Nam.

ĐLGL luôn tuân thủ việc đóng thuế đầy đủ cho cơ quan Nhà nước. Tạo rất nhiều công ăn việc làm cho rất nhiều lao động. Qua từng năm, từng thời điểm, từng quy mô nguồn vốn. Công ty luôn tuân thủ và đặt trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thuế lên hàng đầu. Luôn minh bạch trong quá trình đóng thuế của mình. Điều đó thể hiện trách nhiệm và nghĩa vụ của một tổ chức đối với nền kinh tế chung của đất nước.

ĐLGL đã tích cực tham gia nhiều hoạt động an sinh xã hội, từ thiện nhân đạo, ĐLGL đã ủng hộ các hoạt động xã hội không những tại địa bàn đứng chân, mà còn tại địa bàn đầu tư dự án.

6.3. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Bảo vệ môi trường sống là mục tiêu hàng đầu và quan trọng nhất mà ĐLGL đề ra trong các dự án đầu tư và phát triển cơ sở hạ tầng. Đảm bảo môi trường xanh - sạch - đẹp trước và sau khi dự án được triển khai. Theo Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2050 của Việt Nam mà Chính phủ phê 3 nhiệm vụ chính gồm: giảm cường độ phát thải khí nhà kính và thúc đẩy sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; xanh hóa sản xuất, khuyến khích phát triển công nghiệp xanh, nông nghiệp xanh và xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững. Để thực hiện các nhiệm vụ này, chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030 (Chiến lược quốc gia về Tăng trưởng xanh 2030). Việc xây dựng Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh 2030 hướng tới nền kinh tế trung tính các-bon (carbon neutral) trong dài hạn là ưu tiên hàng đầu trong bối cảnh mới, đặc biệt là xu hướng chuyển đổi số mạnh mẽ, giúp Việt Nam đón đầu cơ hội và sử dụng nguồn lực một cách hiệu quả. Tăng trưởng xanh không những giúp đảm bảo bền vững về môi trường, nâng cao năng lực chống chịu của quốc gia trước biến đổi khí hậu và rủi ro thiên tai, dịch bệnh, mà còn tạo bình đẳng trong tiếp cận cơ hội và hưởng lợi của mọi người dân, không để ai bị bỏ lại phía sau trong quá trình phát triển. Tăng trưởng xanh góp phần truyền tải, chia sẻ các giá trị nhân văn, các giá trị văn hóa cốt lõi, lối sống có trách nhiệm của từng con người và của toàn xã hội.

Bên cạnh sự nỗ lực của Chính phủ cần sự tham gia, phối hợp của các doanh nghiệp. Để nền kinh tế xanh hơn thì bản thân các doanh nghiệp trong nước phải có những hành động cụ thể hơn, thiết thực hơn để góp phần làm nền kinh tế xanh hơn, ĐLGL luôn cam kết và tạo sự chuyển biến tích cực từ ý thức bảo vệ môi trường đến toàn bộ cán bộ công nhân viên.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kinh tế Việt Nam năm 2023 mặc dù vẫn còn nhiều khó khăn, nhưng với sự vào

cuộc của cả hệ thống chính trị. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chủ động, linh hoạt, quyết liệt, sát sao chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương cùng với sự đoàn kết, tin tưởng, ủng hộ của Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp đã triển khai nhiều giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy tăng trưởng, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô và các cân đối lớn của nền kinh tế, nhờ đó kinh tế nước ta vẫn đạt được kết quả khả quan cho thấy nền kinh tế tiếp tục có xu hướng phục hồi mới mức tăng trưởng quý sau cao hơn quý trước.

- Năm 2023, tăng trưởng kinh tế ước đạt 5,05% (Quý I tăng 3,41%; quý II tăng 4,25%; quý III tăng 5,47%; quý IV tăng 6,72%). Riêng ngành công nghiệp, tính chung cả năm giá trị tăng thêm tăng 3,02%, là mức tăng thấp nhất trong cả giai đoạn 2011-2023, Trong khi đó, ngành du lịch không thể duy trì được đà tăng trưởng của năm 2022 mà chỉ giữ được ở mức cận dưới so với xu thế dài hạn, tính chung cả năm, giá trị tăng thêm của ngành này tăng ở mức 6,82%, chỉ cao hơn 2 năm chịu ảnh hưởng nghiêm trọng của đại dịch Covid-19 là 2020 và 2021. Các chỉ số thống kê liên quan đến doanh nghiệp ở các ngành nghề cũng cho thấy khoảng 30-40% các doanh nghiệp đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh đang khó khăn và dự kiến tiếp tục khó khăn hơn trong thời gian tới. Theo đó, khoảng 30% số doanh nghiệp có đơn hàng nói chung và đơn hàng xuất khẩu giảm đi và sẽ cắt giảm khối lượng sản xuất trong quý I/2024.

- Đáng chú ý, mặc dù hoạt động xuất và nhập khẩu hàng hóa đều giảm, nhưng do nhập khẩu giảm mạnh hơn nên nền kinh tế vẫn xuất siêu ở mức 28 tỷ đô - mức cao kỷ lục trong lịch sử, cao gấp 2,3 lần mức năm 2022.

- Như vậy, nhìn từ phía tổng cung của nền kinh tế, năm 2023 vẫn có sự tăng trưởng nhưng ở mức độ yếu và khá thiếu chắc chắn khi chuyển tiếp sang năm 2024.

- Bên cạnh đó, thị trường bất động sản suy giảm, thị trường trái phiếu doanh nghiệp gần như đóng băng, hầu như không có phát hành, chủ yếu là hoạt động mua lại trái phiếu doanh nghiệp của các doanh nghiệp bất động sản; giá cả chi phí đầu vào, chi phí nguyên vật liệu, giá xăng dầu, vật tư tăng cao, cơ chế điều hành có lúc còn bất cập, có thời điểm xảy ra tình trạng khan hiếm xăng dầu...

- Những khó khăn đó đang “bào mòn sức khỏe” của doanh nghiệp, ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân; nhiều doanh nghiệp có tình trạng thiếu vốn, khó khăn trong tiếp cận dòng vốn để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh, nhiều doanh nghiệp phải thu hẹp sản xuất do không ký được các đơn hàng mới,

- Những tồn tại của nền kinh tế cũng ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, trong đó Tập đoàn Đức Long Gia Lai (ĐLGL) không phải là ngoại lệ,

- Quá trình thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch năm 2023, ĐLGL có được những yếu tố thuận lợi và khó khăn sau đây:

+ **Thuận lợi:**

✓ Tập đoàn Đức Long Gia Lai với các thế mạnh sẵn có: Những thành tựu đạt được trong các năm trước về kết quả sản xuất kinh doanh, nguồn tài chính, chất lượng, uy tín, chất lượng nguồn nhân lực... và mô hình quản trị tiên tiến, sự minh bạch trong hệ thống tài chính, thương hiệu của doanh nghiệp niêm yết trên sàn;

✓ Với mối quan hệ sâu rộng của Chủ tịch HĐQT và được sự quan tâm, hỗ trợ của các cơ quan, ban ngành từ Chính phủ, các bộ ban ngành TW và các địa phương, Tập đoàn đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhiều dự án lớn, hứa hẹn sẽ mang lại hiệu quả đầu tư cao trong các năm tới;

✓ Đội ngũ cán bộ nhân viên của Văn phòng Tập đoàn và các công ty thành viên đã đồng hành với Tập đoàn qua nhiều năm, luôn tin tưởng, sát cánh kề vai với HĐQT và Ban điều hành, tích cực phát huy tính năng động trong việc triển khai các chủ trương, kế hoạch phát triển của Tập đoàn,

+ **Những khó khăn, thách thức:**

✓ Sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp có chung ngành nghề sản xuất kinh doanh và đầu tư;

✓ Các chủ trương chính sách của Nhà nước như rà soát, kiểm tra, kiểm soát, hậu kiểm, hội tố chặt chẽ các thủ tục pháp lý đã ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình sản xuất kinh doanh và đầu tư của Tập đoàn;

✓ Đội ngũ cán bộ quản lý của Tập đoàn tuy đã được tăng cường và đã kinh qua nhiều kinh nghiệm thực tiễn nhưng có lúc vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển nhanh của Tập đoàn,

✓ Các yếu tố thuận lợi và khó khăn đã tác động không nhỏ đến quá trình điều hành Tập đoàn, nhưng với sự chỉ đạo sâu sát, quyết liệt của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã tập trung khai thác các lợi thế của ĐLGL, quyết tâm đổi mới, đầu tư chiều sâu, tận dụng những thuận lợi của nền kinh tế, biến những thách thức thành cơ hội phát triển và đạt được những kết quả đáng ghi nhận.

- **Hoạt động đầu tư:**

+ **Về lĩnh vực linh kiện điện tử:** Duy trì và hoạt động sản xuất ổn định Nhà máy sản xuất linh kiện điện tử tại Khu Công nghệ Cao Quận 9, Tp.HCM. Hoàn thiện thủ tục để đầu tư thêm 02 nhà máy sản xuất linh kiện điện tử tại thành phố Đà Nẵng và tỉnh Bình Dương. Tranh thủ tình hình các nhà đầu tư nước ngoài đang có xu hướng dịch chuyển và rút khỏi Trung quốc để đầu tư, mở rộng sản xuất và phát triển tại Việt Nam;

+ **Về lĩnh vực cơ sở hạ tầng:** Công ty hiện đang sở hữu 04 trạm thu phí trên tuyến QL14. Mặc dù doanh thu và lợi nhuận các trạm thu phí chưa đạt theo kế hoạch dự kiến, nhưng vẫn là nguồn thu khá ổn định của DLG. Ngoài việc tập trung cho công tác duy tu, bảo dưỡng các tuyến đường tại Gia Lai, Đăk Nông, Bình Phước để đảm bảo chất lượng tuyến đường, thu phí ổn định. Năm 2024, hai trạm thu phí tại Gia Lai sẽ điều chỉnh tăng giá vé theo công văn số 14209/BGTVT-CDCTVN ngày 12/12/2023 của Bộ Giao thông vận tải phê duyệt nhằm đảm bảo lợi ích cho nhà đầu tư, việc tăng giá vé sẽ giúp tăng doanh thu Công ty CP BOT & BT Đức Long Gia Lai.

+ **Về lĩnh vực năng lượng tái tạo:** Công ty đã làm tốt công tác duy tu, bảo trì, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng, máy móc, thiết bị tại các nhà máy thủy điện; doanh thu phát điện tăng trưởng mạnh, gia tăng dòng tiền khá ổn định và hiệu quả. Công ty đã đầu tư và phát điện nhiều dự án thủy điện, điện mặt trời tại các tỉnh Lâm Đồng, Kon Tum. Ngoài ra, Tập đoàn đã hoàn thiện thủ tục đầu tư các dự án điện mặt trời, điện gió, thủy điện và đầu tư TBA 500kV cùng với lưới điện truyền tải để giải phóng công suất với hơn 3.000MW (trong đó có 700MW điện gió; 2,200 MW điện mặt trời trên đất liền và mặt hồ; 250 MW thủy điện) tại các tỉnh Tây Nguyên và Đông Nam Bộ, Các dự án đã và đang được Bộ Công thương trình Chính phủ xem xét phê duyệt kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII;

+ **Về lĩnh vực bất động sản nhà ở, khu đô thị, khu du lịch nghỉ dưỡng và khu công nghiệp:** ĐLGL đang chuẩn bị triển khai các dự án bất động sản thuộc các lĩnh vực này tại các tỉnh, thành phố: Gia Lai, Kon Tum, Bình Định, Bình Thuận, Bà Rịa - Vũng Tàu,...;

2. *Tình hình tài chính*

a) *Tình hình tài sản*

ĐVT: Triệu VND

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Tăng trưởng 2023 so với 2022	% tăng giảm
Tài sản ngắn hạn				
Tiền và các khoản tương đương tiền	117.985	194.659	76.674	64,99%
Đầu tư ngắn hạn	50.000	50.000	0	0,00%
Các khoản phải thu ngắn hạn	1.234.607	707.118	-527.489	-42,73%
Hàng tồn kho	243.504	178.446	-65.058	-26,72%
Tài sản ngắn hạn khác	1.298	1.486	188	14,48%
Tổng tài sản ngắn hạn	1.647.393	1.131.710	-515.683	-31,30%
Tài sản dài hạn				
Các khoản phải thu dài hạn	974.633	1.125.444	150.811	15,47%
Tài sản cố định	2.609.448	2.417.447	-192.001	-7,36%
Bất động sản đầu tư	29.135	27.444	-1.691	-5,80%
Tài sản dở dang dài hạn	40.861	34.958	-5.903	-14,45%
Các khoản đầu tư dài hạn	16.182	21.974	5.792	35,79%
Tài sản dài hạn khác	294.194	292.971	-1.223	-0,42%
Tổng tài sản dài hạn	3.964.452	3.920.239	-44.213	-1,12%
Tổng tài sản	5.611.846	5.051.949	-559.897	-9,98%

b) Tình hình nợ phải trả

ĐVT: Triệu VND

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Tăng trưởng 2023 so với 2022	% tăng giảm
Nợ phải trả				
Nợ ngắn hạn	2.592.155	2.769.672	177.517	6,85%
Nợ dài hạn	1.910.669	1.754.762	-155.907	-8,16%
Tổng nợ	4.502.825	4.254.434	-248.391	-5,52%
Vốn chủ sở hữu				
Vốn chủ sở hữu	1.109.021	527.515	-581.506	-52,43%
Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu	2.993.097	2.993.097	0	0,00%
Trong đó: Lợi nhuận chưa phân phối	-2.069.778	-2.664.379	-594.601	28,73%
Tổng nguồn vốn	5.611.846	5.051.949	-559.897	-9,98%

- Một số yếu tố khác:

+ **Về ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá**

Do phát sinh các giao dịch mua, bán hàng có nguồn gốc ngoại tệ, Tập đoàn chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được quản lý thông qua các biện pháp: tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

+ **Về ảnh hưởng của chênh lệch lãi vay**

Do có các khoản vay có lãi suất thả nổi đã ký kết. Theo đó, có bất cứ biến động nào về lãi vay đều có tác động đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn. Tuy nhiên, Tập đoàn đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn thời điểm trả nợ thích hợp. Do vậy, biến động lãi suất ngoài dự tính vẫn được duy trì ở mức thấp.

3. **Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

- **Công tác quản trị:** Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đồng bộ các giải pháp:

+ Bám sát mục tiêu của kế hoạch từ đầu năm, tiếp tục duy trì và cải tiến hệ thống quản trị theo hướng hiện đại để đáp ứng đủ lực cho việc quản trị hệ thống với quy mô phát triển ngày một lớn mạnh;

+ Xây dựng, trình Hội đồng quản trị ban hành các quy định, quy chế hoạt động phù hợp với mô hình quản trị của doanh nghiệp; thực hiện các quy định về công bố thông tin, chế độ báo cáo theo quy định của UBCKNN và Sở GDCK thành phố Hồ Chí Minh;

+ Tiếp tục triển khai các giải pháp kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động của toàn Công ty thông qua các biện pháp tiết giảm chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua việc kiểm soát chặt chẽ chi phí và tăng năng suất lao động;

+ Tăng cường nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính toàn doanh nghiệp an toàn, hiệu quả. Tiếp tục rà soát tính hiệu quả của các tài sản và các mảng kinh doanh, những tài sản nào không phát huy hiệu quả thì cho thuê mướn, chuyển nhượng, liên doanh liên kết nhằm tạo ra hiệu quả sử dụng vốn cao nhất cho Tập đoàn.

- **Công tác nhân sự - lao động:**

+ Đã cơ cấu, luân chuyển nhân sự quản lý cấp cao (TGD, KTT các Công ty thành viên) nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả trong quản lý điều hành cho phù hợp với tình hình phát triển giai đoạn mới;

+ Quan tâm đến công tác quản trị nhân sự thông qua việc xây dựng hệ

thống quản trị nhân sự chuyên nghiệp; có cơ chế tiền lương, tiền thưởng và môi trường, điều kiện làm việc hấp dẫn; thu hút, tuyển dụng, đào tạo và sắp xếp lại nguồn nhân lực, sắp xếp, định biên lại nhân sự các phòng, ban Văn phòng Tập đoàn và các công ty/đơn vị thành viên để đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ ngày càng cao, phù hợp với chiến lược phát triển của Tập đoàn trong giai đoạn mới;

+ Đảm bảo đúng kỷ luật, nội quy nề nếp và an toàn trong lao động. Tất cả cán bộ nhân viên ĐLGL đều được trang bị đầy đủ công cụ lao động cần thiết, môi trường công tác đảm bảo trong điều kiện tốt nhất.

+ Ban Tổng Giám đốc đã phối hợp chặt chẽ với Chi bộ, Công đoàn cơ sở tổ chức tốt công tác thăm hỏi, chúc mừng, tặng quà cho cán bộ nhân viên và gia đình trong những ngày sinh nhật, cưới hỏi; thăm hỏi những lúc ốm đau, hoạn nạn; kỷ niệm các ngày lễ như: Ngày quốc tế phụ nữ 08/3, giỗ tổ Hùng Vương 10/03 ÂL. Ngày chiến thắng 30/4, Quốc tế lao động 01/5, Quốc khánh 2/9, Ngày phụ nữ Việt Nam 20/10. Tổ chức tặng quà và khen thưởng cho con cán bộ nhân viên có thành tích học tập xuất sắc, tặng quà nhân dịp Ngày quốc tế thiếu nhi 01/6, tổ chức Trung thu cho con em cán bộ Tập đoàn.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Năm 2024, dự báo tình hình thế giới sẽ tiếp tục diễn biến nhanh, phức tạp khó lường cả về chính trị, an ninh, kinh tế, xã hội. Trong nước, các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ tăng lạm phát là rất lớn. Khó khăn và nhiều thách thức, nhất là biến động giá nguyên vật liệu đầu vào, đà phục hồi tiêu dùng trong nước, tạo áp lực lạm phát, chi phí sản xuất tăng cao, rủi ro về chuỗi cung ứng; thực hiện điều chỉnh giá dịch vụ do nhà nước quản lý, thiên tai, dịch bệnh bão lũ, biến đổi khí hậu...

Một số điểm yếu căn bản trong nền kinh tế, như giải ngân đầu tư công, nguồn cung năng lượng, khả năng nội địa hóa hàng xuất khẩu v.v.. và những “con gió ngược” về xung đột chính trị, lạm phát và lãi suất tăng cao, tâm lý tiêu dùng bất ổn định, v.v... đã khiến kinh tế Việt Nam giảm đà tăng trưởng một cách đáng kể, có những lúc xuống mức thấp nhất trong hơn mười năm trở lại đây. Với những nỗ lực không ngừng nghỉ của Chính phủ, các cấp, các ngành, địa phương, doanh nghiệp và người dân nhằm khai thông các nguồn lực, đẩy mạnh các hoạt động đầu tư, sản xuất-kinh doanh, tiêu dùng. Việt Nam đã có một năm vượt khó xuất sắc. Tất nhiên, nhiều thách thức lớn vẫn còn tồn tại và cần sớm được giải quyết khi bước sang năm 2024.

Như vậy, bối cảnh quốc tế sẽ trở nên khó khăn hơn trong năm 2023 và sẽ tác động không nhỏ tới tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Trong bối cảnh này, Quốc hội đã đặt mục

tiêu tăng trưởng năm 2023 là 6,5%, dù thấp hơn kết quả đạt được của năm 2022 là 8,02% nhưng đây được đánh giá là mục tiêu đầy thách thức. Theo nhận định của các chuyên gia kinh tế thì năm 2023 thách thức nhiều hơn thuận lợi. Nếu quyết tâm cao, nỗ lực lớn, thực hiện tốt, thì mục tiêu tăng trưởng 6,5% đặt ra là rất cao nhưng cũng nằm trong tầm tay. Để đạt được mục tiêu Quốc hội đề ra, doanh nghiệp cần đầu tư đổi mới, nâng cao chất lượng máy móc thiết bị, công nghệ sản xuất, quy trình phương thức quản trị doanh nghiệp, áp dụng các tiêu chuẩn phù hợp với thị trường xuất khẩu gồm tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn vệ sinh thực phẩm, ...

- **Mục tiêu, định hướng:** Tiếp tục kiên định với các ngành nghề chiến lược giai đoạn 2023 - 2027: Đầu tư cơ sở hạ tầng giao thông theo hình thức BOT; Đầu tư năng lượng (Thủy điện, điện mặt trời, điện gió); Sản xuất điện tử và thiết bị điện tử; Đầu tư và kinh doanh bất động sản nhà ở, đô thị, nghỉ dưỡng; Đầu tư tài chính và mua bán - sáp nhập (M&A); đồng thời kiên định đầu tư chuyên sâu một số lĩnh vực, ngành nghề truyền thống, bao gồm: Khách sạn du lịch nghỉ dưỡng, sản xuất, kinh doanh và chế biến gỗ, chế biến đá granit, đá bazan, xây dựng kinh doanh bến xe, bãi đỗ xe. Ngoài ra, Tập đoàn duy trì các ngành nghề truyền thống xét thấy có hiệu quả, xem xét để thoái vốn đối với các ngành nghề kém hiệu quả. Tìm kiếm, phát triển các ngành nghề kinh doanh hiệu quả, đem lại lợi nhuận kinh tế cao.

- **Các chỉ tiêu chủ yếu năm 2024-2025:**

CHỈ TIÊU	2024	2025
- Doanh thu (tỷ đồng)	2.000	2.500
- Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	180	250

- **Các biện pháp triển khai kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2023:**

+ Duy trì các hoạt động giám sát, lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của HĐQT và nâng cao năng lực hoạt động của các thành viên HĐQT đúng pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

+ Kiên định tiếp tục cấu trúc toàn diện Công ty, trên các mặt trận kinh doanh, tài chính, đầu tư và quản trị nhân sự, tập trung vào các giải pháp như sau:

+ **Về hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư:** Tiếp tục đầu tư chuyên sâu vào các lĩnh vực mang lại dòng tiền tốt; thoái vốn các ngành nghề đầu tư kém hiệu quả;

+ **Công tác tài chính, chứng khoán, trái phiếu, cổ phiếu doanh nghiệp:** Tài chính là huyết mạch của doanh nghiệp. Tiếp tục cấu trúc tài chính toàn diện, thành công, tập trung vào công tác thoái vốn, chuyển nhượng các dự án, tài sản đầu tư kém hiệu quả, phát hành cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp khi đủ điều

kiện, tiến tới giảm thấp nhất nguồn vốn vay ngân hàng.

+ **Hoạt động hợp tác đầu tư:** Mời gọi các đối tác là các tập đoàn trong và ngoài nước tham gia đầu tư vào những dự án tiềm năng thuộc các lĩnh vực: Cơ sở hạ tầng, năng lượng xanh, năng lượng tái tạo, bất động sản nhà ở và đô thị. Hoạt động hợp tác đầu tư này nhằm gia tăng liên minh tiềm lực tài chính, huy động nguồn vốn, công nghệ, quản trị và điều hành doanh nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế.

+ **Hoạt động cấu trúc nhân sự:** Thực hiện chính sách “Chiêu hiền đãi sỹ”, nâng cao năng lực, sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ nhân viên chủ chốt, nhất là đội ngũ CBNV đã có gần 15 năm kinh nghiệm, gắn bó với ĐLGL, kết hợp với việc trẻ hóa nguồn nhân lực có chất lượng. Đào tạo đội ngũ CBCNV tại chỗ để đảm nhận tốt nhiệm vụ hiện tại và lâu dài. Kiện toàn và nâng cao năng lực hoạt động của Ban Kiểm soát nội bộ, chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra; phát hiện, xử lý kịp thời; phòng ngừa rủi ro từ sớm, từ xa với mục đích giúp cho việc quản lý tài chính và sử dụng đồng vốn có hiệu quả. Khuyến khích CBCNV tham gia đóng góp sáng kiến, cải tiến kỹ thuật. Cải tiến các quy trình sản xuất, tác nghiệp, hệ thống quản lý chất lượng để nâng cao trách nhiệm, năng suất lao động, hiệu quả trong công việc. Tăng cường công tác đào tạo cho cán bộ quản lý, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho công nhân viên, phát triển nhân sự phù hợp với từng giai đoạn phát triển của ĐLGL. Chăm lo và đảm bảo quyền lợi, điều kiện làm việc tốt nhất cho người lao động.

+ **Công tác quản trị doanh nghiệp:** Đổi mới toàn diện công tác quản trị doanh nghiệp theo hướng chuyên nghiệp, tiên tiến, hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế. Chuyển đổi số mạnh mẽ, Ứng dụng công nghệ 4.0, áp dụng kinh doanh số và quản trị số, tài chính số nhằm tiết kiệm thời gian, nâng cao năng lực điều hành xuyên suốt.

+ **Công tác quản lý, điều hành:** Bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và chủ trương của HĐQT để tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ. Tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo và điều hành của TGD, phát huy vai trò chủ động của các thành viên trong Ban TGD, đồng thời khắc phục những hạn chế, tồn tại.

5. *Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán ngoại trừ trên Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2023:*

5.1 Ý kiến kiểm toán ngoại trừ số 1:

Trên Báo cáo tài chính riêng lẻ: “*Tại Thuyết minh mục V.5 – Phải thu về cho*

vay, tại ngày 31/12/2023, trong đó Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi theo thực tế của các khoản cho vay ngắn và dài hạn số tiền là 211.309.954.412 đồng. Với các tài liệu hiện có tại Công ty, chúng tôi cũng không thể thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo thực tế.

Do đó, chúng tôi chưa thể xác định được ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023, cũng như báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) và báo cáo lưu chuyển tiền tệ (riêng) (nếu có) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.”

Trên báo cáo tài chính hợp nhất: “*Tại Thuyết minh mục V.5 – Phải thu về cho vay, tại ngày 31/12/2023, trong đó Tập đoàn chưa đánh giá khả năng thu hồi theo thực tế của các khoản cho vay ngắn và dài hạn số tiền là 211.309.954.412 đồng. Với các tài liệu hiện có tại Tập đoàn, chúng tôi cũng không thể thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo thực tế.*

Do đó, chúng tôi chưa thể xác định được ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31/12/2023, cũng như báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) (nếu có) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.”

Chúng tôi giải trình như sau: Công ty vẫn đang tiến hành rà soát và hoàn thiện hồ sơ phù hợp theo chuẩn mực kế toán để cung cấp hồ sơ cho đơn vị kiểm toán nhằm tháo gỡ ý kiến kiểm toán ngoại trừ trong thời gian sớm nhất. Đánh giá khả năng trả nợ của các khách hàng tổ chức và cá nhân, làm việc với các đối tác khách hàng để bổ sung tài sản đảm bảo đối với các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn của Công ty, tăng cường thu hồi các khoản công nợ phải thu, hoàn nhập dự phòng để đảm bảo lợi nhuận của Công ty

5.2 Ý kiến kiểm toán ngoại trừ số 2:

Trên Báo cáo tài chính riêng lẻ: “*Tại Thuyết minh mục VII.6, tại ngày 31/12/2023, khoản lỗ thuần lũy kế của Công ty là (2.796.042.190.961) đồng và tại ngày đó, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn của Công ty là 1.583.183.030.116 đồng. Công ty đã có kế hoạch về việc thanh lý, nhượng bán tài sản đảm bảo, tài sản được bảo lãnh và dòng tiền để trả nợ cho ngân hàng trong giai đoạn từ năm 2024 đến năm 2026, cũng như khả năng đàm phán của Công ty về việc thanh toán các khoản vay quá hạn và đến hạn thanh toán với các chủ nợ. Điều này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.*”

Trên báo cáo tài chính hợp nhất: “*Tại Thuyết minh mục VII.6, tại ngày 31/12/2023, khoản lỗ thuần lũy kế của Tập đoàn là (2.664.379.511.213) đồng và tại ngày đó, các khoản nợ ngắn hạn của Tập đoàn đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn của Tập đoàn là 1.637.962.063.529 đồng. Tập đoàn đã có kế hoạch về việc thanh lý, nhượng bán tài sản*

đảm bảo, tài sản được bảo lãnh và dòng tiền để trả nợ cho ngân hàng trong giai đoạn từ năm 2024 đến năm 2026 cũng như khả năng đàm phán của Tập đoàn về việc thanh toán các khoản vay quá hạn và đến hạn thanh toán với các chủ nợ. Điều này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.”

Chúng tôi giải trình như sau: Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, khoản lỗ thuần của Tập đoàn là (2.664.379.511.213) đồng; Công ty mẹ là (2.796.042.190.961) đồng và tại ngày đó, các khoản nợ ngắn hạn của Tập đoàn đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn của Tập đoàn là 1.637.962.063.529 đồng; Công ty mẹ là 1.583.183.030.116 đồng. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Tuy nhiên, Tập đoàn khẳng định tình hình sản xuất kinh doanh vẫn đang hoạt động ổn định, khắc phục các khó khăn trước mắt Hội đồng quản trị và Ban điều hành luôn chủ động đưa ra nhiều giải pháp linh hoạt theo biến động thị trường như: cấu trúc tình hình tài chính, tăng cường thu nợ, cắt giảm chi phí nhằm mục tiêu giảm nợ vay ngân hàng, cụ thể trong năm 2023 Công ty đã thực hiện trả gốc vay ngân hàng hơn 187 tỷ đồng. Định hướng chiến lược và kiên định mục tiêu từ năm 2024 đến 2026 tái toán toàn bộ nợ quá hạn ngân hàng và miễn toàn bộ lãi.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

- Về an sinh xã hội: Là doanh nghiệp luôn chủ động, tích cực trong công tác hỗ trợ giảm nghèo, đề cao vai trò, trách nhiệm xã hội đối với cộng đồng gắn với phát triển kinh doanh. Tập đoàn cũng có những đóng góp tích cực, giúp các địa phương trong công tác ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Kết quả đạt được của ĐLGL đã được Đảng, Nhà nước ghi nhận, biểu dương, khen thưởng bằng nhiều hình thức.

- Về công tác bảo vệ môi trường: Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh nên ĐLGL đặc biệt quan tâm đến công tác khai thác tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường:

+ ĐLGL đã khai thác có hiệu quả các tài nguyên hiện có. Toàn bộ các Dự án đã và đang đầu tư của ĐLGL đều lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cam kết bảo vệ môi trường và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, ĐLGL luôn thực hiện đầy đủ các trách nhiệm về bảo vệ môi trường của một doanh nghiệp, không để xảy ra tình trạng xử phạt vi phạm môi trường.

+ Xây dựng môi trường làm việc thân thiện, trong lành: Đảm bảo môi trường làm việc xanh, lành mạnh cho người lao động với việc bố trí cây xanh hợp lý trong phòng làm việc, bố trí đủ ánh sáng làm việc và sử dụng các thiết bị an toàn và bảo vệ sức khỏe của người lao động.

+ Tiết kiệm năng lượng: Hạn chế sử dụng các thiết bị tiêu tốn năng lượng, áp dụng các sáng kiến xanh như xanh hóa văn phòng làm việc bằng cách tiết kiệm giấy, tiết kiệm điện, sử dụng các thiết bị điện thông minh cũng như tái sử dụng đồ dùng tại nơi làm.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Năm 2023 tiếp tục gặp khó khăn, các điều kiện tăng trưởng kinh tế khá nhạy cảm với những tác động từ những rủi ro kinh tế và chính trị. Bên cạnh đó, ảnh hưởng của quá trình thắt chặt tiền tệ và tổng cầu giảm, sự trì trệ của hoạt động sản xuất kinh doanh tại các nền kinh tế lớn đã khiến giai đoạn hồi phục hồi đầu năm chuyển sang trì trệ, thậm chí theo đà giảm về cuối năm. Bằng chứng là số vụ phá sản doanh nghiệp ở các nền kinh tế lớn, so với cùng kỳ năm trước đã tăng mạnh trong năm 2023.

Trong bối cảnh của nền kinh tế hiện tại, HĐQT Công ty đã luôn theo sát diễn biến của nền kinh tế và các chính sách của Chính phủ, chủ động dự báo, nhận định tình hình, từ đó đề ra những biện pháp ứng phó kịp thời. Tập đoàn đã kiên định định hướng chiến lược, là: Một mặt, tập trung đầu tư vào những dự án, ngành nghề chiến lược thuộc các lĩnh vực mà Tập đoàn đang có lợi thế. Mặt khác, tiếp tục chọn lọc để đầu tư chiều sâu vào một số ngành nghề kinh doanh truyền thống đang hiệu quả;

1.1. Tình hình hoạt động các ngành nghề và kết quả kinh doanh:

Năm 2023, sự thắt chặt tài chính của Ngân hàng, công cuộc phòng chống tham nhũng của Đảng và Nhà nước đã đi vào hiệu lực, hiệu quả, dẫn đến các thủ tục quản lý Nhà nước bị chậm trễ, ảnh hưởng trực tiếp đến tiến trình làm hồ sơ, pháp lý để xây dựng, đầu tư các dự án bất động sản, năng lượng, xây dựng dân dụng và cầu đường, khiến cho nhiều dự án chậm hoàn thành và không được đưa vào khai thác đúng tiến độ.

Trong bối cảnh hiện nay, ĐLGL xác định tập trung vào mục tiêu: Tập trung đầu tư vào những dự án, ngành nghề chiến lược thuộc các lĩnh vực thế mạnh của Tập đoàn; ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh và đầu tư phù hợp. Mặt khác, tiếp tục đầu tư có chiều sâu vào một số ngành nghề truyền thống mang lại hiệu quả. Bên cạnh đó, ĐLGL sẽ tìm kiếm các lĩnh vực có tiềm năng, đem lại hiệu quả cao để mở rộng đầu tư kinh doanh khi có điều kiện.

Mặc dù kết quả kinh doanh năm 2023 không đạt như kế hoạch, nhưng đây cũng được xem là thành quả đáng ghi nhận trong công tác chỉ đạo, điều hành của Tập đoàn ĐLGL trong bối cảnh kinh tế nhiều biến động, cụ thể như sau:

Tại báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2023, doanh thu đã thực hiện của DLG đạt 1.122,3 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế TNDN âm 578,7 tỷ đồng.

Doanh thu chủ yếu thực hiện được trong các lĩnh vực hoạt động: Điện tử và linh kiện điện tử, thu phí đường bộ theo hình thức BOT, xây dựng (tổng thầu các công trình), thủy điện và thương mại - dịch vụ. Nhà máy sản xuất điện tử, linh kiện điện tử tại Khu Công nghệ Cao Quận 9, Tp.HCM đã ký nhiều hợp đồng gia công sản phẩm điện tử, linh kiện điện tử xuất khẩu sang Mỹ, EU, góp phần gia tăng doanh thu, lợi nhuận cho lĩnh vực này; các dự án BOT vẫn duy trì hoạt động tạo ra được nguồn doanh thu tăng khá ổn định. Cho đến nay, chất lượng các dự án BOT của Tập đoàn trên tuyến QL14 vẫn được duy trì rất tốt, được Chính phủ, các bộ ban ngành, các tỉnh Tây Nguyên, người tham gia giao thông, người dân đánh giá cao.

1.2. Công tác đầu tư:

Một số công tác đầu tư tiêu biểu của Đức Long Gia Lai trong năm 2023, đó là:

- Về lĩnh vực linh kiện điện tử: Tiếp tục đầu tư và phát triển sản xuất Nhà máy sản xuất linh kiện điện tử tại Khu Công nghệ Cao Quận 9, Tp.HCM. Hoàn thiện thủ tục để đầu tư thêm 02 nhà máy sản xuất linh kiện điện tử tại thành phố Đà Nẵng và tỉnh Bình Dương. Tranh thủ tình hình các nhà đầu tư nước ngoài đang có xu hướng dịch chuyển và rút khỏi Trung quốc để đầu tư, mở rộng sản xuất và phát triển tại Việt Nam;

- Về lĩnh vực năng lượng tái tạo: Đã làm tốt công tác duy tu, bảo trì, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng, máy móc, thiết bị tại các nhà máy thủy điện; doanh thu phát điện tăng trưởng mạnh, gia tăng dòng tiền khá ổn định và hiệu quả. Công ty đã đầu tư và phát điện nhiều dự án thủy điện, điện mặt trời tại các tỉnh Lâm Đồng, Kon Tum. Ngoài ra, Tập đoàn đã hoàn thiện thủ tục đầu tư các dự án điện mặt trời, điện gió, thủy điện và đầu tư TBA 500kV cùng với lưới điện truyền tải để giải phóng công suất với hơn 3.000MW (trong đó có 700MW điện gió, 2.200 MW điện mặt trời trên đất liền và mặt hồ, 250 MW thủy điện) tại các tỉnh Tây Nguyên và Đông Nam Bộ. Các dự án đang được Bộ Công thương trình Chính phủ xem xét, đưa vào kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII;

- Về lĩnh vực đầu tư cơ sở hạ tầng theo hình thức BOO, BOT, BT: Một mặt, Tập đoàn chỉ đạo các công ty thành viên làm tốt công tác duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng đường QL 14 thuộc các dự án BOT Đăk Nông và BOT Gia Lai hiện có để tiếp tục thu phí hoàn vốn, đề xuất tăng giá thu phí Dự án BOT Đăk Nông; mặt khác, Tập đoàn nghiên cứu để tham gia đấu thầu các dự án giao thông trong cả nước để đầu tư xây dựng, đem về doanh thu và lợi nhuận trong các năm đến;

- Về lĩnh vực đầu tư bất động sản, nhà ở, khu đô thị, khu du lịch nghỉ dưỡng và khu công nghiệp: ĐLGL đang chuẩn bị triển khai các dự án bất động sản thuộc các lĩnh vực này tại các tỉnh, thành phố: Gia Lai, Kon Tum, Bình Định, Bình Thuận, Bà Rịa - Vũng Tàu,...;

1.3. Về công tác đối ngoại:

Trong năm qua, Đức Long Gia Lai đã thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, từ

thiện nhân đạo, văn hóa và thể thao, Tập đoàn vinh dự đón rất nhiều đoàn Lãnh đạo Đảng, Nhà nước đến thăm và làm việc. Rất nhiều đoàn lãnh đạo các bộ ban ngành TW, thành ủy, tỉnh ủy, UBND cùng các sở ban ngành của các tỉnh, thành phố đến thăm và làm việc tại Hội sở ĐLGL, HĐQT Đức Long Gia Lai cũng đã rất thành công trên lĩnh vực ngoại giao, giữ được mối quan hệ tốt, bền chặt với các đối tác, khách hàng trong nước và quốc tế, các cơ quan chức năng TW và địa phương, các cơ quan thông tấn, báo chí..., đồng thời đã góp phần không nhỏ, giúp các địa phương trong công tác ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Kết quả đạt được của Đức Long Gia Lai đã được Đảng, Nhà nước ghi nhận, biểu dương, khen thưởng bằng nhiều hình thức. Từ đó, nâng cao vị thế, thương hiệu của ĐLGL trong giai đoạn mới, với một tầm cao mới.

1.4. Về các tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

HĐQT luôn chỉ đạo việc đề cao vai trò công tác bảo vệ môi trường và xã hội trong mọi hoạt động của Công ty, thể hiện bằng các hành động cụ thể. Tổng Giám đốc quán triệt trong cán bộ nhân viên về việc tuân thủ công tác bảo vệ môi trường và thường xuyên tổ chức kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm. Việc quản lý, tiêu thụ năng lượng và nguồn nguyên vật liệu trong sản xuất kinh doanh đã đảm bảo được tính tiết kiệm, hiệu quả. Hơn 50% nguyên vật liệu được đưa vào tái chế, tận dụng để sản xuất các sản phẩm phụ. Các cơ sở sản xuất và trụ sở các công ty, đơn vị thành viên đều xử lý rác thải nội bộ, và hợp đồng với chính quyền địa phương để xử lý rác công cộng. Bên cạnh đó, công ty trồng và chăm sóc cây xanh sạch, đẹp. Ngoài ra, Đức Long Gia Lai đã tham gia tích cực các phong trào do các cơ quan ban ngành, địa phương phát động. Trong năm, Công ty không bị xử phạt về vi phạm việc quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty*

HĐQT đã tổ chức nhiều phiên họp nhằm chỉ đạo Ban TGD có những điều chỉnh hợp lý kế hoạch sản xuất kinh doanh cho phù hợp với tình hình biến động của nền kinh tế và giá cả vật tư, dịch vụ, HĐQT cũng thường xuyên duy trì giám sát Ban TGD thông qua việc kiểm tra, kiểm soát cũng như tổ chức các cuộc họp thường kỳ để nghe báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh trong quý và các quý tiếp theo, tổ chức các cuộc họp bất thường để giải quyết các công việc phát sinh đột xuất. Công tác giám sát, đánh giá đã giúp Ban TGD điều hành công việc thường xuyên, nhất quán và hiệu quả, tuân thủ điều lệ Tập đoàn nhưng không làm ảnh hưởng đến tính chủ động sáng tạo của người đứng đầu bộ máy điều hành. Nhìn chung, trong quá trình làm việc của Ban TGD và các cán bộ quản lý khác trong Tập đoàn, chưa phát hiện các vi phạm nghiêm trọng Điều lệ Tập đoàn, vi phạm pháp luật cũng như những quy tắc, quy chế chung.

3. Tóm tắt hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023

3.1- Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, quyết định theo đa số, thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và quy định của pháp luật. Các thành viên HĐQT được phân công nhiệm vụ cụ thể dựa trên nguyên tắc phát huy thế mạnh của từng thành viên, tạo sức mạnh trí tuệ tập thể để hoàn thành trách nhiệm của HĐQT theo quy định một cách hiệu quả nhất.

Hiện tại, số lượng thành viên HĐQT Công ty là 5 người, trong đó số lượng thành viên HĐQT độc lập là 2 người, số lượng thành viên không điều hành là 3 người, đảm bảo cơ cấu theo đúng Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020. Cụ thể:

- Ông Bùi Pháp, Chủ tịch HĐQT: Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch HĐQT được quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều 26 và các Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 và Khoản 5 Điều 28 Điều lệ Công ty và thực hiện các nhiệm vụ khác do các thành viên HĐQT ủy quyền (nếu có);

- Ông Nguyễn Tường Cột, Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc: Tổ chức thi hành các nghị quyết của HĐQT, phân công các thành viên trong ban Tổng Giám đốc phụ trách theo dõi chỉ đạo từng lĩnh vực công tác, chịu trách nhiệm trước HĐQT về mọi mặt hoạt động, quản lý, điều hành của Ban Tổng Giám đốc, kết quả thực hiện nhiệm vụ kế hoạch SXKD và đầu tư của Tập đoàn và thực hiện các công việc, nhiệm vụ khác theo sự phân công, ủy quyền của Chủ tịch HĐQT.

- Ông Nguyễn Tiến Dũng, Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành: Phụ trách công tác phát triển dự án; theo dõi, hỗ trợ triển khai các dự án bất động sản, năng lượng tái tạo và các dự án khác của Tập đoàn. Hỗ trợ, giúp cho Ban lãnh đạo Công ty thực hiện công tác đối ngoại, quan hệ với các cơ quan, ban ngành ở địa phương và Trung ương và thực hiện các công việc, nhiệm vụ khác theo sự phân công, ủy quyền của Chủ tịch HĐQT.

- Ông Võ Mộng Hùng, Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành: Phụ trách công tác nhân sự, lương thưởng của Tập đoàn. Phụ trách công tác theo dõi hoạt động của các công ty/đơn vị thành viên trực thuộc Tập đoàn và các công ty đầu tư/liên kết và thực hiện các công việc, nhiệm vụ khác theo sự phân công, ủy quyền của Chủ tịch HĐQT. Ngoài ra, ngày 27/10/2022, Hội đồng quản trị công ty đã họp và ban hành Quyết định số 09/QĐ-HĐQT-ĐLGL về việc thành lập Ban kiểm toán nội bộ của Công ty, theo đó ông Võ Mộng Hùng được bổ nhiệm làm trưởng ban kiểm toán nội bộ.

- Ông Paul Anthony Murphy, Thành viên HĐQT không điều hành: Điều hành các Công ty thành viên sản xuất điện tử và linh kiện điện tử tại Hàn Quốc, Trung Quốc, Hồng Kông,

Việt Nam; Huy động vốn, kêu gọi đầu tư và công tác IPO tại Hồng Kông và thực hiện các công việc, nhiệm vụ khác theo sự phân công, ủy quyền của Chủ tịch HĐQT.

Trong năm qua, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức hoạt động đúng Quy chế quản trị, Điều lệ Công ty; theo nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch, luôn đảm bảo sự đồng thuận trong nội bộ, linh hoạt trong chỉ đạo điều hành, liên tục điều chỉnh đối sách phù hợp với tình hình thực tế, HĐQT đã duy trì việc tổ chức họp thường kỳ mỗi quý một lần và hàng chục cuộc họp bất thường, hàng nghìn cuộc điện đàm, trao đổi thông tin qua email và trao đổi trực tiếp giữa Chủ tịch HĐQT với các thành viên HĐQT và Ban điều hành, HĐQT đã ban hành 13 quyết định, nghị quyết và hàng trăm văn bản thông thường khác. Nhìn chung, các cuộc họp của HĐQT đã được tổ chức một cách chu đáo, đúng luật, đạt được sự nhất trí cao, Các văn bản ban hành đúng thể thức, quyết định các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền của HĐQT đã được Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty quy định, đã góp phần quan trọng trong việc quyết định các chính sách, đường lối hoạt động, chiến lược phát triển của Đức Long Gia Lai và giải quyết kịp thời các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

Việc công bố thông tin theo quy định cũng đã được HĐQT đôn đốc, nhắc nhở và kiểm tra thường xuyên, đảm bảo đúng hạn, chính xác, đầy đủ, công khai, minh bạch.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2023, mức thù lao và chi phí của thành viên Hội đồng quản trị là: Chủ tịch HĐQT: 15.000.000 đồng/tháng, Phó Chủ tịch HĐQT: 10.000.000 đồng/tháng, các thành viên HĐQT: 6.000.000 đồng/tháng/người. Ngoài ra, căn cứ hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty đề ra đầu năm, thì các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và sẽ được thưởng: 2% trên lợi nhuận sau thuế đạt kế hoạch lợi nhuận năm và 5% trên phần lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện, ngoài các thành viên HĐQT có tham gia kiêm nhiệm làm việc tại Tập đoàn và tại các công ty thành viên trực thuộc tự nguyện không nhận thù lao; các thành viên khác cũng tự nguyện không nhận thù lao do Tập đoàn thực hiện không đạt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận.

3.2- Công tác giám sát hoạt động của Ban điều hành:

Nhìn chung, Ban Tổng Giám đốc đã phát huy được vai trò trách nhiệm của mình. Tại các phiên họp định kỳ hàng quý của HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty đều báo cáo minh bạch hiệu quả sản xuất kinh doanh, các vấn đề phát sinh, đề nghị giải quyết thuộc thẩm quyền của HĐQT. Trong điều hành, Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ sự chỉ đạo của HĐQT, thường xuyên tổ chức hội ý hàng ngày, giao ban tuần và sơ kết hàng tháng để đánh giá kết quả thực hiện và đề ra các giải pháp thực hiện cụ thể. Ban Tổng Giám đốc chỉ đạo các phòng ban thực hiện đúng chức năng tham mưu và thông tin theo quy định, thường xuyên kiểm tra thực tế để

nắm bắt thông tin, nhờ đó đã giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai sản xuất kinh doanh và đầu tư một cách hiệu quả.

Hội đồng quản trị đã thường xuyên tổ chức các cuộc họp định kỳ, họp bất thường, lãnh đạo, chỉ đạo một cách sát sao, hành động quyết liệt và cụ thể, giao quyền cho Tổng Giám đốc trong việc chủ động triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư; giải quyết kịp thời các công việc phát sinh; đồng thời thường xuyên kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban Tổng Giám đốc. Công tác giám sát, đánh giá đã giúp TGD điều hành công việc thường xuyên, nhất quán, tuân thủ Điều lệ Công ty và Nghị quyết HĐQT nhưng không làm ảnh hưởng đến tính chủ động sáng tạo của người đứng đầu bộ máy điều hành. Nhìn chung, trong quá trình tác nghiệp của Ban Tổng Giám đốc, chưa phát hiện các vi phạm nghiêm trọng Điều lệ Công ty, vi phạm pháp luật cũng như những quy tắc, quy chế chung.

3.3- Công tác giám sát đối với các cán bộ quản lý khác:

HĐQT thường xuyên chỉ đạo việc kiện toàn tổ chức bộ máy; giám sát việc thực hiện nhiệm vụ được giao của đội ngũ cán bộ quản lý thông qua các cuộc họp phân công và các đợt kiểm tra; căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công, đối chiếu với kết quả hoàn thành làm thước đo để đánh giá, bổ nhiệm, điều động CBCNV vào các vị trí thích hợp và thực hiện chế độ đãi ngộ thỏa đáng. Nhìn chung các cán bộ quản lý đã thể hiện tinh thần trách nhiệm, tận tụy, sự mẫn cán trong công việc và đã tham mưu cho Ban điều hành kịp thời, hiệu quả.

3.4- Công tác kiểm tra, giám sát và xử lý của HĐQT đối với các phòng ban chuyên môn và các công ty thành viên: HĐQT thường xuyên chỉ đạo việc kiện toàn tổ chức bộ máy; kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ lãnh đạo các phòng ban và các công ty thành viên. Thông qua các đợt thanh, kiểm tra, xử lý kịp thời; căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công, đối chiếu với kết quả hoàn thành làm thước đo để đánh giá, bổ nhiệm, điều động CBCNV vào các vị trí thích hợp và thực hiện chế độ đãi ngộ thỏa đáng. Nhìn chung các cán bộ điều hành đã thể hiện tinh thần trách nhiệm, tận tụy, mẫn cán trong công việc và đã tham mưu cho Tổng Giám đốc kịp thời, hiệu quả.

4. Các kế hoạch, định hướng chiến lược phát triển của Hội đồng quản trị:

4.1 - Trong năm 2023 với những bất ổn về chính trị, kinh tế thế giới gặp khó khăn, tổng cầu phục hồi yếu, lạm phát nhiều nước vẫn ở mức cao, chuỗi cung ứng thiếu ổn định, đã ảnh hưởng đến kinh tế trong nước. Hoạt động xuất, nhập khẩu phục hồi chậm do nhu cầu thế giới giảm, chính sách tiền tệ thắt chặt và lạm phát vẫn ở mức cao. Thị trường bất động sản tiếp tục ảm đạm, dòng tiền luân chuyển hạn chế, đặc biệt trong bối cảnh áp lực đáo hạn và trả nợ trái phiếu doanh nghiệp năm 2023 lớn. Thu hút đầu tư nước ngoài năm 2023 chưa phát huy hiệu quả khi các nhà đầu tư chưa mở rộng quy mô đầu tư vào các dự án đang hoạt động ở Việt Nam

do những khó khăn chung của kinh tế thế giới nói chung và của cộng đồng doanh nghiệp. Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam đang gặp rất nhiều khó khăn và thách thức; ĐLGL xác định tập trung vào mục tiêu kép: vừa ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh và đầu tư. Theo đó, ĐLGL tiếp tục thực hiện tái cấu trúc toàn diện các lĩnh vực: Sản xuất kinh doanh, đầu tư, tài chính và quản trị nhân sự, dựa trên nguyên tắc cơ bản, giữ vững phương châm: “Tư duy hành động - Phát triển bền vững - Đoàn kết sức mạnh - Tôn chỉ pháp luật”; với mục tiêu: “Xây dựng Công ty thành một tập đoàn đầu tư mạnh hàng đầu của Việt Nam cả về vốn hóa, thương hiệu, công nghệ, năng lực quản trị và hiệu quả kinh doanh, khả năng hợp tác và hội nhập thành công trong nước và quốc tế”.

4.2 - ĐLGL tiếp tục kiên định với các ngành nghề chiến lược giai đoạn 2021-2025: Sản xuất điện tử và thiết bị điện tử; Đầu tư cơ sở hạ tầng theo hình thức BOT, BT, BOO; Đầu tư năng lượng (Thủy điện, điện mặt trời, điện gió); Đầu tư và kinh doanh bất động sản nhà ở và khu đô thị; đồng thời đầu tư chuyên sâu một số lĩnh vực, ngành nghề truyền thống đang đem lại hiệu quả, bao gồm: Sản xuất, kinh doanh và chế biến gỗ, xây dựng kinh doanh bến xe, bãi đỗ xe.

Định hướng phát triển các ngành nghề cụ thể như sau:

- **Sản xuất điện tử và linh kiện điện tử:** ĐLGL tiếp tục đầu tư chuyên sâu, mở rộng thị trường các công ty DLG Ansen tại Đông Quan, Quảng Đông, Trung Quốc; trung tâm điều hành các công ty đặt tại Hồng Kông, đảm bảo cung cấp cho thị trường những sản phẩm với mẫu mã mới, chất lượng vượt trội, Ngoài ra, DLG đang mở rộng quy mô ở thị trường Việt Nam. Bên cạnh đó, ĐLGL sẽ tập trung mở rộng một số nhà máy sản xuất linh kiện, thiết bị điện tử và điện tử đa sản phẩm tại tỉnh Bình Dương, Tp. Đà Nẵng và Khu công nghệ cao quận 9, Tp.HCM vừa gia tăng doanh thu, lợi nhuận cho các năm tiếp theo, vừa tránh được ảnh hưởng của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và dịch Covid-19;

- **Về cơ sở hạ tầng:** Cùng với việc quản lý chuyên sâu, duy tu bảo dưỡng, đảm bảo chất lượng tốt cho các dự án Quốc lộ 14 từ Gia Lai đến Bình Phước nhằm ổn định hoạt động thu phí, đồng thời tiếp tục đề xuất cơ quan nhà nước có thẩm quyền tăng mức thu phí theo đúng lộ trình đã ký, đề xuất các tổ chức tín dụng cơ cấu lại gốc và lãi các dự án BOT phù hợp với thực tế doanh thu của các trạm thu phí.

- **Về năng lượng:** Đầu tư và duy trì hoạt động ổn định các dự án thủy điện và điện mặt trời đã đưa vào khai thác. Trong đó, tổng công suất các dự án điện gió dự kiến đạt 700 MW, điện mặt trời vào khoảng 2.200 MW, trong đó 1.600 MW xây dựng trên đất liền, 600 MW xây dựng trên lòng hồ, vùng bán ngập của lòng hồ và 250 MW thủy điện. Theo dõi sát sao diễn biến, cập nhật thông tin các dự án năng lượng xanh, năng lượng tái tạo đã được Bộ Công

thương trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch điện VIII để triển khai đầu tư giai đoạn 2023 - 2027.

- **Lĩnh vực bất động sản:** Tiếp tục triển khai pháp lý, xây dựng và bán hàng các dự án bất động sản tại Tp. HCM. Mở rộng quy mô, hoàn thiện thủ tục pháp lý để triển khai các dự án bất động sản nhà ở, đô thị kết hợp khu du lịch nghỉ dưỡng tại các tỉnh, thành phố: Gia Lai, Kon Tum, Bình Định, Bình Thuận, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bến Tre...;

4.3- Định hướng các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư:

Trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh, đầu tư các năm qua của ĐLGL, dự báo biến động tình hình kinh tế thế giới và những Chính sách, cơ chế trong nước, HĐQT cân nhắc, thận trọng, đề nghị Đại hội thông qua các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận năm 2024-2025, như sau:

CHỈ TIÊU	2024	2025
- Doanh thu (tỷ đồng)	2.000	2.500
- Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	180	250

4.4- Giải pháp tổ chức thực hiện:

Để khắc phục các khó khăn trước mắt và thực hiện thành công mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra, HĐQT tập trung đẩy mạnh các giải pháp sau:

- Duy trì thường xuyên các hoạt động giám sát, lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của HĐQT và nâng cao năng lực hoạt động của các thành viên HĐQT đúng pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Đối với Ban điều hành, HĐQT vẫn giữ các thành viên hiện có, đồng thời tăng cường các nhân sự cấp cao, có trí tuệ, tầm nhìn, tư duy chiến lược và kiến thức tương đối toàn diện để tham gia hoạch định chiến lược và điều hành Công ty; đảm bảo công tác lãnh đạo, chỉ đạo minh bạch, công khai, trong sạch, vững mạnh, mang lại hiệu quả cao nhất, phù hợp với cam kết, mục tiêu, nhiệm vụ trong tình hình mới và góp phần nâng cao năng lực quản trị của ĐLG theo tiêu chuẩn quốc tế. Đề nghị các thành viên trong Ban điều hành nâng cao tinh thần trách nhiệm, “dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm”, với phương châm: “Không nói không, nói khó, không nói có mà không làm”; lấy hiệu quả làm thước đo việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được phân công;

- Tiếp tục cấu trúc toàn diện Công ty, trên tất cả các lĩnh vực từ sản xuất kinh doanh, đầu tư, tài chính và quản trị nhân sự, tập trung vào các giải pháp:

+ **Về hoạt động sản xuất kinh doanh:** Tiếp tục cấu trúc các ngành nghề. Tập trung cơ cấu lại các ngành nghề chiến lược, đầu tư vào các lĩnh vực Tập đoàn có kinh nghiệm, thế mạnh

và đã có kết quả dòng tiền tốt, đã được Chính phủ, các bộ ngành TW, các tỉnh, thành phố chấp thuận chủ trương đầu tư, đồng thời quyết tâm thoái vốn các ngành nghề đã đầu tư kém hiệu quả.

+ **Công tác tài chính:** Tiếp tục cấu trúc tài chính toàn diện thành công, tập trung vào việc thoái vốn, chuyển nhượng các dự án, tài sản đầu tư kém hiệu quả, phát hành cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp khi đủ điều kiện, tiến tới giảm thấp nhất nguồn vốn vay ngân hàng.

+ **Hoạt động hợp tác đầu tư:** Mời gọi các đối tác là doanh nghiệp lớn trong nước tham gia đầu tư vào những dự án tiềm năng thuộc các lĩnh vực: Cơ sở hạ tầng, năng lượng, bất động sản nhà ở và khu đô thị. Hoạt động hợp tác đầu tư này nhằm gia tăng liên minh và huy động được nguồn vốn giá rẻ, bổ sung kinh nghiệm trong quản trị và điều hành doanh nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế.

+ **Hoạt động cấu trúc nhân sự:**

* **Thực hiện chính sách "Chiêu hiền đãi sĩ"**, nâng cao năng lực, sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ nhân viên chủ chốt, nhất là đội ngũ CBNV đã có hơn 15 năm kinh nghiệm, gắn bó với ĐLG, kết hợp với việc trẻ hóa nguồn nhân lực có chất lượng. Đào tạo đội ngũ CBNV để đảm nhận tốt nhiệm vụ hiện tại và lâu dài;

* **Tăng cường các nhân sự cấp cao có trí tuệ, tầm nhìn, tư duy chiến lược và kiến thức** tương đối toàn diện để tham gia hoạch định chiến lược và điều hành Công ty; đảm bảo công tác lãnh đạo, chỉ đạo minh bạch, công khai, trong sạch, vững mạnh, mang lại hiệu quả cao nhất, phù hợp với cam kết, mục tiêu, nhiệm vụ trong tình hình mới và góp phần nâng cao năng lực quản trị của ĐLG theo tiêu chuẩn quốc tế;

* **Kiên toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Kiểm soát nội bộ**, chú trọng công tác kiểm soát, giám sát, hậu kiểm để xử lý kịp thời, với mục đích giúp cho việc quản lý tài chính và sử dụng đồng vốn có hiệu quả;

* **Đổi mới toàn diện công tác quản trị doanh nghiệp theo hướng chuyên nghiệp, tiên tiến, hiện đại** theo tiêu chuẩn quốc tế. Ứng dụng công nghệ 4.0, áp dụng kinh doanh số và quản trị số nhằm tiết kiệm thời gian, nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh, chất lượng, hiệu quả trong công tác chỉ đạo, điều hành.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Cổ phần nắm giữ		Số lượng chức danh TV HĐQT do từng TV HĐQT của công ty nắm giữ tại các công ty khác
			Số lượng CP	Tỷ lệ (%)	
1.	Bùi Pháp	Chủ tịch HĐQT	74.226.523	24,8%	Chủ tịch HĐQT tại 04 công ty khác.
2.	Võ Mộng Hùng	Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành, Trưởng ban kiểm toán nội bộ	0	0%	-
3.	Paul Anthony Murphy	Thành viên HĐQT không điều hành	0	0%	-
4.	Nguyễn Tường Cột	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, Người đại diện theo pháp luật	14.382	0,005%	-
5.	Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành,	0	0%	-

- **Ông Bùi Pháp**

- + Năm sinh: 1962
- + Trình độ: Chuyên viên kinh tế
- + Quá trình công tác:
 - ✓ 1995-12/06/2007: Giám đốc Xí Nghiệp tư doanh Đức Long Gia Lai
 - ✓ 13/06/2007-16/01/2010: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
 - ✓ 17/01/2010 – nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai

- **Ông Võ Mộng Hùng**

- + Năm sinh: 1974
- + Trình độ: Cử nhân Quản trị kinh doanh, Trung cấp Giao thông vận tải.

- + Quá trình công tác:
 - ✓ Từ năm 2008 đến hết 2009: Phó Giám đốc CTCP đầu tư phát triển dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai;
 - ✓ Từ 2010 đến nay: Giám đốc Công ty CP Dịch vụ Công Cộng Đức Long Bảo Lộc;
 - ✓ Từ 6/2020 đến nay: Thành viên độc lập HĐQT Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai
 - ✓ Từ ngày 27/10/2022 – nay: Trưởng ban kiểm toán nội bộ Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai

- **Ông Paul Anthony Murphy**

- + Năm sinh: 1957
- + Quá trình công tác:
 - ✓ 1991 – 2001: Tổng Giám Đốc Điều Hành tại Công Ty TNHH Viễn Thông Vtech
 - ✓ 2001 – 2004: Giám Đốc Điều Hành tại Công ty TNHH Elite
 - ✓ 2004 – 2006: Giám Đốc Điều Hành tại Công ty TNHH Quốc tế IDT
 - ✓ 2007 – 2008: Tổng Giám Đốc Điều Hành tại Công Ty TNHH Điện Tử iXone
 - ✓ 2008 – 2011: Phó Tổng tại Công ty TNHH Flextronics
 - ✓ 2011 - 2014: Giám Đốc Điều Hành tại Công ty điện tử Ansen
 - ✓ 2016 - nay: Tổng Giám Đốc Điều Hành tại công ty TNHH Đầu tư Ansen
 - ✓ 6/2018 – nay: Thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai;

- **Ông Nguyễn Tường Cột**

- + Năm sinh: 1984
- + Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 2016 đến 6/2021: Giám đốc CTCP Tập đoàn năng lượng tái tạo Việt Nam;
 - ✓ Từ 2017 đến 6/2021: Thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn năng lượng tái tạo Việt Nam;

- ✓ Từ 8/2021 đến 9/2021: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai;
- ✓ Từ 01/10/2021 – nay: Tổng Giám đốc – Người đại diện pháp luật Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai;
- ✓ Từ 30/6/2022 – nay: Thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai;

- **Ông Nguyễn Tiến Dũng**

+ Năm sinh: 1970

+ Quá trình công tác:

- ✓ Từ 1991 đến 2002: Làm việc tại Công ty XNK Tỉnh Gia Lai;
- ✓ Từ 2002 đến 2007: Kế toán Trưởng Công ty XNK Tỉnh Gia Lai;
- ✓ Từ 2007 đến 2008: Công tác tại Công ty Điện Gia Lai;
- ✓ Từ 2008 đến 2009: Trợ lý Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Đức Long Gia Lai;
- ✓ Từ 2009 đến 2/2017: Phó TGD phụ trách đầu tư CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai;
- ✓ Từ 9/2017 đến 3/2022: Giám đốc Công ty Bảo hiểm BIDV Bắc Tây Nguyên;
- ✓ Từ 6/2022 – nay: Thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Ngày 27/10/2022, Hội đồng quản trị công ty đã họp và ban hành Quyết định số 09/QĐ-HĐQT-ĐLGL về việc thành lập Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị và ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ của CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, quy trình, cơ cấu tổ chức của Ban kiểm toán nội bộ, theo đó ông Võ Mộng Hùng (thành viên độc lập HĐQT) làm trưởng ban, bà Đặng Thị Ngọc Huệ và ông Trương Văn Tân làm thành viên Ban kiểm toán nội bộ.

Bên cạnh đó, công ty chưa thành lập đầy đủ các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị mà chỉ phân công nhiệm vụ để tham mưu. Cụ thể:

- Ông Nguyễn Tuyền - Chánh văn phòng kiêm người phụ trách quản trị, thư ký Công ty.

- Ông Võ Mộng Hùng - Thành viên HĐQT độc lập phụ trách công tác tổ chức nhân sự, thi đua, khen thưởng lao động tuân thủ theo quy định pháp luật và điều lệ công ty. Phụ trách công tác theo dõi hoạt động của các công ty/đơn vị thành viên trực thuộc Tập đoàn và các công ty đầu tư/liên kết;

- Ban kiểm soát nội bộ thực hiện công tác kiểm soát dòng tiền và nghiệp vụ. Kiểm tra và giám sát việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban Điều hành, Giám sát, kiểm tra việc quản lý và thực hiện kế hoạch lợi nhuận các năm của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các hoạt động kinh doanh theo các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Công ty có kế hoạch thành lập các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị. Thành phần của các tiểu ban bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Công ty đang tìm kiếm người có kiến thức, kỹ năng, có hiểu biết chung về pháp luật, am hiểu về hoạt động của công ty, đáp ứng đủ các tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật, điều lệ công ty để thành lập tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Tổng hợp các cuộc họp trong năm 2023:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Ngày tái bổ nhiệm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022	Ngày không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bùi Pháp	Chủ tịch	14/04/2012	30/6/2022	-	13/13	100%	-
2	Võ Mộng Hùng	Thành viên	20/6/2020	30/6/2022	-	13/13	100%	-
3	Paul Anthony Murphy	Thành viên	23/6/2018	30/6/2022	-	10/13	77%	Đi công tác
4	Nguyễn Tường Cột	Thành viên, Tổng giám đốc, Người đại diện theo pháp luật	30/6/2022	-	-	13/13	100%	-

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Ngày tái bổ nhiệm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022	Ngày không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
5	Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành,	30/6/2022	-	-	10/13	77%	Đi công tác

Hội đồng quản trị đã duy trì việc tổ chức các phiên họp HĐQT thường kỳ mỗi quý một lần và các phiên họp bất thường theo hình thức trực tiếp và trực tuyến; hàng nghìn cuộc điện đàm, trao đổi thông tin qua email và trao đổi trực tiếp giữa Chủ tịch HĐQT với các thành viên của HĐQT và đã ban hành hàng chục nghị quyết, quyết định nhằm kịp thời chỉ đạo, góp phần quyết định cho thành công của kế hoạch đã đề ra.

Tổng kết tình hình ban hành các Nghị quyết/Quyết định HĐQT:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/QĐ-HĐQT-ĐLGL	06/01/2023	Về việc đánh giá tình hình thực hiện SXKD của Công ty năm 2022; phương hướng hoạt động SXKD và đầu tư năm 2023	100%
2	02/ QĐ-HĐQT-ĐLGL	07/02/2023	Về việc thông qua chủ trương thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các doanh nghiệp và người có liên quan	100%
3	03/QĐ-HĐQT-ĐLGL	07/3/2023	Bàn về các nội dung tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023	100%
4	04/QĐ-HĐQT-ĐLGL	22/3/2023	Về việc thành lập Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023	100%
5	05/QĐ-HĐQT-ĐLGL	07/4/2023	Về việc thông qua các hồ sơ trình tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2023	100%
6	06/QĐ-HĐQT-ĐLGL	23/6/2023	Về việc đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch quý 2 năm 2023 và triển khai kế hoạch các tháng cuối năm 2023	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
7	07/QĐ-HĐQT- ĐLGL	30/6/2023	Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán để kiểm toán báo cáo tài chính trong năm 2023	100%
8	08/QĐ-HĐQT- ĐLGL	01/7/2023	Về việc thành lập tổ thẩm định giá tài sản	100%
9	09/QĐ-HĐQT- ĐLGL	01/7/2023	Về việc kiện toàn ban kiểm soát nội bộ	100%
10	10/QĐ-HĐQT- TĐĐL	31/7/2023	Về việc thông qua phương án trả nợ vay tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	100%
11	11/QĐ-HĐQT- ĐLGL	22/11/2023	Về việc thông qua nhận tài sản thế chấp đảm bảo thêm nghĩa vụ của CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai.	100%
12	12/QĐ-HĐQT- ĐLGL	28/12/2023	Về việc đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 của Tập đoàn và các công ty thành viên.	100%
13	13/QĐ-HĐQT- ĐLGL	28/12/2023	Về việc trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi.	100%

d) Hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

Các thành viên độc lập HĐQT đã phát huy tốt vai trò của mình trong công tác kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo quy định của Điều lệ của Công ty và Luật Doanh nghiệp; thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, hoạt động tích cực vì quyền lợi của chủ sở hữu và các cổ đông. Cụ thể:

Ông Nguyễn Tiến Dũng, Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành: Phụ trách công tác phát triển dự án; theo dõi, hỗ trợ triển khai các dự án bất động sản, năng lượng tái tạo và các dự án khác của Tập đoàn. Hỗ trợ, giúp cho Ban lãnh đạo Công ty thực hiện công tác đối ngoại, quan hệ với các cơ quan, ban ngành ở địa phương và Trung ương và thực hiện các công việc, nhiệm vụ khác theo sự phân công, ủy quyền của Chủ tịch HĐQT.

Ông Võ Mộng Hùng, Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành: Phụ trách công tác

nhân sự, lương thưởng của Tập đoàn. Phụ trách công tác theo dõi hoạt động của các công ty/đơn vị thành viên trực thuộc Tập đoàn và các công ty đầu tư/liên kết và thực hiện các công việc, nhiệm vụ khác theo sự phân công, ủy quyền của Chủ tịch HĐQT. Ngoài ra, ngày 27/10/2022, Hội đồng quản trị công ty đã họp và ban hành Quyết định số 09/QĐ-HĐQT-ĐLGL về việc thành lập Ban kiểm toán nội bộ của Công ty, theo đó ông Võ Mộng Hùng làm trưởng ban kiểm toán nội bộ.

2. Ban Kiểm soát

Hiện tại, Ban kiểm soát gồm 03 thành viên: bà Phan Thị Ngọc Anh, bà Đặng Thị Hà và bà Trần Thị Như Hạnh.

Ngày 01/7/2022, Ban kiểm soát đã họp và ban hành Biên bản họp Ban kiểm soát số 03/BB-BKS-ĐLGL về việc bầu Trưởng ban kiểm soát đối với bà Phan Thị Ngọc Anh và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên BKS còn lại.

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu thành viên BKS	Ngày tái bổ nhiệm thành viên BKS nhiệm kỳ 2017-2022	Số buổi họp BKS tham dự	Cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Ghi chú
1.	Phan Thị Ngọc Anh	Trưởng BKS	24/4/2015	30/6/2022	03/03	0	0%	-
2.	Đặng Thị Hà	Thành viên BKS	23/6/2018	30/6/2022	03/03	0	0%	-
3.	Trần Thị Như Hạnh	Thành viên BKS	30/6/2022	-	03/03	6	0%	-

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

STT	Nội dung	Ngày họp	Nội dung chi tiết	Kết quả
1	Bàn kế hoạch và phân công nhiệm vụ năm 2023	20/01/2023	Bàn kế hoạch và phân công cụ thể từng thành viên nhiệm vụ năm 2023	Cuộc họp đã nhất trí và biểu quyết 03/03 thành viên, đạt 100%

STT	Nội dung	Ngày họp	Nội dung chi tiết	Kết quả
2	Thông qua báo cáo ban kiểm soát năm 2023	05/04/2023	Bàn bạc, thông qua báo cáo tình hình hoạt động năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 trình tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2023	Cuộc họp đã nhất trí và biểu quyết 03/03 thành viên, đạt 100%
3	Họp 6 tháng cuối năm 2023	30/12/2023	Đánh giá thực hiện nhiệm vụ 6 tháng cuối năm, tổng kết năm 2023 và kế hoạch nhiệm vụ của năm 2024,	Cuộc họp đã nhất trí và biểu quyết 03/03 thành viên, đạt 100%

Ngoài ra BKS đã tham gia góp ý, chất vấn các nội dung nêu ra trong các cuộc họp của HĐQT.

Đối với cổ đông: BKS không nhận được đơn thư khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Tập đoàn, sự điều hành của HĐQT và Ban TGD.

Trong quá trình hoạt động, BKS nhận được sự phối hợp, hỗ trợ của HĐQT, Ban TGD cũng như các Phòng/Ban nghiệp vụ khác để BKS thực hiện nhiệm vụ ĐHĐCĐ giao được tốt hơn.

- + Thẩm định báo cáo tài chính soát xét bán niên năm 2023 và báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 của Tập đoàn.
- + Kiểm tra tình hình hoạt động SXKD của công ty mẹ và các công ty thành viên.
- + Phối hợp cùng với bộ phận giúp việc cho HĐQT, BDH, lãnh đạo các Công ty thành viên trực thuộc, thông qua các kiểm soát viên được phân công, BKS đã tiến hành kiểm tra, kiểm soát về quy chế, quy định, quy trình hoạt động ... tại các Công ty thành viên và các dự án đầu tư, nhằm nâng cao hiệu quả quản trị, hiệu quả đầu tư và cảnh báo kịp thời các rủi ro.
- + Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
- + Kiểm tra việc thực hiện các chuẩn mực kế toán, các kỳ báo cáo tài chính, báo cáo tình hình SXKD hàng năm, Tham gia báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
- + Theo dõi, kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh, xây dựng cơ sở hạ tầng, linh kiện điện tử, Năng lượng, Thủy điện, nhà hàng khách sạn, khu nghỉ dưỡng, dịch vụ bảo vệ và các hoạt động khác.
- + Giám sát việc tuân thủ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên, thực hiện các chuẩn mực kế toán, các kỳ báo cáo tài chính, báo cáo tình hình SXKD hàng năm,

Tham gia báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT lên Đại hội đồng cổ đông

ĐÁNH GIÁ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty

- + Hoạt động của HĐQT trong năm 2022 là phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ Tập đoàn, đáp ứng kịp thời yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn, Các nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật.
- + HĐQT đã xây dựng chiến lược kinh doanh trung và dài hạn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế nói chung và năng lực của Tập đoàn trong giai đoạn hiện nay.
- + HĐQT luôn duy trì các kỳ họp định kỳ và đột xuất, Trong năm 2023, HĐQT đã thường xuyên tổ chức cuộc họp định kỳ và bất thường để kịp thời chỉ đạo việc triển khai các nhiệm vụ quan trọng.
- + Ban TGD chỉ đạo điều hành Tập đoàn theo đúng điều lệ, nghị quyết của HĐQT, tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành. Đến tại thời điểm này, BKS chưa phát hiện dấu hiệu nào bất thường trong mọi hoạt động Tài chính của Tập đoàn.
- + Kết quả sản xuất kinh doanh và số liệu kế toán đã được kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác và hợp pháp trong việc ghi chép, tổng hợp và phản ánh số liệu. Các chỉ số tài chính chủ yếu của Tập đoàn luôn ở trạng thái tích cực, sử dụng có hiệu quả các công cụ tài chính, tạo sự ổn định về nguồn vốn và giảm thiểu được chi phí sử dụng vốn. Công tác huy động vốn đạt được kết quả rất tốt, được các nhà đầu tư, tổ chức tín dụng trong nước, quốc tế đánh giá cao và tin tưởng vào việc quản lý cũng như kế hoạch và chiến lược kinh doanh của Đức Long Gia Lai trong năm qua.

Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với HĐQT, Ban TGD và các Cổ đông

- + Tính đến thời điểm 31/12/2023, Ban TGD có 04 người (01 Tổng Giám đốc và 03 Phó Tổng Giám đốc). Trong năm 2023, Ban TGD và các cán bộ quản lý chủ chốt đã không ngừng cố gắng, nỗ lực trong công tác quản lý và điều hành để duy trì ổn định Tập đoàn, đảm bảo quyền và lợi ích của các cổ đông. Công tác chỉ đạo, điều hành của Ban TGD được thực hiện theo đúng nghị quyết của Đại Hội cổ đông. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT tuân thủ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.

+ HĐQT và Ban TGD đã tạo điều kiện thuận lợi cho BKS tiến hành hoạt động kiểm tra, thẩm định các báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2023 và kế hoạch thực hiện năm 2024; báo cáo nội dung tình hình thực hiện kế hoạch SXKD hàng năm của các Công ty thành viên theo đúng quy định.

+ BKS luôn nhận được đầy đủ các thông tin và các quyết định của HĐQT, Ban TGD, Sự phối hợp giữa HĐQT, Ban TGD, BKS chặt chẽ và nghiêm túc nhằm thực hiện tốt nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2023, đã thông qua kế hoạch lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của HĐQT và BKS năm 2022, Cụ thể như sau:

- Mức thù lao và chi phí của thành viên Hội đồng quản trị:

- + Chủ tịch Hội đồng quản trị : 15.000.000 đồng/tháng;
- + Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị : 10.000.000 đồng/tháng;
- + Các thành viên Hội đồng quản trị: 6.000.000 đồng/tháng/người,

Trường hợp thành viên HĐQT đang kiêm nhiệm làm việc tại Công ty cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai và tại các Công ty thành viên trực thuộc không nhận thù lao.

- Mức thù lao của thành viên Ban Kiểm soát:

- + Trưởng Ban Kiểm soát : 10.000.000 đồng/tháng;
- + Các thành viên Ban Kiểm soát : 6.000.000 đồng/tháng/người.

Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát đang kiêm nhiệm làm việc tại Công ty cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai và tại các Công ty thành viên trực thuộc không nhận thù lao.

- Ngoài khoản thù lao cố định như trên, căn cứ hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty đề ra đầu năm, thì các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát sẽ được thưởng:

- + 2% (hai phần trăm) tính trên lợi nhuận sau thuế đạt kế hoạch lợi nhuận năm;
- + 5% (năm phần trăm) tính trên phần lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch

- Tổng thu nhập của Ban Tổng Giám đốc năm 2023: 1.491.925.212 đồng. (Được thể hiện trên thuyết minh số 3a mục VII của Báo cáo tài chính riêng lẻ năm 2023 đã được kiểm toán)

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Không có

c) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Quy chế quản trị Công ty đề ra những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ

quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành và người điều hành doanh nghiệp khác của Công ty. Đồng thời, Tập đoàn cũng xây dựng quy trình quản lý, giám sát, thực hiện công việc để tăng hiệu quả, HĐQT, Ban TGD cùng theo đuổi mục tiêu vì lợi ích của Tập đoàn và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện cho việc giám sát hoạt động một cách hiệu quả, sử dụng các nguồn lực tốt nhất, nâng cao hiệu quả kinh doanh, khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.

Ngoài ra, ngày 27/10/2022, Hội đồng quản trị công ty đã họp và ban hành Quyết định số 09/QĐ-HĐQT-ĐLGL về việc thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ của Công ty, theo đó ông Võ Mộng Hùng (thành viên độc lập HĐQT) làm trưởng ban, bà Đặng Thị Ngọc Huệ và ông Trương Văn Tân làm thành viên Ban kiểm toán nội bộ.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Số: 2275/24/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính (hợp nhất) kèm theo của Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai và các công ty con (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2024, từ trang 08 đến trang 59, bao gồm: Bảng cân đối kế toán (hợp nhất) tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất), Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (hợp nhất) chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính (hợp nhất) dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính (hợp nhất). Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính (hợp nhất) do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất) trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các Chính sách Kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Tại Thuyết minh mục V.5 – Phải thu về cho vay, tại ngày 31/12/2023, trong đó Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi theo thực tế của các khoản cho vay ngắn và dài hạn số tiền là 211.309.954.412 đồng. Với các tài liệu hiện có tại Công ty, chúng tôi cũng không thể thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo thực tế.

Do đó, chúng tôi chưa thể xác định được ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023, cũng như báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) (nếu có) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

2. Tại Thuyết minh mục VII.6, tại ngày 31/12/2023, khoản lỗ thuần lũy kế của Tập đoàn là (2.664.379.511.213) đồng và tại ngày đó, các khoản nợ ngắn hạn của Tập đoàn đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn của Tập đoàn là 1.637.962.063.529 đồng. Tập đoàn đã có kế hoạch về việc thanh lý, nhượng bán tài sản đảm bảo, tài sản được bảo lãnh và dòng tiền để trả nợ cho ngân hàng trong giai đoạn từ năm 2024 đến năm 2026 cũng như khả năng đảm phán của Công ty về việc thanh toán các khoản vay quá hạn và đến hạn thanh toán với các chủ nợ. Điều này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ” Báo cáo tài chính (hợp nhất) đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và tình hình lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2024.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Trần Văn Hiệp – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN số 2141-2023-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Nguyễn Thị Tuyết Vân – Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN số 2839-2020-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

2. **Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2023**

Phụ lục đính kèm

Toàn văn Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất năm 2023 đã kiểm toán được công bố thông tin trên địa chỉ website công ty: <http://www.duclonggroup.com/bao-cao-tai-chinh.html>

Gia Lai, ngày 18 tháng 4 năm 2024

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN TƯỜNG CỘT

PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM:
Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)
Công ty thành viên của JPA International
Trụ sở chính : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM
Tel : +84 (28) 3859 4168 Fax : +84 (28) 3859 2285
Email : contact@vietvalues.com Website : www.vietvalues.com



**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH – HỢP NHẤT**

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG
GIA LAI**

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 – 05
2. Báo cáo kiểm toán (hợp nhất)	06 – 07
3. Bảng cân đối kế toán (hợp nhất) tại ngày 31/12/2023	08 – 09
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023	12 – 55
7. Phụ lục 01: Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình	56
8. Phụ lục 02: Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình	57
9. Phụ lục 03: Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	58
10. Phụ lục 04: Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	59



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính (hợp nhất) của công ty mẹ là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai và 04 công ty con cùng 01 công ty liên kết (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán của Tập đoàn.

1. Khái quát về Tập đoàn

Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai (tên tiếng Anh: Duc Long Gia Lai Group JSC) (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900415863 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 13 tháng 06 năm 2007. Trong quá trình hoạt động, Công ty đăng ký thay đổi lần thứ đăng ký thay đổi lần thứ 33 vào ngày 01 tháng 10 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp.

Vốn điều lệ : 2.993.097.200.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2023 : 2.993.097.200.000 đồng.

Công ty niêm yết trên sàn chứng khoán Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là DLG.

2. Trụ sở hoạt động

2.1 Trụ sở chính hoạt động

Địa chỉ : Số 90 Lê Duẩn, phường Phù Đổng, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Điện thoại : +84 (269) 374 8367

Fax : +84 (269) 374 7366

Mã số thuế : 5900415863

2.2 Thông tin về công ty con và công ty liên kết

Thông tin về công ty con tính đến ngày 31/12/2023:

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tại ngày cuối năm			Tại ngày đầu năm		
				Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
1	Công ty CP BOT và BT Đức Long Đắk Nông	04 Điện Biên Phủ, Tổ 3, P. Nghĩa Trung, TP Gia Nghĩa, Đắk Nông	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	70,6%	70,6%	70,6%	70,6%	70,6%	70,6%
2	Công ty CP BOT và BT Đức Long Gia Lai	782 Hùng Vương, T. trấn Chư Sê, H. Chư Sê, Tỉnh Gia Lai	Đầu tư xây dựng công trình giao thông theo hình thức BOT	73,5%	73,5%	73,5%	73,5%	73,5%	73,5%
3	Công ty TNHH Mass Noble Investment	957, Trung tâm doanh nghiệp nước ngoài Road Town, Tortola, Quần đảo Virgin Islands thuộc Anh	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện tử, viễn thông công nghệ cao	97,73%	97,73%	97,73%	97,73%	97,73%	97,73%
4	Công ty CP ĐT&PT Điện Năng Đức Long Gia Lai	43 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Xây dựng và vận hành nhà máy thủy điện	93,35%	93,35%	93,35%	93,35%	93,35%	93,35%

128
 ÔNG
 NHÌ
 TOÁN
 LUẬT
 TP,

Thông tin về công ty liên kết tính đến ngày 31/12/2023:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tại ngày cuối năm		Tại ngày đầu năm		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Giao thông Gia Lai	170 Trường Chinh, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Tư vấn và đầu tư xây dựng các công trình giao thông, hạ tầng đô thị; Khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn; Lập dự án khả thi, tiền khả thi, báo cáo đầu tư; Thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công, tổng dự toán, lập dự toán; Giám sát kỹ thuật thi công, quản lý dự án; Thi công xây lắp các công trình; Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng khác	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%

3. Ngành nghề hoạt động

- Hoạt động chính: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ, bằng vật liệu khác;
- Khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất, gia công linh kiện điện tử;
- Đầu tư tài chính;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành;
- Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh;
- Xây dựng công trình đường bộ; Đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT);
- Cho thuê máy móc thiết bị; Cho thuê văn phòng

4. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

4.1 Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị của Tập đoàn trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Bùi Pháp	Chủ tịch	02/05/2017	-
Ông Nguyễn Tường Cọt	Thành viên	30/06/2022	-
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên	30/06/2022	-
Ông Võ Mộng Hùng	Thành viên	20/06/2020	-
Ông Paul Anthony Murphy	Thành viên	23/06/2018	-

4.2 Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của Tập đoàn trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Phan Thị Ngọc Anh	Trưởng ban	03/05/2017	-
Bà Đặng Thị Hà	Thành viên	23/06/2018	-
Bà Trần Thị Như Hạnh	Thành viên	30/06/2022	-

4.3 Ban kiểm toán nội bộ

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Võ Mộng Hùng	Trưởng ban	27/10/2022	-
Bà Đặng Thị Ngọc Huệ	Thành viên	27/10/2022	-
Ông Trương Văn Tân	Thành viên	27/10/2022	-

4.4 Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Tập đoàn trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Tường Cột	Tổng Giám đốc	01/10/2021	-
Ông Phạm Minh Việt	Phó Tổng Giám đốc	01/10/2010	-
Ông Trần Văn Phương	Phó Tổng Giám đốc	24/06/2017	-
Bà Vũ Thị Hải	Phó Tổng Giám đốc	01/04/2018	-
Ông Đỗ Thành Nhân	Trưởng phòng TC-KT kiểm phụ trách kế toán	03/09/2019	-

5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) này Ông Nguyễn Tường Cột – Tổng Giám đốc.

6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và tình hình tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được thể hiện trong Báo cáo tài chính (hợp nhất) từ trang 08 đến trang 59.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Tập đoàn sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (hợp nhất).

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Tập đoàn.

75 - C
TY
HỮU M
À TƯ V
VIỆT
Đ C

9. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính (hợp nhất) phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính (hợp nhất), kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023. Trong việc lập các Báo cáo tài chính (hợp nhất) này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các Chính sách Kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực Kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính (hợp nhất);
- Lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính (hợp nhất), tình hình hoạt động (hợp nhất) của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

10. Phê duyệt các Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính (hợp nhất) đính kèm. Báo cáo tài chính (hợp nhất) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và các luồng lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).


PM. Ban Tổng Giám đốc

NGUYỄN TƯỜNG CỘT
Tổng Giám đốc

Gia Lai, ngày 30 tháng 3 năm 2024.

Số: 2275/24/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính (hợp nhất) kèm theo của Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai và các công ty con (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2024, từ trang 08 đến trang 59, bao gồm: Bảng cân đối kế toán (hợp nhất) tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất), Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (hợp nhất) chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính (hợp nhất) dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính (hợp nhất). Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính (hợp nhất) do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất) trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các Chính sách Kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Tại Thuyết minh mục V.5 – Phải thu về cho vay, tại ngày 31/12/2023, trong đó Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi theo thực tế của các khoản cho vay ngắn và dài hạn số tiền là 211.309.954.412 đồng. Với các tài liệu hiện có tại Công ty, chúng tôi cũng không thể thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo thực tế.

Do đó, chúng tôi chưa thể xác định được ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023, cũng như báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) (nếu có) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

2. Tại Thuyết minh mục VII.6, tại ngày 31/12/2023, khoản lỗ thuần lũy kế của Tập đoàn là (2.664.379.511.213) đồng và tại ngày đó, các khoản nợ ngắn hạn của Tập đoàn đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn của Tập đoàn là 1.637.962.063.529 đồng. Tập đoàn đã có kế hoạch về việc thanh lý, nhượng bán tài sản đảm bảo, tài sản được bảo lãnh và dòng tiền để trả nợ cho ngân hàng trong giai đoạn từ năm 2024 đến năm 2026 cũng như khả năng đàm phán của Công ty về việc thanh toán các khoản vay quá hạn và đến hạn thanh toán với các chủ nợ. Điều này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ” Báo cáo tài chính (hợp nhất) đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và tình hình lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2024.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)



Trần Văn Hiệp – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN số 2141-2023-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Nguyễn Thị Tuyết Vân – Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN số 2839-2020-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

DVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.131.710.306.910	1.647.393.336.524
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	194.659.449.343	117.984.852.556
111	1. Tiền		194.659.449.343	117.984.852.556
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		50.000.000.000	50.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	50.000.000.000	50.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		707.118.433.275	1.234.607.067.732
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	797.672.854.321	872.799.704.902
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	57.251.955.549	54.901.955.863
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.5a	1.137.082.661.174	1.283.615.917.371
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.6a	667.258.906.050	463.492.680.457
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.7	(1.952.147.943.819)	(1.440.203.190.861)
140	IV. Hàng tồn kho	V.8	178.445.983.349	243.503.894.251
141	1. Hàng tồn kho		261.460.744.596	279.103.388.610
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(83.014.761.247)	(35.599.494.359)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.486.440.943	1.297.521.985
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.9a	343.448.299	277.246.722
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.025.177.160	1.017.534.494
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.19	117.815.484	2.740.769
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.920.238.845.667	3.964.452.311.610
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.125.443.978.530	974.633.172.877
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	V.5b	1.124.175.308.530	973.364.502.877
216	2. Phải thu dài hạn khác	V.6b	1.268.670.000	1.268.670.000
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	-
220	II. Tài sản cố định		2.417.447.295.736	2.609.447.536.906
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.10	2.393.232.009.409	2.582.098.269.846
222	- Nguyên giá		4.168.937.242.457	4.143.007.793.378
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.775.705.233.048)	(1.560.909.523.532)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.11	24.215.286.327	27.349.267.060
228	- Nguyên giá		246.586.026.423	228.997.301.413
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(222.370.740.096)	(201.648.034.353)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.12	27.444.199.176	29.135.475.808
231	- Nguyên giá		56.149.693.891	56.149.693.891
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(28.705.494.715)	(27.014.218.083)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		34.957.889.850	40.860.898.048
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.13	34.957.889.850	40.860.898.048
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		21.974.113.112	16.181.696.303
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	V.14a	7.109.707.330	7.062.152.013
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	V.14b	42.150.308.239	41.020.404.422
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	V.14b	(27.285.902.457)	(31.900.860.132)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		292.971.369.263	294.193.531.668
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.9b	119.075.977.074	72.638.769.527
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	V.15	10.759.849.053	11.391.839.489
269	3. Lợi thế thương mại	V.16	163.135.543.136	210.162.922.652
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		5.051.949.152.577	5.611.845.648.134

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, p. Phù Đổng, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai

Bảng cân đối kế toán (hợp nhất) (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		4.524.434.306.651	4.502.824.785.620
310	I. Nợ ngắn hạn		2.769.672.370.439	2.592.155.370.670
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.17	277.586.661.148	272.530.212.934
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.18	39.761.366.136	41.091.428.687
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.19	74.006.656.445	80.672.478.415
314	4. Phải trả người lao động		24.735.087.067	22.584.610.917
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.20	509.557.976.546	435.037.338.916
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		352.582.908	74.571.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.21a	712.829.198.275	612.057.263.822
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.22	1.128.314.061.722	1.125.558.685.787
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.24	2.528.780.192	2.548.780.192
330	II. Nợ dài hạn		1.754.761.936.212	1.910.669.414.950
337	1. Phải trả dài hạn khác	V.21b	797.028.022	220.000.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.23	1.682.860.795.288	1.845.660.795.288
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	V.25	71.104.112.902	64.788.619.662
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		527.514.845.926	1.109.020.862.514
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.26	527.514.845.926	1.109.020.862.514
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		2.993.097.200.000	2.993.097.200.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		50.510.908.328	50.510.908.328
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		6.703.405.604	786.817.114
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		6.196.436.959	6.196.436.959
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(2.664.379.511.213)	(2.069.778.374.063)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(2.069.778.374.063)	(850.365.107.591)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		(594.601.137.150)	(1.219.413.266.472)
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		135.386.406.248	128.207.874.176
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		5.051.949.152.577	5.611.845.648.134

Gia Lai, ngày 30 tháng 3 năm 2024.

Người lập biểu

Nhu

NGUYỄN KHOA ĐIỀU THƯ

Trưởng phòng TC - KT
kiêm phụ trách kế toán

Đỗ Thành Nhân

ĐỖ THÀNH NHÂN



Thủ Giám Đốc

NGUYỄN TƯỜNG CỘT

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, p. Phù Đổng, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai

KẾT QUẢ KINH DOANH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	1.122.336.737.017	1.347.873.447.005
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		2.482.687	1.349.785
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.122.334.254.330	1.347.872.097.220
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	899.483.792.852	1.020.596.883.021
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		222.850.461.478	327.275.214.199
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	237.576.994.402	236.855.880.572
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	353.451.871.432	427.843.707.556
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		353.527.402.684	361.994.198.994
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	VI.5	47.555.317	108.632.858
25	9. Chi phí bán hàng	VI.6	6.824.743.217	11.112.766.445
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.7	658.988.850.292	1.289.316.973.159
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(558.790.453.744)	(1.164.033.719.531)
31	12. Thu nhập khác	VI.8	9.657.959.020	6.414.292.134
32	13. Chi phí khác	VI.9	12.684.707.173	26.109.104.918
40	14. Lợi nhuận khác		(3.026.748.153)	(19.694.812.784)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(561.817.201.897)	(1.183.728.532.315)
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.19	10.028.178.521	12.534.100.009
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		6.894.650.781	914.217.926
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(578.740.031.199)	(1.197.176.850.250)
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		(594.601.137.150)	(1.219.413.266.472)
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		15.861.105.951	22.236.416.222
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.11	(1.987)	(4.074)
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.12	(1.987)	(4.074)

Gia Lai, ngày 30 tháng 3 năm 2024.

Người lập biểu

NGUYỄN KHOA DIỆU THU

Trưởng phòng TC - KT
kiêm phụ trách kế toán

ĐỖ THÀNH NHÂN



Trưởng Giám Đốc

NGUYỄN TUẤN CỘT

Báo cáo này được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất)

10

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (HỢP NHẤT)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

DVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế	V.19	(561.817.201.897)	(1.183.728.532.315)
	2. Điều chỉnh cho các khoản		953.390.763.927	1.567.670.480.363
	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.10; V.11; V.12; V.16	259.800.174.737	228.192.268.410
02	- Các khoản dự phòng	V.7; V.8; V.14	554.745.062.171	1.168.576.200.702
03	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại		652.255.740	34.259.831.538
04	- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ			
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	VII	(215.334.131.405)	(225.352.019.281)
06	- Chi phí lãi vay	VI.4	353.527.402.684	361.994.198.994
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		391.573.562.030	383.941.948.048
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		65.303.643.925	89.708.182.932
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		17.642.644.014	117.159.626.830
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		2.774.496.547	(292.918.143.805)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(48.580.110.067)	27.867.253.621
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(181.248.387.330)	(87.691.058.443)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.19	(18.490.205.671)	(52.145.509.846)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	V.24	(20.000.000)	(165.105.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		228.955.643.448	185.757.194.337
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(31.803.648.460)	(22.664.293.651)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.091.919.845.616)	(27.865.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		1.087.642.296.160	49.180.003.487
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(3.109.603.817)	(42.520.104.422)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		41.500.000.000	41.500.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		362.382.829	17.409.709.600
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		2.671.581.096	15.040.315.014
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		27.328.562.377	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	V.22; V.23	(187.373.186.442)	(217.324.126.859)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(160.044.624.065)	(217.324.126.859)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		71.582.600.479	(16.526.617.508)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	V.1	117.984.852.556	122.635.609.100
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		5.091.996.308	11.875.860.964
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	194.659.449.343	117.984.852.556

Gia Lai, ngày 30 tháng 3 năm 2024.

Người lập biểu

Nguyễn Khoa Diệu Thu

NGUYỄN KHOA DIỆU THU

Báo cáo này được đọc kèm với Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (hợp nhất)

Trưởng phòng TC - KT
kiêm phụ trách kế toán

Đỗ Thành Nhân

ĐỖ THÀNH NHÂN



NGUYỄN TƯỜNG CỘT

11

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai và 04 Công ty con cùng 01 Công ty liên kết (sau đây gọi là “Tập đoàn”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn là sản xuất thành phẩm từ gỗ, khai thác đá, kinh doanh thương mại, hoạt động xây lắp và kinh doanh dịch vụ (cho thuê tài sản, khách sạn,...), sản xuất các sản phẩm linh kiện điện tử gia dụng, thu phí đường bộ theo hình thức BOT, Thủy điện, Đầu tư tài chính,...

3. Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động chính: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ, bằng vật liệu khác;
- Khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất, gia công linh kiện điện tử;
- Đầu tư tài chính;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành;
- Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh;
- Xây dựng công trình đường bộ; Đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT);
- Cho thuê máy móc thiết bị; Cho thuê văn phòng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty: 12 tháng.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực dự án, bất động sản: trên 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Tình hình lạm phát tăng cao dẫn đến giá thành nhiên liệu, vật liệu, vật tư, lương thực, nhân công... tăng cao đã tác động trực tiếp và ảnh hưởng đến tình hình sản xuất, kinh doanh chung của Tập đoàn, đặc biệt là doanh thu của mảng linh kiện điện tử của nhà máy Trung Quốc và Hàn Quốc trực thuộc Công ty MassNoble (công ty con) tại Hong Kong giảm mạnh và theo dự đoán sẽ còn tiếp tục ảnh hưởng trong tương lai. Tuy nhiên, trong kỳ Tập đoàn đã tích cực, đôn đốc thu hồi các công nợ đã quá hạn thanh toán, giảm tỷ lệ nợ quá hạn. Do đó, kết quả kinh doanh trong kỳ có sự biến động mạnh so với năm trước

6. Các Công ty con và Công ty liên kết

6.1 Tổng số Công ty con được hợp nhất

- Số lượng Công ty con tại ngày 01/01/2023 : 04 Công ty
- Số lượng Công ty con tại ngày 31/12/2023 : 04 Công ty
- Số lượng Công ty con được hợp nhất tại ngày 31/12/2023 : 04 Công ty

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính (Hợp nhất) 12

- Chi tiết các Công ty con được hợp nhất như sau :

STT	Tên công ty	Tại ngày cuối năm			Tại ngày đầu năm		
		Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
1.	Công ty CP BOT và BT Đức Long Đắk Nông	70,6%	70,6%	70,6%	70,6%	70,6%	70,6%
2.	Công ty CP BOT và BT Đức Long Gia Lai	73,5%	73,5%	73,5%	73,5%	73,5%	73,5%
3.	Công ty TNHH Mass Noble Investment	97,73%	97,73%	97,73%	97,73%	97,73%	97,73%
4.	Công ty CP ĐT&PT Điện Năng Đức Long Gia Lai	93,35%	93,35%	93,35%	93,35%	93,35%	93,35%

6.2 Tổng số Công ty liên kết

- Số lượng Công ty liên kết tại ngày 01/01/2023: 01 Công ty
- Số lượng Công ty liên kết tại ngày 31/12/2023: 01 Công ty
- Số lượng Công ty liên kết được hợp nhất tại ngày 31/12/2023: 01 Công ty

Chi tiết các Công ty liên kết :

STT	Tên công ty	Tại ngày cuối năm			Tại ngày đầu năm		
		Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
1.	Công ty CP Tư vấn Xây dựng Giao thông Gia Lai	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính (Hợp nhất) 13

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Giả định về hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính (hợp nhất) đã được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng Tập đoàn sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Tập đoàn trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Tại ngày 31/12/2023, khoản lỗ thuần của Tập đoàn là (2.664.379.511.213) đồng. Đồng thời, các khoản nợ ngắn hạn của Tập đoàn đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn của Tập đoàn là 1.637.962.063.529 đồng. Ngoài ra, Tập đoàn có một số khoản nợ phải trả và vay đã quá hạn thanh toán với tổng giá trị ước tính là 2.240.658.082.331 đồng. Tại ngày lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) này, mặc dù doanh thu và lợi nhuận năm 2023 không đạt theo kế hoạch đề ra, Công ty khẳng định tình hình sản xuất kinh doanh vẫn đang hoạt động ổn định, khắc phục các khó khăn trước mắt. Hội đồng quản trị và Ban điều hành luôn chủ động đưa ra nhiều giải pháp linh hoạt theo biến động thị trường như: cấu trúc tình hình tài chính, tăng cường thu nợ, cắt giảm chi phí nhằm mục tiêu giảm nợ vay ngân hàng, cụ thể trong năm 2023 Công ty đã thực hiện trả gốc ngân hàng hơn 187 tỷ đồng. Định hướng chiến lược và kiên định mục tiêu từ năm 2024 đến 2026 tất toán toàn bộ nợ quá hạn ngân hàng và đàm phán với ngân hàng xin miễn toàn bộ lãi. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn vẫn tiến hành lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

2. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính (hợp nhất)**

Báo cáo tài chính (hợp nhất) được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

3. **Cơ sở hợp nhất**

Các báo cáo tài chính (hợp nhất) bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con. Các báo cáo tài chính của các Công ty con đã được lập cho cùng kỳ tài chính với Công ty mẹ, áp dụng các chính sách Kế toán thống nhất với các chính sách Kế toán của Công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các Công ty con và Công ty mẹ.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Tập đoàn và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh (hợp nhất) và bảng cân đối kế toán (hợp nhất).

Các Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ không còn kiểm soát Công ty con đó. Trong trường hợp Công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát các Công ty con thì các báo cáo tài chính (hợp nhất) sẽ bao gồm cả kết quả kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty mẹ vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính (hợp nhất) của Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ kế toán. Báo cáo tài chính của các Công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Công ty mẹ theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Tập đoàn đã áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu để trình bày khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Đối với khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (kể cả sở hữu trực tiếp và gián tiếp): Tập đoàn đã loại trừ toàn bộ số dự phòng tổn thất đầu tư do các công ty liên doanh, liên kết bị lỗ đã được trích lập trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con khác trong nội bộ tập đoàn.

4. Chuyển đổi Báo cáo tài chính của công ty con sang đồng tiền báo cáo của công ty mẹ:

Khi chuyển đổi Báo cáo tài chính của công ty con được lập bằng đồng tiền khác với đồng tiền báo cáo của công ty mẹ, các chỉ tiêu của Báo cáo tài chính được quy đổi theo các loại tỷ giá như sau:

- Tài sản, nợ phải trả và lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con ở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ;
- Giá trị tài sản thuần của công ty con do công ty mẹ nắm giữ tại ngày mua được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ tại ngày mua;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày mua công ty con được quy đổi bằng cách tính toán theo các khoản mục doanh thu, chi phí của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Cổ tức đã trả được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả cổ tức;
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Trường hợp tỷ giá bình quân kỳ báo cáo xấp xỉ tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không quá 2%) thì được áp dụng tỷ giá bình quân. Trường hợp biên độ giao động của tỷ giá giữa thời điểm đầu kỳ và cuối kỳ trên 20% thì áp dụng theo tỷ giá cuối kỳ.
- Đối với tài sản, tỷ giá giao dịch thực tế sử dụng để chuyển đổi báo tài chính là tỷ giá mua của ngân hàng tại thời điểm báo cáo;
- Đối với nợ phải trả, tỷ giá giao dịch thực tế sử dụng để chuyển đổi báo tài chính là tỷ giá bán của ngân hàng tại thời điểm báo cáo;
- Trường hợp tỷ giá bán và tỷ giá mua của ngân hàng tại thời điểm báo cáo chênh lệch không quá 0,2% thì được áp dụng tỷ giá mua – bán bình quân.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con được phản ánh lũy kế trong phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc:

- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho công ty mẹ được trình bày tại chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán (hợp nhất);
- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho cổ đông không kiểm soát được trình bày tại chỉ tiêu “Lợi ích cổ đông không kiểm soát”.
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh liên quan đến việc quy đổi khoản lợi thế thương mại chưa phân bổ hết cuối kỳ được tính toàn bộ cho công ty mẹ và được ghi nhận vào chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán (hợp nhất).

Công ty giao dịch thường xuyên với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) nên Công ty đã sử dụng tỷ giá hối đoái do BIDV công bố để chuyển đổi báo cáo tài chính hợp nhất này. Chi tiết các tỷ giá đã sử dụng để chuyển đổi:

Tỷ giá mua thực tế tại ngày 31/12/2023: 3.061 VND/HKD;

Tỷ giá bán thực tế tại ngày 31/12/2023: 3.150 VND/HKD;

Tỷ giá bình quân cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023: 3.048 VND/HKD.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính (riêng) hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính (riêng) hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

7. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Doanh nghiệp và người mua là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại
- Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 04 năm 2017 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc và thiết bị	05 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Vườn cây lâu năm	20
Tài sản cố định khác là Dự án BOT(*)	Theo tỷ lệ % trên doanh thu
Tài sản cố định hữu hình khác	08 – 10

(*) Các tài sản cố định hình thành từ Dự án BOT, Tập đoàn được trích khấu hao theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu theo Công văn số 6092/BTC-TCĐN ngày 06/05/2016 của Bộ Tài chính. Tập đoàn thực hiện trích khấu hao tài sản cố định từ ngày 01/01/2016 và không áp dụng hồi tố cho thời gian đã thực hiện trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trước đó.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ....

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Chi phí triển khai

Là các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển một số sản phẩm tiện nghi cho gia đình, chăm sóc bản thân, an ninh nhà ở và tiết kiệm năng lượng đã được đưa vào sản xuất thương mại và những chi phí này được dự kiến là chắc chắn có khả năng thu hồi hợp lý.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện trích khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Tập đoàn.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 04 năm 2017 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Phần mềm kế toán	07
Chi phí triển khai	04

12. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Riêng các bất động sản đầu tư chờ tăng giá để bán được phản ánh theo giá ghi sổ sau khi trừ đi phần tổn thất do giảm giá trị.

Chính sách khấu hao bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được thực hiện nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cố định cùng loại của Tập đoàn. Theo đó, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được thực hiện khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 04 năm 2017 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ tài chính. Cụ thể:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

15. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu là số vốn thực góp của chủ sở hữu.

16. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

17. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ (cho thuê mặt bằng, trạm thu phí cầu đường)

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

3128
CÔNG
HÀNH
TOÁN
TẬP
- TP.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

19. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết.

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của công ty.

21. Nguyên tắc và quy tắc ghi nhận các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng phát sinh giao dịch ngoại tệ, tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là đồng USD được phân loại là tài sản: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, tỷ giá 24.110 VNĐ/USD.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính (Hợp nhất) 21

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, tỷ giá 24.410 VNĐ/USD
- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là đồng LAK được phân loại là tài sản: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, tỷ giá 0,68 VNĐ/LAK.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là đồng LAK được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, tỷ giá 1,25 VNĐ/LAK.

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước

Các khoản thuế Tập đoàn tính và nộp ngân sách gồm:

Thuế giá trị gia tăng

Thuế GTGT: theo phương pháp khấu trừ

- Hoạt động xây lắp, kinh doanh đá, gỗ,... áp dụng thuế suất 10%.
- Hoạt động bán điện thương phẩm áp dụng thuế suất 8%.
- Các sản phẩm khác áp dụng thuế suất theo quy định hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con tại Việt nam với mức thuế suất là 20%. Ngoài ra, một số Công ty con, dự án có các mức thuế suất thuế TNDN như sau:

- Chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty CP BOT và BT Đức Long Gia Lai: Đối với thu nhập từ dự án nâng cấp, mở rộng đường Hồ Chí Minh (Quốc lộ 14A) đoạn Pleiku (km 1610) – Cầu 110 (km1667-570) qua tỉnh Gia Lai theo hình thức BOT tại huyện Chư Prông, Chư Sê, Chư Pưh: Căn cứ khoản 4, Điều 10, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài Chính và Công văn số 3770/CT-TTHT ngày 09/12/2015 của Cục thuế tỉnh Gia Lai, Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%, được miễn thuế TNDN trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế phải nộp trong vòng 9 năm tiếp theo. Năm 2017 là năm đầu tư Công ty có thu nhập chịu thuế, do đó Công ty được miễn thuế TNDN từ năm 2017 đến hết năm 2020 và được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp từ năm 2021 đến hết năm 2029.
- Chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty CP BOT và BT Đức Long Đắk Nông: Đối với thu nhập từ dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 14 đoạn km 817 đến km 887: Căn cứ khoản 1, Điều 11 và Điều 12, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài Chính, Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời hạn 15 năm kể từ khi có doanh thu, được miễn thuế TNDN trong 4 năm và được giảm 50% số thuế phải nộp trong vòng 9 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế từ dự án. Năm 2015 là năm đầu tư Công ty có doanh thu chịu thuế, năm 2016 là năm đầu tư Công ty có thu nhập chịu thuế, theo đó Công ty được áp dụng thuế suất ưu đãi 10% từ năm 2015 đến năm 2029, được miễn thuế TNDN từ năm 2016 đến hết năm 2019 và được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp từ năm 2020 đến hết năm 2028.
- Chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty Đầu tư và Phát triển Điện năng Đức Long Gia Lai: Đối với dự án Thủy điện Đăkpôcô: Căn cứ theo Khoản 4, Điều 10 và Khoản 1, Điều 11 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính, Công văn số 3423/CT-TTHT ngày 16/11/2015 của Cục thuế Tỉnh Gia Lai, Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%, được miễn thuế TNDN trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Công ty có thu nhập chịu thuế từ dự án Thủy

điện Đăkpôcô từ năm 2018; theo đó, Công ty được miễn thuế TNDN từ năm 2018 đến năm 2021 và giảm 50% thuế TNDN phải nộp từ năm 2022 đến năm 2030.

- Chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp tại các công ty con ở nước ngoài áp dụng như sau:

Đối với các Công ty con được thành lập theo Luật công ty kinh doanh quốc tế của Virgin Islands thuộc Anh được miễn nộp thuế TNDN của Virgin Islands thuộc Anh.

Thuế suất thuế TNDN của Hồng Kông từ 8,25% đến 16,5% trên lợi nhuận tính thuế ước tính của các công ty con của Công ty phát sinh ở hoặc có nguồn gốc từ Hồng Kông.

Đối với các công ty con tại nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa: thuế suất 25% trên lợi nhuận của các công ty con theo quy định của Luật thuế thu nhập Trung Quốc áp dụng cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp nước ngoài.

Đối với công ty con tại Hàn Quốc: thuế suất là 10% trên lợi nhuận đối với mức lợi nhuận dưới 200 triệu Đồng Won Hàn Quốc (KRW) và 20% đối với mức lợi nhuận còn lại theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp Hàn Quốc.

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT) (ĐVT: VNĐ)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	6.978.902.381	8.124.873.205
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	187.680.546.962	109.859.979.351
Cộng	194.659.449.343	117.984.852.556

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

Là khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Nông trại Cao Nguyên Quảng Phú 1.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cuối năm	Dự phòng	Số đầu năm	Dự phòng
Phải thu của các bên liên quan	20.887.645.256	(16.846.509.560)	18.499.845.256	(13.416.539.726)
- Công ty CP Dịch vụ Công cộng Đức Long Bảo Lộc	18.186.045.256	(15.902.269.560)	16.746.045.256	(13.416.539.726)
- Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven	2.701.600.000	(944.240.000)	1.753.800.000	-
Phải thu các khách hàng khác	776.785.209.065	(635.849.939.832)	854.299.859.646	(653.975.000.857)
- Ông Lý Trần Tiến	391.021.500.000	(391.021.500.000)	391.021.500.000	(391.021.500.000)
- Ông Nguyễn Tuấn Vũ	129.695.100.000	(129.695.100.000)	133.295.100.000	(133.295.100.000)
- Các đối tượng khác	251.879.022.865	(115.133.339.832)	329.983.259.646	(129.658.400.857)
Cộng	797.672.854.321	(652.696.449.392)	872.799.704.902	(667.391.540.583)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Trả trước cho các bên liên quan	182.818.181	(100.000.000)	100.000.000	(100.000.000)
Công ty CP Tư vấn Xây dựng giao thông Gia Lai	100.000.000	(100.000.000)	100.000.000	(100.000.000)
Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven	82.818.181	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	57.069.137.368	(48.590.185.746)	54.801.955.863	(49.797.185.746)
- Công ty TNHH MTV Nông trại Cư Bông 1	15.204.370.000	(15.204.370.000)	15.204.370.000	(15.204.370.000)
- Công ty TNHH KTKS Đức Sang Gia Lai	7.603.234.071	(7.603.234.071)	7.603.234.071	(7.603.234.071)
- Các đối tượng khác	34.261.533.297	(25.782.581.675)	31.994.351.792	(26.989.581.675)
Cộng	57.251.955.549	(48.690.185.746)	54.901.955.863	(49.897.185.746)

5. Phải thu về cho vay

5a Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu về cho vay các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu về cho vay các bên khác	1.135.171.287.727	(103.998.912.014)	1.281.704.543.924	(304.693.657.351)
- Công ty TNHH Cung ứng VT Nguyên liệu Tây Nguyên ⁽¹⁾	248.998.555.500	(39.685.056.500)	202.455.555.500	(32.095.433.850)
- Công ty TNHH MTV Phạm Linh Gia lai ⁽²⁾	158.311.573.320	-	213.832.000.000	(32.916.000.000)
- Ông Huỳnh Quốc Bình ⁽³⁾	145.083.159.082	-	133.557.200.000	(4.067.160.000)
- Các đối tượng khác ⁽⁴⁾	582.777.999.825	(64.313.855.514)	731.859.788.424	(235.615.063.501)
Phải thu về cho mượn các bên khác	1.961.373.447	(1.961.373.447)	1.911.373.447	-
- Công ty CP ĐT &PT Năng Lượng sạch Tây Nguyên	1.961.373.447	(1.961.373.447)	1.911.373.447	-
Cộng ^(*)	1.137.082.661.174	(105.960.285.461)	1.283.615.917.371	(304.693.657.351)

⁽¹⁾ Là khoản cho vay dài hạn đến hạn trả theo Hợp đồng cho vay số 07/2019/HĐVV-ĐLGL ngày 25/08/2019 và các Phụ lục sửa đổi, bổ sung. Thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 10,9%/năm.

⁽²⁾ Là khoản vay theo Hợp đồng vay theo các hợp đồng sau :

- Hợp đồng vay vốn số 01/2020/HĐVV-ĐLGL ngày 05/01/2020 và Phụ lục Hợp đồng số 02-01/2020/HĐVV-ĐLGL ngày 10/01/2021, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 10,9%/năm, hạn mức cho vay 320.000.000.000 đồng ;

- Hợp đồng vay vốn số 05/2021/HĐVV-ĐLGL ngày 25/12/2021, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 10,9%/năm, hạn mức cho vay 50.000.000.000 đồng.

⁽³⁾ Là khoản cho vay dài hạn đến hạn trả theo Hợp đồng cho vay số 05/2020/HĐVV-ĐLGL ngày 20/04/2020 và các Phụ lục sửa đổi, bổ sung. Thời hạn vay 48 tháng, lãi suất 11,8%/năm.

⁽⁴⁾ Cho các tổ chức và cá nhân khác vay tiền theo từng hợp đồng cho vay cụ thể, thời gian cho vay còn lại không quá 12 tháng, lãi suất cho vay từ 7% - 11,8%/năm.

5b Phải thu về cho vay dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu về cho vay các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu về cho vay các bên khác	1.124.175.308.530	(524.504.972.365)	973.364.502.877	(16.455.000.000)
- Công ty CP Trồng rừng và Cây công nghiệp ĐLGL ⁽¹⁾	377.565.000.443	(327.315.000.443)	374.407.500.000	(15.000.000.000)
- Công ty CP Công nghiệp Khai thác Chế biến đá Tây Nguyên ⁽²⁾	313.765.000.000	(39.685.056.500)	14.213.771.977	(1.455.000.000)
- Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku ⁽³⁾	248.884.000.000	(52.404.500.000)	68.140.000.000	-
- Các đối tượng khác ⁽⁴⁾	183.961.308.087	(105.100.415.422)	516.603.230.900	-
Cộng⁽⁴⁾	1.124.175.308.530	(524.504.972.365)	973.364.502.877	(16.455.000.000)

⁽¹⁾ Công ty CP Trồng Rừng và Cây công nghiệp ĐLGL vay theo Hợp đồng vay số 03/HĐTD ngày 01/07/2021, thời hạn vay kể từ ngày giải ngân món vay đầu tiên 15 năm. Trong đó, thời gian ân hạn là 3 năm và thời gian trả nợ là 12 năm. Lãi suất áp dụng tại thời điểm cho vay là 10,9%/năm cố định trong vòng 12 tháng, hạn mức cho vay 525.000.000.000 đồng.

⁽²⁾ Công ty CP Công nghiệp Khai thác Chế biến đá Tây Nguyên vay theo Hợp đồng vay số 02/2023/HĐ ngày 01/06/2023, thời hạn vay 90 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời gian ân hạn là 12 tháng. Lãi suất áp dụng trong suốt thời gian cho vay là 10,9%/năm, hạn mức cho vay 325.000.000.000 đồng.

⁽³⁾ Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku vay theo Hợp đồng vay số 03/2023/HĐ ngày 20/06/2023, thời hạn vay 72 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời gian ân hạn là 9 tháng. Lãi suất áp dụng trong suốt thời gian cho vay là 10,6%/năm, hạn mức cho vay 275.000.000.000 đồng.

⁽⁴⁾ Cho các tổ chức và cá nhân khác vay tiền theo từng hợp đồng cho vay cụ thể, thời gian cho vay còn lại trên 12 tháng, lãi suất cho vay từ 7% - 11,8%/năm.

^(*) Tổng các khoản cho các tổ chức, cá nhân vay (tại mục V.5a và V.5b) tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 2.261.257.969.704 đồng. Các khoản cho vay này là tín chấp. Trong đó có 211.309.954.412 đồng khoản cho vay chưa đánh giá được khả năng thu hồi theo thực tế. Tính đến ngày 30/03/2024, đã thu được 1.352.410.295.861 đồng.

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Số đầu năm	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	12.663.938.863	(12.663.938.863)	14.914.559.709	(12.320.552.086)
Phải thu về lãi cho vay	-	-	2.594.007.623	-
- Công ty CP Đầu tư Xây Dựng Đức Long Gia Lai	-	-	2.594.007.623	-
Phải thu khác	12.663.938.863	(12.663.938.863)	12.320.552.086	(12.320.552.086)
- Công ty TNHH Điện tử DLG Ansen	12.663.938.863	(12.663.938.863)	12.320.552.086	(12.320.552.086)
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	654.594.967.187	(557.632.111.992)	448.578.120.748	(339.445.255.095)
- Phải thu về lãi cho vay	631.888.363.243	(557.632.111.992)	423.496.802.312	(339.445.255.095)
- Tạm ứng cho nhân viên	3.294.591.933	-	3.646.779.031	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	11.229.497.184	-	3.743.211.370	-
- Phải thu khác	8.182.514.827,00	-	17.691.328.035	-
Cộng	667.258.906.050	(570.296.050.855)	463.492.680.457	(351.765.807.181)

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	1.268.670.000	-	1.268.670.000	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	1.268.670.000	-	1.268.670.000	-
Cộng	1.268.670.000	-	1.268.670.000	-

7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(1.440.203.190.861)	(311.820.125.829)
Trích lập dự phòng bổ sung	(880.056.554.294)	(1.193.548.035.016)
Hoàn nhập dự phòng	368.581.494.571	65.286.418.918
Ảnh hưởng do thoái vốn công ty con	-	(66.149.587)
Ảnh hưởng chuyển đổi báo cáo	(469.693.235)	(55.299.347)
Số cuối năm	(1.952.147.943.819)	(1.440.203.190.861)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu ⁽¹⁾	25.692.500.500	(14.061.343.157)	34.179.000.975	(8.374.183.648)
- Chi phí SXKD dở dang	50.886.294.199	(18.072.456.068)	50.859.189.092	(15.920.885.326)
- Thành phẩm ⁽²⁾	13.595.269.148	(6.528.746.389)	21.131.092.838	(7.914.839.060)
- Hàng hóa ⁽³⁾	171.286.680.749	(44.352.215.633)	172.934.105.705	(3.389.586.325)
Cộng	261.460.744.596	(83.014.761.247)	279.103.388.610	(35.599.494.359)

⁽¹⁾ Nguyên liệu, vật liệu chủ yếu là gỗ, ván MDF... dùng để sản xuất các sản phẩm từ gỗ, các phụ kiện để sản xuất linh kiện điện tử.

⁽²⁾ Thành phẩm cuối năm chủ yếu là các sản phẩm từ gỗ, linh kiện điện tử.

⁽³⁾ Hàng hoá cuối năm chủ yếu là đá và gỗ.

9. Chi phí trả trước ngắn và dài hạn

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi tiết cuối năm:

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	22.066.779	9.467.344
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác chờ phân bổ	321.381.520	267.779.378
Cộng	343.448.299	277.246.722

Tình hình biến động chi phí trả trước ngắn hạn:

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	277.246.722	290.878.492
Phát sinh trong năm	8.712.074.297	608.618.277
Phân bổ trong năm	(8.645.872.720)	(622.250.047)
Số dư cuối năm	343.448.299	277.246.722

9b. Chi phí trả trước dài hạn

Chi tiết cuối năm:

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền thuê đất và nhà tại nước ngoài ⁽¹⁾	30.312.926.889	29.801.522.006
- Chi phí trung tu các dự án BOT ⁽²⁾	69.898.435.555	41.893.924.455
- Chi phí sửa chữa đột xuất tài sản cố định	18.295.402.095	-
- Chi phí dài hạn chờ phân bổ khác	569.212.535	943.323.066
Cộng	119.075.977.074	72.638.769.527

⁽¹⁾ Là tiền thuê đất và nhà tại nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa, được phân bổ theo thời hạn thuê là 50 năm theo phương pháp đường thẳng.

⁽²⁾ Là chi phí trung tu định kỳ của các dự án BOT theo các Hợp đồng BOT ký với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, chi phí trung tu và thời gian phân bổ quy định tại các Hợp đồng BOT.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính (Hợp nhất) 28

Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số dư đầu năm	72.638.769.527	104.078.427.070
Phát sinh trong năm	78.438.271.249	3.838.355.055
Phân bổ trong năm	(35.786.301.001)	(34.130.212.348)
Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá	829.244.227	1.348.995.152
Ảnh hưởng do chuyển đổi báo cáo tài chính	2.955.993.072	(2.496.795.402)
Số dư cuối năm	<u>119.075.977.074</u>	<u>72.638.769.527</u>

10. Tài sản cố định hữu hình

Xem *Phụ lục 01* đính kèm.

11. Tài sản cố định vô hình

Xem *Phụ lục 02* đính kèm.

12. Bất động sản đầu tư

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Tổng cộng</u>
Nguyên giá		
- Số đầu năm	56.149.693.891	56.149.693.891
- Tăng trong năm	-	-
- Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	<u>56.149.693.891</u>	<u>56.149.693.891</u>
Giá trị hao mòn		
- Số đầu năm	27.014.218.083	27.014.218.083
- Khấu hao trong năm	1.691.276.632	1.691.276.632
Số cuối năm	<u>28.705.494.715</u>	<u>28.705.494.715</u>
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	<u>29.135.475.808</u>	<u>29.135.475.808</u>
Số cuối năm	<u>27.444.199.176</u>	<u>27.444.199.176</u>

Trong đó: Giá trị còn lại cuối năm của bất động sản đầu tư đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 27.444.199.176 đồng (xem tại thuyết minh V.22; V.23).

Nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 12.272.723.861 đồng.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển khác	Số cuối năm
- Công trình khách sạn DLGL Hotel Pleiku	30.612.218.993	-	-	30.612.218.993
- Chi phí sửa chữa đột xuất tuyến đường thuộc Quốc lộ 14	6.600.436.349	14.786.851.348	(21.387.287.697)	-
- Các công trình khác	3.648.242.706	974.444.818	(277.016.667)	4.345.670.857
Cộng	40.860.898.048	15.761.296.166	(21.664.304.364)	34.957.889.850

Tại ngày 31/12/2023, các chi phí xây dựng cơ bản dở dang không dùng để thế chấp cho các khoản vay.

14. Đầu tư tài chính

14a. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Tăng/(Giảm) giá trị đầu tư lũy kế từ sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Tăng/(Giảm) giá trị đầu tư lũy kế từ sau ngày đầu tư	Cộng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	8.900.766.000	(1.791.058.670)	7.109.707.330	8.900.766.000	(1.838.613.987)	7.062.152.013
- Công ty CP tư vấn và Xây dựng Giao thông Gia Lai (*)	8.900.766.000	(1.791.058.670)	7.109.707.330	8.900.766.000	(1.838.613.987)	7.062.152.013
Cộng	8.900.766.000	(1.791.058.670)	7.109.707.330	8.900.766.000	(1.838.613.987)	7.062.152.013
Tên khoản đầu tư	Giá trị đầu tư theo PP vốn chủ sở hữu tại ngày 01/01/2023	Tăng/(Giảm) giá trị đầu tư lũy kế từ sau ngày đầu tư				Giá trị đầu tư theo PP vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2023
		Tăng/(Giảm) giá trị đầu tư tương ứng với phần sở hữu của nhà đầu tư trong Kết quả kinh doanh của công ty liên kết	Tăng/(Giảm) giá trị đầu tư theo thay đổi của vốn chủ sở hữu của công ty liên kết nhưng không được phản ánh vào Kết quả kinh doanh	Tăng/(giảm) từ lãi/(lỗ) sau thuế TNDN trong năm của công ty liên kết	(Giảm) từ cổ tức được chia trong năm của công ty liên kết	
- Công ty CP tư vấn và Xây dựng Giao thông Gia Lai (*)	7.062.152.013	272.591.317	(225.036.000)	-	-	7.109.707.330
Cộng	7.062.152.013	272.591.317	(225.036.000)	-	-	7.109.707.330

(*) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 5.922 cổ phiếu, tương ứng nắm giữ 20,00% vốn điều lệ của Công ty CP tư vấn và Xây dựng Giao thông Gia Lai (số đầu năm là 5.922 cổ phiếu, tương ứng 20,00% vốn điều lệ).

14b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý ^(*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý ^(*)	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác	42.150.308.239	14.864.405.782	(27.285.902.457)	41.020.404.422	9.119.544.290	(31.900.860.132)
- Công ty CP Dịch vụ Công Cộng Đức Long Bảo Lộc ⁽¹⁾	480.000.000	-	(480.000.000)	480.000.000	-	(480.000.000)
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven ⁽²⁾	41.670.308.239 (#13,613,299.00 HKD)	14.864.405.782	(26.805.902.455)	40.540.404.422 (#13,613,299.00 HKD)	9.119.544.290	(31.420.860.132)
Cộng	42.150.308.239	14.864.405.782	(27.285.902.455)	41.020.404.422	9.119.544.290	(31.900.860.132)

⁽¹⁾ Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn nắm giữ 48.000 cổ phiếu, tương ứng nắm giữ 4% vốn điều lệ của Công ty CP Dịch vụ Công Cộng Đức Long Bảo Lộc (số đầu năm là 48.000 cổ phiếu, tương ứng 4% vốn điều lệ).

⁽²⁾ Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn nắm giữ 2.800.000 cổ phiếu, tương ứng nắm giữ 2,64% vốn điều lệ của Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven (số đầu năm là 2.800.000 cổ phiếu, tương ứng 2,64% vốn điều lệ).

^(*) Đối với cổ phiếu có giá giao dịch, giá trị hợp lý được xác định theo giá đóng cửa tại ngày 31/12/2023 của các Sở giao dịch chứng khoán. Đối với cổ phiếu chưa lưu ký và không có giá giao dịch, giá trị hợp lý được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc khoản đầu tư với mức dự phòng. Mức dự phòng được xác định dựa vào Báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư phù hợp với quy định của Thông tư 48/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng và Thông tư số 24/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư 48/2019/TT-BTC.

15. Tài sản thuế TNDN hoãn lại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	10.759.849.053	11.391.839.489
Cộng	10.759.849.053	11.391.839.489

16. Lợi thế thương mại

	Năm nay	Năm trước
Giá trị đầu năm	210.162.922.652	255.114.475.127
Tăng trong năm	-	-
Phân bổ trong năm	(49.104.080.459)	(48.537.588.167)
Ảnh hưởng do chuyển đổi báo cáo	2.076.700.943	3.586.035.692
Giá trị cuối năm	163.135.543.136	210.162.922.652

17. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả cho các bên liên quan	2.731.657.000	2.867.657.000
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng Giao thông Gia Lai	2.731.657.000	2.731.657.000
- Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven	-	136.000.000
Phải trả cho các người bán khác	274.855.004.148	269.662.555.934
- Chi nhánh sông Đà 901 - Công ty Cổ phần Sông Đà 9	50.227.407.966	51.327.407.966
- Zhejiang Fuchunjiang Hydropower Equipment Co., Ltd.	21.960.776.027	21.308.520.287
- Các người bán khác	202.666.820.155	197.026.627.681
Cộng (*)	<u>277.586.661.148</u>	<u>272.530.212.934</u>

(*) Trong đó, nợ quá hạn chưa thanh toán với số tiền là 188.349.414.088 đồng.

18. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả tiền trước của các bên liên quan	35.361.874.670	34.839.674.670
- Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven	522.200.000	-
- Công ty CP Năng Lượng Tân Thượng	34.839.674.670	34.839.674.670
Trả tiền trước của các người mua khác	4.399.491.466	6.251.754.017
- Các người mua khác	4.399.491.466	6.251.754.017
Cộng (*)	<u>39.761.366.136</u>	<u>41.091.428.687</u>

(*) Trong đó, nợ quá hạn chưa thanh toán với số tiền là 36.174.561.596 đồng.

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Xem *Phụ lục 03* đính kèm.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm của Tập đoàn được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(561.817.201.897)	(1.183.728.532.315)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.106.137.546.371	1.415.406.613.549
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	23.597.937.195	19.115.002.327
+ Chi phí lãi vay không chế theo nghị định 132/NĐ-CP	71.385.969.056	56.898.041.175
+ Chênh lệch đánh giá lại tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	33.607.573.731
+ Dự phòng/ hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư	-	763.070.518
+ Loại trừ chi phí khấu hao trong năm từ số khấu hao của lãi chưa thực hiện ở khía cạnh hợp nhất	(49.794.295)	1.047.615.217
+ Dự phòng nợ phải thu	871.815.812.804	485.969.171.364
+ Lỗ thu nhập tính thuế các công ty con, mẹ	122.306.439.173	800.986.034.320
+ Phân bổ lợi thế thương mại	17.128.737.755	17.128.737.755
+ Lãi/ lỗ từ công ty liên kết	(47.555.317)	(108.632.858)
- Các khoản điều chỉnh giảm	(403.499.684.869)	(71.677.436.650)
+ Hoàn nhập dự phòng phải thu trên khía cạnh hợp nhất	(370.502.456.367)	(68.780.623.226)
+ Lỗ từ thanh lý các công ty con ở khía cạnh hợp nhất	-	(1.310.469.321)
+ Dự phòng/ hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư	(29.035.920.669)	-
+ Giảm từ cổ tức nhận được	(225.036.000)	(225.036.000)
+ Các khoản điều chỉnh giảm khác	(3.736.271.833)	(1.361.308.103)
Thu nhập chịu thuế	140.820.659.605	160.000.644.584
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Các khoản lỗ được kết chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	140.820.659.605	160.000.644.584
Thuế TNDN phải nộp ước tính trong năm hiện hành	19.415.774.470	22.694.962.402
Thuế TNDN được miễn, giảm	(9.405.543.734)	(11.347.481.201)
Truy thu thuế TNDN ^(*)	17.947.785	1.186.618.808
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	10.028.178.521	12.534.100.009

^(*) Là khoản truy thu thuế TNDN của công ty con.

Các báo cáo thuế của Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan Thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính (hợp nhất) này có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan Thuế.

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Lãi vay phải trả	350.187.565.073	284.055.497.699
- Chi phí trích trước các công trình xây lắp	82.375.830.788	82.375.830.788
- Chi phí văn phòng	12.865.074.119	11.218.649.438
- Khác	64.129.506.566	57.387.360.990
Cộng (*)	<u>509.557.976.546</u>	<u>435.037.338.916</u>

(*) Trong đó, nợ quá hạn chưa thanh toán với số tiền là 414.405.659.695 đồng.

21. Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác

21a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả cho các bên liên quan	2.090.808.961	28.524.375.501
- Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven (chia cổ tức)	-	26.100.000.000
- Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven (ký cược, ký quỹ)	2.064.375.501	2.064.375.501
- Ông Bùi Pháp (chia cổ tức)	-	360.000.000
- Công ty CP Đầu tư xây dựng Đức Long Gia Lai	26.433.460	-
Phải trả cho các đối tượng khác	710.738.389.314	583.532.888.321
- Chi phí lãi vay	693.392.336.887	568.600.615.794
- Lãi trái phiếu chuyển đổi	1.443.858.450	1.443.858.450
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	12.090.691.346	11.078.287.957
- Phải trả khác	3.811.502.631	2.410.126.119
Cộng (*)	<u>712.829.198.275</u>	<u>612.057.263.822</u>

(*) Trong đó, nợ quá hạn chưa thanh toán với số tiền là 656.401.446.977 đồng.

21b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả cho các bên liên quan	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	797.028.022	220.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược	130.000.000	220.000.000
- Khác	667.028.022	-
Cộng	<u>797.028.022</u>	<u>220.000.000</u>

22. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn các bên liên quan (TM số 22.1)	25.390.034.377	-
Vay ngắn hạn ngân hàng và các tổ chức khác (TM số 22.2)	174.983.815.400	198.859.875.530
Vay ngắn hạn của cá nhân	40.000.000	40.000.000
Các khoản mượn tiền khác	1.650.000.000	1.650.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (TM số 23.1)	493.976.992.489	447.194.478.801
Trái phiếu phát hành đến hạn trả (TM số 23.2)	432.273.219.456	477.814.331.456
Cộng (*)	1.128.314.061.722	1.125.558.685.787

(*) Trong đó, vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn quá hạn chưa thanh toán với số tiền là 945.326.999.975 đồng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm/ chuyển từ vay dài hạn sang (*)	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
- Vay ngắn hạn ngân hàng và các tổ chức	198.859.875.530	27.328.562.377	(25.814.588.130)	200.373.849.777
- Vay ngắn hạn cá nhân	40.000.000	-	-	40.000.000
- Các khoản mượn tiền khác	1.650.000.000	-	-	1.650.000.000
- Vay dài hạn đến hạn trả	447.194.478.801	143.500.000.000	(96.717.486.312)	493.976.992.489
- Trái phiếu phát hành đến hạn trả	477.814.331.456	-	(45.541.112.000)	432.273.219.456
Cộng	1.125.558.685.787	170.828.562.377	(168.073.186.442)	1.128.314.061.722



CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI
Số 90 Lê Duẩn, phường Phú Đông, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

22. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (tiếp theo)

22.1 Vay ngắn hạn phải trả bên liên quan

Chi tiết của các khoản vay như sau:

Tên ngân hàng và tổ chức	Số tiền	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai	25.390.034.377	60 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	9,5%/năm	Tin chấp
Tổng cộng	25.390.034.377			

22.2 Vay ngắn hạn phải trả ngân hàng và các tổ chức khác

Chi tiết của các khoản vay như sau:

Tên ngân hàng và tổ chức	Số tiền	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai	174.983.815.400	Từ ngày 11/10/2017 đến hết ngày 31/8/2018	Lãi suất vay được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể	Máy móc, thiết bị chế biến gỗ (xem Thuyết minh V.10) và tài sản của ông Nguyễn Đình Trạc (người quản lý công ty con) (xem thuyết minh VIII.3c)
Tổng cộng	174.983.815.400			

23. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng, tổ chức như sau

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng và các tổ chức khác (TM số 23.1)	1.682.860.795.288	1.845.660.795.288
Cộng (*)	1.682.860.795.288	1.845.660.795.288

(*) Tại ngày 31/12/2023, Tập đoàn không có vay và nợ thuê tài chính dài hạn quá hạn chưa thanh toán.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Chuyển sang vay nợ đến hạn trả	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng và tổ chức khác	1.845.660.795.288	-	(143.500.000.000)	(19.300.000.000)	1.682.860.795.288
Cộng	1.845.660.795.288	-	(143.500.000.000)	(19.300.000.000)	1.682.860.795.288

23.1 Vay dài hạn các ngân hàng và tổ chức

Các khoản cho vay này được sử dụng chủ yếu để đáp ứng nhu cầu vốn tài trợ cho các dự án BOT, dự án thủy điện, dự án trồng cây cao su.

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng, tổ chức như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai	1.503.369.249.733	1.529.869.249.733
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Gia Lai	55.174.137.200	55.174.137.200
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Gia Lai	440.281.403.555	523.234.045.444
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Tp. HCM	178.012.997.289	178.012.997.289
- Công ty CP Đầu tư Phát triển địa ốc Gia Long	-	6.564.844.423
Cộng	2.176.837.787.777	2.292.855.274.089
Trong đó:		
Vay dài hạn	1.682.860.795.288	1.845.660.795.288
Vay dài hạn đến hạn trả	493.976.992.489	447.194.478.801

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI
Số 90 Lê Duẩn, phường Phú Đông, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

23. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (tiếp theo)

23.1 Vay dài hạn các ngân hàng và tổ chức

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo cho các khoản vay như sau:

Tên ngân hàng và tổ chức	Số tiền	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số V.10, V.12)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai	6.200.000.000	Thời hạn vay được điều chỉnh là 168 tháng	Từ ngày 14/8/2008 đến ngày 14/8/2022. Lãi suất vay là 12%/năm đến hết ngày 25/12/2013, từ ngày 26/12/2013 trở đi lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn 168 tháng do Ngân hàng thông báo từng thời kỳ cộng với phí Ngân hàng 3%/năm và được điều chỉnh vào ngày 26 hàng tháng nhưng lãi suất sau khi điều chỉnh không thấp hơn lãi suất tại thời điểm vay	Tài sản hình thành từ vốn vay, hiện đã hoàn thành và là tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn
Hợp đồng tín dụng trung hạn, dài hạn số 01/2008/HĐ ngày 16/5/2008 và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 57/2013/BSHD ngày 16/10/2020	66.924.000.000	Thời hạn vay là 144 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên, thời gian ân hạn là 72 tháng	Lãi suất vay thả nổi không cố định: bằng lãi suất tiết kiệm thông thường kỳ hạn 12 tháng do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Gia Lai công bố cộng với phí Ngân hàng 4,2%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay, hiện đã hoàn thành và là tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn

23. Vay dài hạn (tiếp theo)

23.1 Vay dài hạn ngân hàng và tổ chức (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo cho các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng và tổ chức	Số tiền	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số V.10, V.12)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai (tiếp theo)				
Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2012/HĐ ngày 30/6/2012 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 56/2013/BSHĐ ngày 16/10/2013	59.400.000.000	Thời hạn vay là 168 tháng kể từ ngày 30/6/2012 đến ngày 30/6/2026	Lãi suất là 12%/năm đến hết ngày 25/12/2013, từ ngày 26/12/2013 trở đi lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn 168 tháng do Ngân hàng thông báo từng thời kỳ cộng với phí Ngân hàng 2,5%/năm và được điều chỉnh vào ngày 26 hàng tháng nhưng lãi suất sau khi điều chỉnh không thấp hơn lãi suất tại thời điểm vay.	Tài sản hình thành từ vốn vay, hiện đã hoàn thành và là tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn
Hợp đồng tín dụng dài hạn số 02/2013/HĐ ngày 01/10/2013	19.965.858.000	Thời hạn vay là 76 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng đến ngày 31/12/2019	Lãi suất vay là 12,5%/năm được cố định đến hết ngày 25/10/2013, từ ngày 26/10/2013 trở đi lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn 76 tháng do Ngân hàng thông báo từng thời kỳ cộng phí Ngân hàng 3%/năm và được điều chỉnh vào ngày 26 hàng tháng nhưng lãi suất sau điều chỉnh không thấp hơn lãi suất tại thời điểm cho vay	Được bảo lãnh bằng tài sản của Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản ĐLGL (xem Thuyết minh VII.3e)

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI
Số 90 Lê Duẩn, phường Phù Đổng, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

23. Vay dài hạn (tiếp theo)

23.1 Vay dài hạn ngân hàng và tổ chức (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo cho các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng và tổ chức	Số tiền	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số V.10, V.12)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai (tiếp theo)				
Hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐTD/BIDV- BOTQL14 ngày 30/12/2013	976.269.391.733	Thời hạn vay là 15 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên	Lãi suất áp dụng theo lãi suất điều chỉnh.	Khoản nợ phát sinh từ hợp đồng này được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản và các quyền tài sản, quyền thu phí hình thành của Dự án (trạm thu phí, xe ô tô,...), các quyền và lợi ích khác phát sinh theo Hợp đồng BOT (kể cả quyền theo các chấp thuận) không phân biệt nguồn vốn đầu tư và toàn bộ số dư tiền gửi của bên vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam thuộc sở hữu của bên vay
Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2015/2856607/ HĐTD ngày 23/12/2015	374.610.000.000	Thời hạn vay tối đa là 13 năm kể từ ngày rút vốn vay đầu tiên, thời gian án hạn là 36 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Lãi suất vay là 10%/năm cố định đến ngày 31/12/2016, từ 01/01/2017 trở đi áp dụng lãi suất vay thả nổi điều chỉnh 03 tháng 01 lần, lãi suất vay được xác định bằng lãi suất tiết kiệm trả lãi sau kỳ hạn 12 tháng do BIDV Gia Lai thông báo tại thời điểm điều chỉnh (+) phí 3,85%/năm.	Tài sản hình thành từ vốn vay, hiện đã hoàn thành và là tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn
Tổng cộng	1.503.369.249.733			
<i>Trong đó:</i>				
<i>Vay dài hạn:</i>	<i>1.362.579.391.733</i>			
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>140.789.858.000</i>			

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính (Hợp nhất DN).

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LẠI
Số 90 Lê Duẩn, phường Phù Đổng, Tp. Pleikau, tỉnh Gia Lai
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

23. Vay dài hạn (tiếp theo)

23.1 Vay dài hạn ngân hàng và tổ chức (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo cho các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng và tổ chức	Số tiền	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số V.10, V.12)
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Gia Lai				
Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD 1401400008 ngày 14/1/2014 (sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số LD 1029900097 ngày 26/10/2010 và thỏa thuận sửa đổi bổ sung số 01-LD 1029900097 ngày 14/1/2014)	55.174.137.200	Thời hạn vay là 120 tháng, thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày giải ngân món vay đầu tiên	Lãi suất áp dụng cho lần giải ngân đầu tiên là 1%/tháng, các lần giải ngân sau lãi suất do Ngân hàng xác định tại thời điểm giải ngân	Toàn bộ tài sản đầu tư xây dựng gắn liền với đất và các hệ thống máy móc, trang thiết bị gắn liền công trình xây dựng hình thành từ vốn vay
Tổng cộng	55.174.137.200			
Trong đó:				
Vay dài hạn:	-			
Vay dài hạn đến hạn trả	55.174.137.200			

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN DỨC LONG GIA LAI
Số 90 Lê Duẩn, phường Phù Đổng, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

23. Vay dài hạn (tiếp theo)

23.1 Vay dài hạn ngân hàng và tổ chức (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo cho các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng và tổ chức	Số tiền	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số V.10, V.12)
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Gia Lai				
Hợp đồng tín dụng số 45/HĐTD ngày 26/02/2011 và văn bản sửa đổi hợp đồng tín dụng ngày 19/05/2014, phụ lục số 16 ngày 29/09/2022 về việc thay đổi thời hạn trả nợ gốc	440.281.403.555	Thời hạn vay là 13,5 năm kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu. Thời gian ân hạn: 4,5 năm, từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên (từ ngày 03/06/2011 đến ngày 03/12/2015)	Lãi suất áp dụng theo lãi suất điều chỉnh.	Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng BOT số 01/HDBOT ngày 01/09/2010 và các phụ lục kèm theo được ký kết giữa Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đắk Nông với Công ty Cổ phần BOT và BT Đức Long Đắk Nông; Toàn bộ quyền khai thác, thu phí các trạm thu phí đoạn Km 817 – Km 887 trên quốc lộ 14 tỉnh Đắk Nông; Các tài sản khác phát sinh từ ưu đãi đầu tư theo hợp đồng BOT

Tổng cộng 440.281.403.555

Trong đó:

Vay dài hạn: 320.281.403.555

Vay dài hạn đến hạn trả 120.000.000.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính (Hàng năm và Hàng quý) của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dức Long Gia Lai.

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI
Số 90 Lê Duẩn, phường Phù Đổng, Tp. Pleiêu, tỉnh Gia Lai
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

23. Vay dài hạn (tiếp theo)

23.1 Vay dài hạn ngân hàng và tổ chức (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo cho các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng và tổ chức	Số tiền	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số V.10, V.12)
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Tp. HCM				
Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD 1134100059 ngày 05/11/2012; thỏa thuận sửa đổi, bổ sung số 03/LD1134100059 ngày 25/06/2013	178.012.997.289	Thời hạn vay được điều chỉnh đến ngày 31/12/2020 và thời gian ân hạn kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 30/6/2016	Lãi suất áp dụng cho 3 tháng đầu tiên là 20%/năm (áp dụng cho lần giải ngân đầu tiên). Tại thời điểm bắt đầu tháng thứ 4, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay sẽ do Ngân hàng điều chỉnh theo định kỳ 3 tháng/lần	Tài sản hình thành trong tương lai là lợi tức phát sinh từ mù, hạt, gỗ vườn cây cao su trên, các quyền khai thác đá bazan làm vật liệu xây dựng, quyền khai thác đá Granit tại xã Nghĩa Hưng và là tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn

Tổng cộng 178.012.997.289

Trong đó:

Vay dài hạn:

Vay dài hạn đến hạn trả 178.012.997.289

23. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (tiếp theo)

23.2 Trái phiếu thường

Chi tiết trái phiếu thường như sau:

Tổ chức thu xếp phát hành	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai	431.898.719.456	477.439.831.456
Trái phiếu phải trả do không chuyển đổi	374.500.000	374.500.000
Cộng	432.273.219.456	477.814.331.456

Trong đó:

Trái phiếu dài hạn	-	-
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	432.273.219.456	477.814.331.456

Chi tiết số phát sinh về khoản vay trái phiếu thường trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Chuyển sang vay nợ đến hạn trả	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
- Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	477.814.331.456	-	-	(45.541.112.000)	432.273.219.456
Cộng	477.814.331.456	-	-	(45.541.112.000)	432.273.219.456

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI
Số 90 Lê Duẩn, phường Phú Đông, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

23. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (tiếp theo)
23.2 Trái phiếu thường

Tên tổ chức thu xếp phát hành	Số tiền	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp
-------------------------------	---------	-------------------------------------	----------	------------------

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai

Hợp đồng đặt mua trái phiếu được ký kết ngày 31/12/2014	360.000.000.000	Từ ngày 31/12/2014 đến hết ngày 31/12/2019	10%/năm áp dụng cho kỳ tính lãi đầu tiên, lãi suất các kỳ tính lãi tiếp theo bằng bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND, trả sau, kỳ hạn 12 tháng công bố tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Gia Lai, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Gia Lai tại ngày xác định lãi suất trái phiếu cộng biên độ 3,5%/năm	Bảo lãnh bởi Công ty CP Trồng rừng và Cây Công nghiệp Đức Long Gia Lai, Công ty TNHH Đức Long Dung Quất, Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven (xem thuyết minh VIII.3d, VIII.3e) và một số tài sản khác thuộc sở hữu của Công ty (xem thuyết minh V.10).
---	-----------------	--	---	---

Hợp đồng đặt mua trái phiếu được ký kết ngày 30/12/2017	71.898.719.456	Từ ngày 30/7/2017 đến hết ngày 30/12/2022	10%/năm áp dụng cho kỳ tính lãi đầu tiên, lãi suất các kỳ tính lãi tiếp theo bằng bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND, trả sau, kỳ hạn 12 tháng công bố tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Gia Lai, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Gia Lai tại ngày xác định lãi suất trái phiếu cộng biên độ 3,5%/năm	Bảo lãnh bởi Ông Bùi Pháp (Chủ tịch HĐQT) và Bà Nguyễn Thị Hương (xem thuyết minh VIII.3c) và một số tài sản thuộc sở hữu của Công ty (xem thuyết minh V.10).
---	----------------	---	---	---

Trái phiếu phải trả do không chuyển đổi	374.500.000			
---	-------------	--	--	--

Tổng	432.273.219.456			
-------------	------------------------	--	--	--

Trong đó:

Vay dài hạn:

Vay dài hạn đến hạn trả	432.273.219.456			
-------------------------	-----------------	--	--	--

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.548.780.192	-	(20.000.000)	2.528.780.192
Cộng	2.548.780.192	-	(20.000.000)	2.528.780.192

25. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	71.104.112.902	64.788.619.662
Cộng	71.104.112.902	64.788.619.662

26. Vốn chủ sở hữu

26a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Xem Phụ lục 04 đính kèm.

26b Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	2.993.097.200.000	2.993.097.200.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	2.993.097.200.000	2.993.097.200.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	299.309.720	299.309.720
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	299.309.720	299.309.720
- Cổ phiếu phổ thông	299.309.720	299.309.720
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	299.309.720	299.309.720
- Cổ phiếu phổ thông	299.309.720	299.309.720
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

Chi tiết gồm:	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- USD	4,786,458.67	3,986,914.67
- EUR	-	5,746.00
- RMB	298.584,00	939,063.00
- KRW	-	180,582,478.00

Nợ khó đòi đã xóa

Chi tiết gồm:	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vachetti Giuseppe S.P.A	636.431.769	636.431.769
- Công ty TNHH Nam Thuận	533.661.700	533.661.700
- Các khách hàng khác	8.120.402.035	8.120.402.035
Cộng	9.290.495.504	9.290.495.504

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (HỢP NHẤT) (ĐVT: VNĐ)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

Chi tiết gồm:	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng	668.667.307.413	922.199.487.632
- Doanh thu bán linh kiện điện tử	573.366.929.047	821.925.595.009
- Doanh thu bán đá	24.199.785.000	27.430.830.000
- Doanh thu bán điện thương phẩm	68.902.271.366	68.355.972.465
- Doanh thu bán gỗ, thành phẩm từ gỗ	2.198.322.000	4.487.090.158
Doanh thu cung cấp dịch vụ	453.669.429.604	425.595.814.272
- Dịch vụ trạm thu phí BOT	449.011.520.513	420.885.233.913
- Doanh thu cho thuê tài sản	4.657.909.091	4.210.098.121
- Dịch vụ bến xe	-	500.482.238
Doanh thu khác	-	78.145.101
Cộng	1.122.336.737.017	1.347.873.447.005

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Chi tiết gồm:	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu cho thuê tài sản	2.605.090.908	3.085.090.909
- Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven	1.296.000.000	1.776.000.000
- Công ty CP Dịch vụ Công Cộng Đức Long Bảo Lộc	1.309.090.908	1.309.090.909
Cộng	2.605.090.908	3.085.090.909

2. Giá vốn hàng bán

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán hàng	608.943.957.457	826.969.069.843
- Giá vốn bán linh kiện điện tử	540.181.111.152	756.769.822.340
- Giá vốn bán đá	24.003.127.631	27.146.624.412
- Giá vốn bán điện thương phẩm	42.764.347.587	38.370.677.288
- Giá vốn bán gỗ, thành phẩm từ gỗ	1.995.371.087	4.681.945.803
Giá vốn cung cấp dịch vụ	232.537.316.059	183.752.441.309
- Dịch vụ trạm thu phí BOT	228.227.213.945	177.876.250.941
- Dịch vụ cho thuê tài sản	4.310.102.114	5.868.690.368
- Dịch vụ bến xe	-	7.500.000
Dự phòng giảm giá HTK	58.002.519.336	8.772.275.538
Giá vốn khác	-	1.103.096.331
Cộng	899.483.792.852	1.020.596.883.021

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	236.725.844.452	235.320.375.251
- Cổ tức lợi nhuận được chia	225.036.000	225.036.000
- Chênh lệch tỷ giá	626.113.950	-
- Lãi thoái vốn công ty con	-	1.310.469.321
Cộng	237.576.994.402	236.855.880.572

4. Chi phí tài chính

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lãi vay	303.443.737.802	311.271.437.435
- Lãi trái phiếu	50.083.664.882	50.206.458.242
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	652.255.740	34.259.831.538
- Phí phát hành trái phiếu	-	516.303.317
- Dự phòng/hoàn nhập giảm giá các khoản đầu tư	(5.467.374.384)	31.589.677.024
- Lỗ thanh lý công ty con	4.600.980.384	-
- Khác	138.607.008	-
Cộng	353.451.871.432	427.843.707.556

5. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
Lãi (+) hoặc lỗ (-) trong công ty liên doanh, liên kết	47.555.317	108.632.858
Cộng	47.555.317	108.632.858



6. Chi phí bán hàng

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên	92.874.913	72.726.495
- Chi phí hoa hồng	2.300.128.394	3.282.932.976
- Chi phí vận chuyển	3.122.716.844	6.728.892.246
- Chi phí dịch vụ mua ngoài, bằng tiền khác	1.309.023.066	1.028.214.728
Cộng	6.824.743.217	11.112.766.445

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên vật liệu	642.109.968	971.233.450
- Chi phí nhân viên quản lý	57.737.198.654	55.151.024.501
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	21.491.876.166	34.089.329.418
- Dự phòng (+) / hoàn nhập (-) nợ phải thu quá hạn, khó đòi	511.475.063.045	1.128.840.428.305
- Phân bổ lợi thế thương mại	49.104.080.459	48.537.588.168
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.538.522.000	21.727.369.317
Cộng	658.988.850.292	1.289.316.973.159

8. Thu nhập khác

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Thu nhập chuyển nhượng Bất động sản	3.023.435.000	-
- Thu khác	6.634.524.020	6.414.292.134
Cộng	9.657.959.020	6.414.292.134

9. Chi phí khác

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí khấu hao tài sản cố định không sử dụng	9.825.369.384	9.834.838.547
- Chi phí tiền chậm nộp	928.055.072	2.008.487.363
- Lỗ do đánh giá lại tài sản góp vốn	-	10.871.943.766
- Chi phí phạt thuế	-	43.874.555
- Chi phí khác	1.931.282.717	3.349.960.687
Cộng	12.684.707.173	26.109.104.918

12817
ÔNG T
NHIỆM
OÁN V
UẤN
TP. H

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	349.052.063.205	555.606.739.097
- Chi phí nhân công	190.297.025.879	229.138.739.421
- Chi phí khấu hao tài sản cố định dùng trong sản xuất, kinh doanh	220.530.933.200	159.869.580.742
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	199.676.550.122	222.073.233.299
Cộng	959.556.572.406	1.166.688.292.559

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(594.601.137.150)	(1.219.413.266.472)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(594.601.137.150)	(1.219.413.266.472)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (Cp)	299.309.720	299.309.720
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)	(1.987)	(4.074)

12. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	(594.601.137.150)	(1.219.413.266.472)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận	-	-
Lợi nhuận tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	(594.601.137.150)	(1.219.413.266.472)
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu (Cp)	299.309.720	299.309.720
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cp)	(1.987)	(4.074)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (HỢP NHẤT) (ĐVT: VND)

Lãi, lỗ hoạt động đầu tư

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	(236.725.844.452)	(235.307.578.048)
Phần lãi (-) hoặc lỗ (+) thanh lý TSCĐ	-	327.753.180
Lỗ từ việc đánh giá lại tài sản phi tiền tệ mang đi góp vốn	-	11.071.943.766
Phần lãi (-) hoặc lỗ (+) trong công ty liên doanh, liên kết	(47.555.317)	(108.632.858)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(225.036.000)	(225.036.000)
Kết chuyển giảm chi phí XDCB dở dang	21.664.304.364	200.000.000
Lãi (-) hoặc lỗ (+) do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	(1.310.469.321)
Cộng	(215.334.131.405)	(225.352.019.281)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản tiềm tàng

Tại ngày lập báo cáo này, Tập đoàn không phát sinh các khoản tài sản tiềm tàng.

2. Nợ tiềm tàng

Tại ngày lập báo cáo này, Tập đoàn không phát sinh các khoản nợ tiềm tàng.

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

3a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Ông Bùi Pháp (Chủ tịch HĐQT)	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tập đoàn chia cổ tức	-	360.000.000
Cộng	-	360.000.000

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc)

Tiền lương	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Tường Cọt	Tổng Giám	181.153.846	184.693.733
Bà Vũ Thị Hải	Phó Tổng Giám đốc	262.884.615	301.271.367
Ông Phạm Minh Việt	Phó Tổng Giám đốc	425.000.000	440.000.000
Ông Trần Văn Phương	Phó Tổng Giám đốc	380.000.000	325.000.000
Ông Đỗ Thành Nhân	Trưởng phòng TC – KT kiêm phụ trách kế toán	242.886.751	231.739.495
Cộng		1.491.925.212	1.482.704.595

Trong năm, thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát không phát sinh tiền lương và thù lao tại Công ty.

3b Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1.	Công ty CP tư vấn và Xây dựng Giao thông Gia Lai	Công ty liên kết
2.	Công ty CP Đức Long Tây Nguyên	Công ty liên kết đến ngày 27/12/2022
3.	Công ty CP DLG CY Việt Nam	Công ty liên kết đến ngày 27/12/2022
4.	Công ty CP Dịch vụ Công Cộng Đức Long Bảo Lộc	Công ty nhận đầu tư
5.	Công ty TNHH Đức Long Dung Quất	Chung thành viên lãnh đạo đến ngày 05/01/2023
6.	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai	Chung thành viên lãnh đạo điều hành
7.	Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven	Chung cổ đông lớn
8.	Công ty TNHH Điện Tử DLG Ansen	Chung cổ đông lớn
9.	Công ty CP Năng Lượng Tân Thượng	Chung thành viên lãnh đạo
10.	Ông Bùi Pháp	Chủ tịch HĐQT
11.	Bà Nguyễn Thị Hương	Người có liên quan đến Ông Bùi Pháp
12.	Ông Võ Mộng Hùng	Thành viên HĐQT, Trưởng ban kiểm toán nội bộ

Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cho thuê tài sản	1.296.000.000	1.776.000.000
Chi phí thuê tài sản	150.000.002	218.181.818
Chi phí mua điện sản xuất	70.423.660	514.440.755
Chia cổ tức	8.700.000.000	26.100.000.000
Chi cổ tức	34.800.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	-	40.540.404.422 (#13,613,299.00 HKD)

Công ty CP Dịch vụ Công Cộng Đức Long Bảo Lộc

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cho thuê tài sản	1.309.090.908	1.309.090.909

Công ty CP tư vấn và Xây dựng Giao thông Gia Lai

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức nhận được	225.036.000	225.036.000

Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai

	Năm nay	Năm trước
Cho vay	1.406.000.000	700.000.000
Thu hồi tiền cho vay	1.406.000.000	700.000.000
Thu hồi lãi cho vay	2.594.007.623	-
Đi vay	25.390.034.377	-
Lãi vay phải trả	26.433.460	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Ông Bùi Pháp

	Năm nay	Năm trước
- Chia cổ tức	120.000.000	360.000.000
- Chi cổ tức	480.000.000	-
- Mượn tiền	30.997.000.000	-
- Trả tiền mượn	30.997.000.000	-
Ông Võ Mộng Hùng	Năm nay	Năm trước
Công ty mượn tiền	200.000.000	-
Công ty trả tiền mượn	200.000.000	-

Số dư với các bên liên quan khác đã được trình bày tại thuyết minh số V.3, V.4, V.6, V.17, V.18, V.21a.

3c Bảo đảm của cá nhân cho các khoản Tập đoàn đi vay

Ông Bùi Pháp (chủ tịch HĐQT) và bà Nguyễn Thị Hương (người có liên quan đến Ông Bùi Pháp) đã dùng tài sản cá nhân để đảm bảo các khoản vay ngân hàng và phát hành trái phiếu (xem thuyết minh số V.22, V.23).

3d Bảo đảm của bên liên quan cho các khoản Tập đoàn đi vay

Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven (chung cổ đông lớn) đã dùng tài sản để đảm bảo các khoản vay ngân hàng và phát hành trái phiếu (xem thuyết minh số V.22, V.23).

3e Bảo đảm của tổ chức không phải bên liên quan cho các khoản đi vay của Tập đoàn

Công ty CP Trồng Rừng và Cây công nghiệp ĐLGL, Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản ĐLGL, Công ty TNHH Đức Long Dung Quất đã dùng tài sản để đảm bảo khoản phát hành trái phiếu và vay ngân hàng (xem thuyết minh số V.23).

4. Báo cáo bộ phận

Thông tin Báo cáo bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý

Lĩnh vực kinh doanh

- Năm nay

Lĩnh vực	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lợi nhuận gộp
- Buôn bán linh kiện điện tử	573.364.446.360	544.220.192.736	29.144.253.624
- Đá Granite	24.199.785.000	24.829.706.089	(629.921.089)
- Điện thương phẩm	68.902.271.366	42.764.347.587	26.137.923.779
- Bán gỗ, thành phẩm từ gỗ	2.198.322.000	55.132.230.381	(52.933.908.381)
- Dịch vụ trạm thu phí BOT	449.011.520.513	228.227.213.945	220.784.306.568
- Doanh thu cho thuê tài sản	4.657.909.091	4.310.102.114	347.806.977
Cộng	1.122.334.254.330	899.483.792.852	222.850.461.478

• Năm trước

Lĩnh vực	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lợi nhuận gộp
- Bán bán linh kiện điện tử	821.924.245.224	762.268.417.980	59.655.827.244
- Đá Granite	27.430.830.000	27.146.624.412	284.205.588
- Điện thương phẩm	68.355.972.465	38.370.677.288	29.985.295.177
- Bán gỗ, thành phẩm từ gỗ	4.487.090.158	7.955.625.701	(3.468.535.543)
- Dịch vụ trạm thu phí BOT	420.885.233.913	177.876.250.941	243.008.982.972
- Doanh thu cho thuê tài sản	4.210.098.121	5.868.690.368	(1.658.592.247)
- Dịch vụ bến xe	500.482.238	7.500.000	492.982.238
- Bán hàng, dịch vụ khác	78.145.101	1.103.096.331	(1.024.951.230)
Cộng	1.347.872.097.220	1.020.596.883.021	327.275.214.199

Khu vực địa lý

Trong năm, Tập đoàn có thực hiện hoạt động kinh doanh trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam.

Năm nay	Hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam	Hoạt động ngoài lãnh thổ Việt Nam	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	548.969.807.970	573.364.446.360	1.122.334.254.330
Giá vốn hàng bán	355.263.600.116	544.220.192.736	899.483.792.852
Lợi nhuận gộp	193.706.207.854	29.144.253.624	222.850.461.478
Năm trước	Hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam	Hoạt động ngoài lãnh thổ Việt Nam	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	525.947.851.996	821.924.245.224	1.347.872.097.220
Giá vốn hàng bán	258.328.465.041	762.268.417.980	1.020.596.883.021
Lợi nhuận gộp	267.619.386.955	59.655.827.244	327.275.214.199

5. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tập đoàn thế chấp tài sản cố định; Bất động sản đầu tư để đảm bảo cho các khoản vay và phát hành trái phiếu. Giá trị còn lại của Tài sản cố định hữu hình; Bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 dùng để thế chấp lần lượt là 2.345.686.165.439 đồng và 27.444.199.176 đồng (xem tại thuyết minh V.10, V.12).

Nhận thế chấp tài sản của đơn vị khác

Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2023.

6. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, khoản lỗ thuần của Tập đoàn là (2.664.379.511.213) đồng và tại ngày đó, các khoản nợ ngắn hạn của Tập đoàn đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn của Tập đoàn là 1.637.962.063.529 đồng. Ngoài ra, Tập đoàn có một số khoản nợ phải trả và vay đã quá hạn thanh toán với tổng giá trị ước tính là 2.240.658.082.331 đồng. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Tuy nhiên, Tập đoàn khẳng định tình hình sản xuất kinh doanh vẫn đang hoạt động ổn định, khắc phục các khó khăn trước mắt Hội đồng quản trị và Ban điều hành luôn chủ động đưa ra nhiều giải pháp linh hoạt theo biến động thị trường như: cấu trúc tình hình tài chính, tăng cường thu nợ, cắt giảm chi phí nhằm mục tiêu giảm nợ vay ngân hàng, cụ thể trong năm 2023 Công ty đã thực hiện trả gốc ngân hàng hơn 187 tỷ đồng. Định hướng chiến lược và kiên định mục tiêu từ năm 2024 đến 2026 tất toán toàn bộ nợ quá hạn ngân hàng và miễn toàn bộ lãi.

Ngoài ra, Hội đồng Quản trị cũng đã làm việc với các Ngân hàng đã có văn bản thống nhất cho Tập đoàn tất toán nợ, miễn toàn bộ lãi.

7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Gia Lai, ngày 30 tháng 3 năm 2024.

Người lập biểu

NGUYỄN KHOA DIỆU THU

Trưởng phòng TC - KT
kiêm phụ trách kế toán

ĐỖ THÀNH NHÂN



NGUYỄN TƯỜNG CỘT

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, p. Phú Đông, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Vườn cây	Tài sản khác (Dự án BOT)	Cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình							
1. Số dư đầu năm	513.484.177.464	896.759.995.929	30.207.649.938	99.625.679.179	176.497.581.455	2.426.432.709.413	4.143.007.793.378
2. Tăng trong năm	2.225.341.910	20.543.693.488	215.875.945	2.944.537.736	-	-	25.929.449.079
- Tăng do mua mới	3.210.312.816	-	-	181.920.592	-	-	3.392.233.408
- Tăng từ xây dựng cơ bản dở dang	1.478.079.630	-	-	-	-	-	1.478.079.630
- Chuyển lịch do chuyển đổi BCTC	747.262.280	17.333.380.672	215.875.945	2.762.617.144	-	-	21.059.136.041
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	515.709.519.374	917.303.689.417	30.423.525.883	102.570.216.915	176.497.581.455	2.426.432.709.413	4.168.937.242.457
II Giá trị hao mòn lũy kế							
1. Số dư đầu năm	122.077.033.298	652.845.475.709	27.225.093.918	98.109.805.744	35.765.027.733	624.887.087.130	1.560.909.523.532
2. Tăng trong năm	18.727.823.158	42.145.587.897	849.939.127	3.130.202.903	8.897.087.280	141.045.069.151	214.795.709.516
- Khấu hao trong năm	18.031.023.987	24.939.407.893	637.064.642	403.439.633	8.897.087.280	141.045.069.151	193.953.092.606
- Chuyển lịch do chuyển đổi BCTC	696.799.171	17.206.180.004	212.874.485	2.726.763.250	-	-	20.842.616.910
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	140.804.856.456	694.991.063.606	28.075.033.045	101.240.008.647	44.662.115.013	765.932.156.281	1.775.705.233.048
III. Giá trị còn lại							
1. Tại ngày đầu năm	391.407.144.166	243.914.520.220	2.982.556.020	1.515.873.435	140.732.553.722	1.801.545.622.283	2.582.098.269.846
2. Tại ngày cuối năm	374.904.662.918	222.312.625.811	2.348.492.838	1.330.208.268	131.835.466.442	1.660.500.533.132	2.393.232.009.409

Trong đó: Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 737.151.016.224 đồng

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 2.345.686.165.439 đồng (xem tại thuyết minh V.22; V.23)

Gia Lai, ngày 30 tháng 3 năm 2024.

Người lập biểu

NGUYỄN KHOA DIỆU THU

Trưởng phòng TC - KT
kiểm phụ trách kế toán

ĐỖ THÀNH NHÂN



CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI
 Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, p. Phú Đông, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Phụ lục số 02

PHỤ LỤC SỐ 02: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Chi phí triển khai	Cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình				
1. Số dư đầu năm	81.652.795	397.684.000	228.517.964.618	228.997.501.413
2. Tăng trong năm	-	-	17.588.725.010	17.588.725.010
- Tăng do mua mới	-	-	11.172.039.256	11.172.039.256
- Chuyển lịch do chuyển đổi BCTC	-	-	6.416.685.754	6.416.685.754
3. Giảm trong năm	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	81.652.795	397.684.000	246.106.689.628	246.586.026.423
II Giá trị hao mòn lũy kế				
1. Số dư đầu năm	81.652.795	397.684.000	201.168.697.558	201.648.034.353
2. Tăng trong năm	-	-	20.722.705.743	20.722.705.743
- Khấu hao trong năm	-	-	15.051.725.040	15.051.725.040
- Chuyển lịch do chuyển đổi BCTC	-	-	5.670.980.703	5.670.980.703
3. Giảm trong năm	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	81.652.795	397.684.000	221.891.403.301	222.370.740.096
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm	-	-	27.349.267.060	27.349.267.060
2. Tại ngày cuối năm	-	-	24.215.286.327	24.215.286.327

Trong đó: Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 175.225.576.111 đồng

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 0 đồng.

Gia Lai, ngày 30 tháng 3 năm 2024.

Trưởng phòng TC - KT
kiểm phụ trách kế toán

Người lập biểu



(Signature)

(Signature)

ĐỖ THÀNH NHÃN

NGUYỄN KHOA ĐIỀU THƯ

NGUYỄN TƯỜNG CỘT

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, p. Phú Đông, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Phụ lục số 03

PHỤ LỤC SỐ 03: THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Hoàn nhập	Thay đổi do chênh lệch tỷ giá	Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp			Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	7.409.353.689	-	36.066.958.847	(37.809.979.482)	-	-	5.666.333.054	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	65.699.944.473	550.000	10.028.178.521	(18.490.205.671)	-	1.396.358.568	58.747.876.575	114.150.684
Thuế thu nhập cá nhân	14.522.171	943.314	420.603.232	(421.185.694)	-	-	15.413.740	2.417.345
Thuế nhà đất, thuế đất	3.154.817.276	1.247.455	1.454.401.503	(330.770.795)	-	-	4.278.447.984	1.247.455
Thuế tài nguyên	292.521.873	-	5.189.460.005	(5.130.379.126)	-	-	351.602.752	-
Thuế môn bài	-	-	15.000.000	(15.000.000)	-	-	-	-
Khoản thuế khác	4.101.318.933	-	3.559.650.465	(2.713.987.058)	-	-	4.946.982.340	-
Tổng	80.672.478.415	2.740.769	56.734.252.573	(64.911.507.826)	-	1.396.358.568	74.006.656.445	117.815.484

Người lập biểu

Nguyễn Khoa Diệu Thu

NGUYỄN KHOA DIỆU THƯ

Trưởng phòng TC - KT
kiểm phụ trách kế toán

Đỗ Thành Nhân

ĐỖ THÀNH NHÂN

Gia Lai, ngày 31 tháng 3 năm 2024.



CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI
 Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, p. Phú Đông, Tp. Pleikhu, tỉnh Gia Lai
 Báo thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

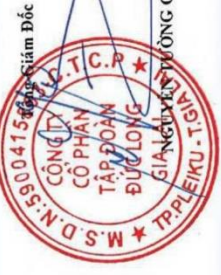
PHỤ LỤC SỐ 04: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quy định tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát (*)	Cộng
1. Số dư đầu năm trước	2.993.097.200.000	50.510.908.328	(12.722.144.419)	6.196.436.959	(850.365.107.591)	132.117.681.834	2.318.834.975.111
2. Tăng trong năm trước	-	-	-	-	-	22.550.192.342	22.550.192.342
- Lợi trong năm	-	-	-	-	-	22.236.416.222	22.236.416.222
- Tăng do thay đổi tỷ lệ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng từ hợp nhất công ty con	-	-	-	-	-	-	-
- Chênh lệch tỷ giá chuyển đổi Báo cáo tài chính	-	-	-	-	-	-	-
3. Giảm trong năm trước	-	-	13.508.961.533	-	(1.219.413.266.472)	(26.460.000.000)	(1.237.364.304.939)
- Lợi trong năm	-	-	13.508.961.533	-	(1.219.413.266.472)	-	(1.219.413.266.472)
- Chênh lệch tỷ giá chuyển đổi Báo cáo tài chính	-	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(26.460.000.000)	(26.460.000.000)
- Giảm do thoái vốn Công ty con	-	-	-	-	-	-	-
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm trước, đầu năm nay	2.993.097.200.000	50.510.908.328	786.817.114	6.196.436.959	(2.069.778.374.063)	128.207.874.176	1.109.020.862.514
5. Tăng trong năm	-	-	5.916.588.490	-	-	15.998.532.072	21.915.120.562
- Tăng từ kết quả kinh doanh	-	-	5.916.588.490	-	-	15.861.105.951	15.861.105.951
- Chênh lệch tỷ giá chuyển đổi Báo cáo tài chính	-	-	-	-	-	137.426.121	137.426.121
- Tăng do thoái vốn công ty con	-	-	-	-	-	-	-
6. Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	-
- Lợi trong năm	-	-	-	-	(594.601.137.150)	(8.820.000.000)	(603.421.137.150)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(594.601.137.150)	(8.820.000.000)	(594.601.137.150)
7. Số dư cuối năm	2.993.097.200.000	50.510.908.328	6.703.405.604	6.196.436.959	(2.664.379.511.213)	135.386.406.248	527.514.845.926

(*) Tình hình tăng giảm Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

Lợi ích của CDKKS trong các công ty	Tăng	Lãi(Lỗ) trong năm	Chia cổ tức	Tăng/(Giảm) do thoái vốn	Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá	Tại ngày 31/12/2023
Công ty CP BOT và BT Đức Long Đắk Nông	-	20.742.649.673	(8.820.000.000)	-	-	123.830.326.921
Công ty CP BOT và BT Đức Long Gia Lai	-	(2.062.792.884)	-	-	-	4.267.914.630
Công ty CP Bên xe Liên tỉnh Phía Nam Thành Phố Đà Nẵng	-	(1.784.020.827)	-	-	-	-
Công ty TNHH Mass Noble Investment	-	(1.034.730.011)	-	-	137.426.121	4.322.498.875
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện năng Đức Long Gia Lai	-	15.861.105.951	(8.820.000.000)	-	-	2.965.665.822
Cộng	-	-	-	-	-	135.386.406.248

Gia Lai, ngày 30 tháng 3 năm 2024.



Người lập biểu
 Trưởng phòng TC - KT
 kiêm phụ trách kế toán

(Signature)

ĐỖ PHANH NHÂN

NGUYỄN KHOA ĐIỀU THƯ

